

LÊ MAI LĨNH

**HÃY CHO TỔ QUỐC  
MƯỢN ĐÔI CHÂN CỦA BẠN**  
(thơ / bút chiến / tiểu luận chính trị)

**NHÀ XUẤT BẢN Ý TRỜI  
HOA KỲ, 2024**

# T U Y Ê N   N G Ô N   T H Ơ

Viết giữa núi rừng Yên Thế.  
Trung úy Lê văn Chính.  
Số quân 64/425.308.  
1978.

**D ù   T R O N G   G Ô N G   C ù M ,  
X I È N G   X Í C H ,  
T R U Ớ C   H Ọ N G   S Ú N G ,   L U Ờ I   L Ê ,  
T H I   S Ĩ   V ẫ N   L Ê N   T I È N G   V À  
T H Ơ   Đ Ã   C Ó   M Ặ T .**

Trại tù YÊN BÁI  
LÊ MAI LĨNH

# DANH NGÔN

**\* ĐÁNH GIÁ THẤP ĐỐI PHƯƠNG  
LÀ THUA MỘT TRẬN ĐÁNH,  
NHƯNG ĐỀ CAO SỨC MẠNH  
CỦA ĐỐI PHƯƠNG  
LÀ HỦY DIỆT MẦM HY VỌNG  
CỦA CUỘC ĐẤU TRANH.  
(LÊ MAI LĨNH)**

**\* TIỀN BẠC KHÔNG LÀM MÌNH  
BẤT TỬ,  
NHƯNG THAM GIA TIỀN BẠC  
VẬN ĐỘNG LỊCH SỬ  
LÀM MÌNH SỐNG MÃI VỚI  
THIÊN THU.  
(LÊ MAI LĨNH)**

# THAY LỜI GIỚI THIỆU

## TỪ SƯƠNG BẾN THỦY ĐẾN LÊ MAI LĨNH

Phạm Tín An Ninh, nhà văn

Năm đang học lớp Đệ nhị C Trường Trung học Võ Tánh, Nha Trang, bọn tôi nghe bạn bè xầm xì có một “ông” học trò mới chuyển từ Trường Nguyễn Hoàng, Quảng Trị vào học lớp Tam C.

Thời ấy đặc biệt ở các lớp ban C có nhiều giai nhân, nên đám nam sinh thường hay ngắm nghé.

Nghe nói gã từ miền giới tuyến Đông Hà hay Gio Linh gì đó mới trôi dạt vào đây.

Không biết tên là gì, nhưng thấy gã lúc nào cũng ăn mặc “à la mode”, choàng áo vest, mang giày da bóng loáng có cái đế kêu cộp cộp, trong lúc hầu hết bọn tôi chỉ mang sandal hay dép Nhật.

Đã vậy gã lại thường vào lớp trễ, nên học trò trong lớp đang ngồi chờ giáo sư, đều nhòm đứng lên chào, bởi nghe tiếng đế giày thong thả nện xuống nền ciment ngoài hành lang, cứ tưởng là thầy giáo đến!

Chắc có nhiều tiếng rủa thầm trong miệng.

Đã vậy gã ta lúc nào cũng ngược mặt nhìn trời, xem mây lớp đàn anh cứ như cỏ rác.

Cùng năm ấy, còn có một “ông” khác, không biết vì sao bỏ “sào huyệt” từ cố đô Huế vào học lớp Đệ tứ, chuyên “xách động” bãi khóa, biểu tình chống chế độ Tổng thống Ngô Đình Diệm, tình nguyện đứng dưới trướng một cô cùng lớp Tam C của ông Quảng Trị, rất phong độ nên sau đó cô nàng nổi tiếng với cái tên “Nữ Hoàng Xuống Đường”.

Ông gốc Huế này, mới nghe cái tên, ai cũng biết. Đó là ông Trần Mậu Tý (sau này bị chính ông anh “đồng chí” Nguyễn Đắc Xuân bắn chết trong biến cố Mậu Thân 1968). Nhưng ông thân Mậu Tý này là đồ bỏ, chỉ “quậy” một năm chẳng tới đâu, rồi biến, trở về Huế (hình như bị trường đuổi học vì lý do kỷ luật).

Chỉ còn có ông học trò gốc Quảng Trị là nổi đình nổi đám. Bọn tôi đang ghét cay ghét đắng, chưa kịp “hỏi thăm sức khỏe”, thì bất ngờ gã được Thầy hiệu trưởng Lê Nguyên Diệm “mời” thuyết trình trước toàn trường đề tài: “Giới Hạn Tự Do của Học Sinh ở Học Đường”.

Ghê gớm hơn, chỉ vài tháng sau đó, gã lại được tuyển chọn để thuyết trình một đề tài “đẳng cấp” hơn mang tính văn học xã hội: “Thân Phận Người Đàn Bà qua Ca Dao Việt Nam” tại rạp ciné Minh Châu bệ thế!

Mọi người bắt đầu nhìn gã với con mắt khác, và dường như gã cũng biết chọn thời cơ để làm cho thiên hạ thấy mình “dễ thương” hơn.

Sau này chính gã tự thú: “Không biết vì sao mà lúc ấy không bị ăn đòn... mới lạ!”.

Đùng một cái, mới vào đầu niên học mới, không những chỉ trường Võ Tánh, mà gần như cả thành phố Nha Trang “dậy sóng”: một tập thơ mới toanh của một ông nhà thơ cũng mới toanh được ra mắt trình làng (thời ấy hiếm lắm).

Tập thơ với cái tựa “*Nỗi Buồn Nhược Tiểu*” nghe đầy tính triết lý nhân sinh quan thời cuộc, và với cái tên tác giả “*Sương Biên Thù*” đượm mùi chinh chiến, làm nhiều người nghĩ tác giả phải là một kẻ gió sương, từng trải, giờ gác kiếm dừng bước giang hồ, theo cụ Nguyễn Bá Trạc “vỗ tay mà hát,

ngiêng bầu mà hỏi, trời đất mang mang, ai là tri kỷ, lại đây cùng ta cạn một hồ trường”.

Nhưng không, cả thiên hạ ngạc nhiên khi nhận ra thi nhân Sương Biên Thùy này chính là ông học trò lớp Đề nhị C mà năm trước cả trường đều gai con mắt khi hấn ta từ Quảng Trị “nhập gia” nhưng không thềm “tùy tục”.

Cũng từ ấy chẳng ai thềm nhớ cái tên gã học trò Lê Văn Chính mà tất cả đều gọi hấn là “Sương Biên Thùy” (có tiếng xầm xì: cái tên nghe cải lương bỏ mẹ!).

Tập thơ tuy rất “đẳng cấp” từng vang tiếng một thời ở thành phố biển, vì quá lâu (nhưng không quá xưa) nên hiếm ai còn nhớ sau thời gian dài với những thăng trầm biến đổi, bao nhiêu rong rêu sông suối đã chảy hết cống qua cầu.

Giờ chỉ xin ghi lại một vài bài tiêu biểu:

## CHÂN DUNG TỰ HỌA

*Cha tôi còn, nhưng người theo kháng chiến,  
Phung phí một đời cho ảo tưởng hôm qua,  
Sống, chết đến nay, tôi không còn biết,  
Dư ảnh lu mờ, kỷ niệm phai pha.  
Từ cha tôi lên đường kháng chiến,  
Mẹ tôi về lo việc bán buôn,  
Mang tuổi thơ, tôi đã biết buồn,  
Không lúc cười, dù hoạt kê trước mặt,  
Mắt không vui, dù đời không buộc chặt,  
Tôi ngủ nhoài vào vùng lớn suy tư,  
Mang niềm đau nhọc tiểu ưu tư.  
Tôi chối từ mọi tư vương vị ngã,  
Đi vào đời bằng tâm nhân bản,  
Xin kéo cờ, các ngõ hồn nhân dân,  
Tung hô tình thương, suy tôn thánh thần,  
Danh sáng yêu thương, khai hoa nở nhụy,*

*Cho cuộc đời tròn thêm nghĩa lý,  
Cho bom đạn xâm lăng, bi kịch kéo màn,  
Bắc lại nhịp cầu, san bằng lòng huyết,  
Cho người người yêu nhau tha thiết,  
Đến khi chết,  
Xin làm cây cỏ thụ,  
Đứng giữa đất trời,  
Cười với thiên nhiên.*

## BẢN CÁO TRẠNG

*Tuổi trẻ hậu chiến,  
Loài ác diệu cướp mát,  
Chừ lớn lên,  
Mất bản tính con người.*

*Chúng tôi lớn lên,  
Ngôn ngữ phát âm là tiếng kêu kim khí,  
Con chim họa mi không hót lời thanh xưa,  
Con chim đại bàng không lời oang oác.*

*Rừng cây danh từ bạc màu biến sắc,  
Khuyh hướng nhân bản lệch lạc từ đầu,  
Tầm tay chúng tôi, chừ nay yếu đuối,  
Trước lưỡi lê quân thù.*

*Chúng nó tiền hậu tả hữu,  
Phi lý chúng ta đơn côi kéo dài,  
Hồi thợ thuyền, lao động, sinh viên,  
Những bàn tay xây nền mới,  
Hãy kết lên, Vạn Lý Thành.*

*Vẻ vang phải trở lại,  
Lịch sử đất nước này,  
Bất khuất dòng Lê Lợi,  
Việt Nam, muôn năm đây.*

*Anh hùng Nguyễn Thái Học,  
Tạ Thu Thâu, Trần Cao Vân,  
Các anh là thần thánh,  
Thành tự do muôn năm.  
Việt Nam muôn năm,  
Việt Nam muôn năm.*

Khi Sương Biên Thùy đang “làm mưa làm gió” ở Trường Võ Tánh thì tôi đã bỏ thành phố biển vào Sài Gòn, rồi cũng chẳng thuộc dòng hào kiệt gì đâu, tôi cũng phải “xếp bút nghiên theo việc kiếm cung”.

Được bổ nhậm về một đơn vị tác chiến lưu động tận vùng núi rừng Hoàng Triều Cương Thổ, năm tháng cùng đồng đội miệt mài với chiến trường, súng đạn.

Mãi bốn năm sau, cả đại đơn vị chuyển xuống đặt bản doanh tại Sông Mao, thành phố Nùng, nơi có ông lính Địa phương quân – nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn – dám qua mặt bọn tôi hô hào:

*“Mai ta đụng trận ta còn sống/ Về ghé Sông Mao  
phá phách chơi/ Chia sót nỗi buồn cùng gái điếm/  
Đốt tiền mua vợ một ngày vui”.*

Tôi từng dẫn quân giẫm nát mặt khu Lê Hồng Phong, từng bị thương và cũng từng:

*“Đêm nằm ngủ vông trên đồi cát / Nghe súng rừng  
xa nổ các cù/ Chợt thấy trong lòng mình bát ngát/  
Nỗi buồn sương khói của mùa thu”,* nhưng không có cơ hội nào tao ngộ với ông Thiếu úy Chiến tranh Chính trị Lê Văn Chính, để nhìn mặt Sương Biên Thùy bấy giờ dễ ghét đến đâu.

Bởi vì sau khi toàn bộ đại đơn vị tôi di chuyển lên Kontum vào Mùa Hè Đỏ Lửa, chặn Cộng quân từ Dakto tràn xuống, ông Quan Một CTCT Lê Văn Chính mới về trình diện Tiểu khu Bình Thuận, và

làm mưa làm gió ở vùng Ma Lâm, Tà Dôn, Nora này.

Chàng ta cũng không kịp gặp ông bạn nhà văn Y Uyên bị Việt Cộng phục kích bắn bị thương, rồi đâm chết ngay bên ngoài Căn cứ Nora. Nơi chính tôi có nhiều kỷ niệm, khi chỉ huy đại đội bảo vệ cho đơn vị Công binh Chiến đấu xây dựng căn cứ này để kịp cho một pháo đội Pháo binh đến đồn trú, yểm trợ trực tiếp cho đơn vị tôi hành quân giải tỏa mật khu Lê Hồng Phong (tháng 9-1966).

Sau này khi nghe ông Thiếu úy Lê Văn Chính dám đơn thân độc mã ra ứng cử dân biểu tại đơn vị Bình Thuận này, tôi còn sợ ông hơn cái thời ông đẹp sang một bên mấy nhà thơ đàn anh đàn chị ở Nha Trang: Duy Năng, Sao Trên Rừng, Cao Hoàn Nhân, Thanh Nhung,... khi ra mắt tập thơ “*Nỗi Buồn Nhược Tiểu*”. Biết ông ngông, nhưng tôi cũng phải ngã nón bái phục!

Rồi gãy súng, tan hàng, rồi tù đày, vượt biển... Hơn mấy chục năm sau, trôi dạt xứ người, bỗng đọc được những bài chính luận, bài thơ của một ông Lê Mai Lĩnh nào đó. Những bài thơ khẩu khí, ngang tàng nhưng cũng đầy nhân bản, lãng mạn.

Tôi buột miệng: “Lại thêm một ông Quảng Trị nữa!” Bởi cái tên Mai Lĩnh, cùng với Triệu Phong, Gio Linh, Đông Hà... luôn làm tôi nhớ tới những địa danh đẫm máu của vùng giới tuyến Quảng Trị ngày nào, nơi có biết bao đồng đội của tôi đã ngã xuống và dưới đáy sông Thạch Hãn vẫn còn xương cốt của hàng vạn những người trai trẻ ở phía bên kia!

Khi ấy tôi đâu có biết Lê Mai Lĩnh chính là “hóa thân” từ Sương Biên Thùy của Võ Tánh ngày xưa, nên một lần nữa tôi lại ngán thêm một ông nhà thơ Quảng Trị ưa triết lý trong những cơn say và tự nhận mình là “Khùng thi sĩ” mà yêu nước (và yêu cả giai nhân) nồng nàn chẳng kém thua ai:

*Ký tên dưới đây là tôi,  
Lê Mai Lĩnh,  
Thi sĩ.  
Yêu quê hương như yêu chính bản thân mình,  
Và tổ quốc, trong trái tim tôi hằng đem thao  
thức.  
Bụi và lãng mạn,  
Thêm một chút khùng,  
Khi trái trời đổi gió biến thành điên,  
Có máu hiệp sĩ,  
Thích trừ gian diệt bạo,  
Dù chỉ cân nặng 46 ký lô,  
Cao một mét sáu mươi lăm,  
Nhưng tôi vẫn luôn đứng thẳng,  
Dẫu đã qua mấy mùa giông bão.  
(Bản Cáo Trưng)*

Ở trong tù mà dám viết thư chất vấn Tổng bí thư  
Đảng, chửi cả Hồ Chí Minh và lên án chế độ:

*Cha tôi là Lê Văn Thông,  
Từ người kháng chiến yêu nước năm 45,  
Biết nói tiếng Pháp như gió,  
Sau trở thành đảng viên cộng sản,  
Chỉ biết cầm súng cắc, búp-xoè,  
Giờ đã 80, nằm một chỗ chửi ông và tập đoàn  
lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam,  
Bởi theo các ông mà thân tàn ma dại”.*

...

*Thêm một điều tôi muốn nói với ông,  
Là hiện nay nhân dân đang nguyện rửa ông  
quá đổi.  
Họ nguyện rửa ông làm tay sai cho cộng sản  
quốc tế,  
Đem chủ nghĩa phi nhân, ngoại lai về giết hại  
dân lành.  
Họ nguyện rửa ông đã bản cùng hóa  
nhân dân.*

*Đưa dân tộc vào tận cùng rách nát.*

*(Bản Cáo Trạng)*

*Trông lên thấy cờ đỏ chói chang,*

*Biểu ngữ, huy chương chữ nghĩa làng chàng,*

*Ngó xuống, thấy dân đời điêu đứng,*

*Máu đỏ, thây phơi, hàng nổi hàng.*

*(Thời Đại Hồ Chí Minh)*

Và Lê Mai Linh cũng đa tình, lãng mạn không ai  
bằng:

*Nửa trái tim tôi, em cất giữ từ lâu,*

*Nhớ cẩn thận đừng để rơi để rớt.*

*Tôi sống được, nhờ nửa trái tim đó,*

*Em để mất tiêu, là đời tôi tiêu mất.*

*(Hãy Giữ Giùm Nửa Trái Tim Khứ Đế)*

*Hơn 60 năm tìm lại được cô láng giềng,*

*Mừng khắp khởi, hạnh phúc đếm từng giây*

*từng phút,*

*Đêm đêm ôm nỗi nhớ cô với lòng trai*

*chết điếng*

*Cô láng giềng nằm bên ngoan như con*

*mèo con.*

...

*Ngăn tim tôi cũng là lâu đài tình ái,*

*Những gì cô muốn không thiếu một chi,*

*Tôi, thi sĩ, nào đâu dám để cô thiếu thốn.*

*Hễ thấy cô buồn, là tim tôi héo hon.*

*(Buồn Cô Láng Giềng)*

*Mỗi sáng mai, lời chào gọi em như thường lệ,*

*Là một bài thơ tỏ tình như thuở mới đôi mươi,*

*Thuở cùng nhau đến trường ngày hai buổi,*

*Em bên kia, anh lẻo đẻo bên này.*

*(Mỗi Sáng Mai)*

*“70 tuổi thấy mình còn sung độ,*

*Cơm ba bữa, quà vợ tháng hai lần,*

*Gạo lứt, muối mè, thiên và thổ,*

*Cứ tàng tàng, có tháng vượt chỉ tiêu.*

*(Khai Bút Đầu Năm)*

Dù hết lòng yêu nước, thủy chung với đồng đội bạn bè, cùng những “giai nhân”, nhưng cuộc đời Lê Mai Lĩnh cũng đã có lúc không tránh khỏi phong ba giông bão:

*“Một mùa giông bão đã đi qua,  
Giông bão ngoài trời, giông bão trong lòng,  
Ta đi trong tả tơi rách nát.  
Rách nát gia đình, rách nát tình yêu,  
Tả tơi cuộc đời, tả tơi nhân thế.  
(Bão Ngoài Trời, Bão Trong Lòng)*

Thôi thì, phải có tôi tả thì cuộc đời mới có tròn ý nghĩa, thi vị, để thi nhân còn khóc gió thương mây, viết nên những vần thơ tuyệt tác, bằng những gió mưa được thổi ra từ chính trái tim mình.

Tôi là người may mắn được đọc thơ Sương Biên Thùy khi anh còn là người bạn đồng môn ở tuổi 16, 17 và sau này lại được đọc thơ Lê Mai Lĩnh với tuổi 80.

Nếu thơ là tiếng lòng, thì Lê Mai Lĩnh đã thực sự trang trải hết lòng mình với quê hương đất nước và bè bạn, tha nhân.

Với một phong thái ngay thẳng, bộc trực, có chút ngang tàng cùng những vần thơ khí phách, lãng mạn, đa tình, anh đã để lại trong tôi niềm quý mến thương yêu và ngưỡng mộ.

Viết mấy dòng này, ngoài tình bạn đồng môn, còn với tấm lòng “tâm trả nghĩa dẫu”, ghi lại chút tình thanh khí, niềm đồng cảm giữa người yêu thơ và thi nhân đất Quảng (Trị), vùng địa đầu từng một thời mịt mờ lửa đạn.

Phạm Tín An Ninh  
(tháng 5-2023)

**LÊ MAI LĨNH,  
VỚI TÌNH YÊU VÀ HỒN THƠ  
THẾ SỰ LƯU DẬY**

Đỗ Trường,  
Nhà văn, nhà phê bình văn học

Tuần vừa rồi, một người bạn từ Hoa Kỳ gửi tặng tôi tập thơ: *Chân dung người lính – thi sĩ miền Nam* của Lê Mai Lĩnh và bảo, đọc xem có gì lạ không.

Lật vài trang đầu, phẳng phất đầu đó, tôi như bắt gặp cái trắng khí của Thạch Gầm, cái hồn thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn vậy.

Cho nên, dù đang bận với một vài công việc đến bất ngờ, song tôi vẫn dành thời gian hạn hẹp đó để đọc cho hết tập thơ này.

Thật ra, trước đây tôi đã đọc một vài bài chính luận của Lê Mai Lĩnh. Song có lẽ tôi hơi bị kém và tù mù về cái khoản này, nên đọc xong trôi tuột đầu mất.

Tuy còn một số điều cần bàn về từ ngữ, phương thức sáng tạo, song có thể nói, với tác phẩm *Chân dung người lính – thi sĩ miền Nam*, nhà thơ Lê Mai Lĩnh đã khắc họa khá thành công hình ảnh, thân phận người lính (thất trận) và xã hội con người sau biến cố 30-4-1975.

Nhà thơ Lê Mai Lĩnh tên thật Lê Văn Chính sinh năm 1942 tại Quảng trị. Tài năng văn chương thi phú phát tiết sớm, do vậy năm 1963 ông đã cho in

ấn tập thơ đầu: *Nỗi Buồn Nhược Tiểu*, với bút danh Sương Biên Thùy.

Công việc của người sĩ quan gắn chặt với chiến tranh chính trị, cho nên ở gian đoạn này Sương Biên Thùy viết văn, làm thơ, nhưng nổi bật nhất vẫn là văn chính luận. Và ông đã cộng tác với hầu hết các tạp chí: *Văn, Khởi Hành, Tiền Phong, Gió Mới* và *Ngân Khơi*...

Nhà thơ Lê Mai Lĩnh hiện sinh sống, và làm việc ở Pittsburgh, Hoa Kỳ.

Sau chiến tranh, Lê Mai Lĩnh (Sương Biên Thùy) phải trải qua nhiều trại cải tạo, tù đày từ Nam ra Bắc với những năm tháng dài đằng đặc.

Và những đắng cay, khổ nhục ấy, là chất liệu sống, không chỉ để Lê Mai Lĩnh viết nên: *Chân dung người lính – thi sĩ miền Nam*, mà còn nhiều tác phẩm chân thực, có giá trị tư tưởng sâu sắc sau này.

Tuy nhiên, tôi cũng hoàn toàn đồng ý với nhạc sĩ Cung Minh Huân, khi anh (đại ý) cho rằng: lời thơ trần trụi, với khẩu ngữ thường nhật được toát ra từ những cảm xúc bất chợt, cho nên người đọc khó có thể tìm được những câu, hoặc khổ thơ hay trong tập thơ này của Lê Mai Lĩnh.

Nhưng có điều lạ, những câu thơ gai góc, sần sùi ấy nằm trong tổng thể bài thơ, tập thơ thì dường như người đọc lại cảm được hồn vía, tình người sâu đậm của thi sĩ Lê Mai Lĩnh.

Từ những đặc điểm trên, do vậy khi đọc xong *Chân dung người lính – thi sĩ miền Nam*, tôi tìm tiếp những tác phẩm viết trước 1975 của Lê Mai Lĩnh. Song trên thivien.net, hay sách báo mạng xã hội không tìm được một trang thơ nào cho ra tấm ra miếng của ông.

Tôi đành liên lạc với ông qua Facebook (Lê Mai Lĩnh).

Tuy nhiên, ông cũng chỉ gửi được cho tôi vài bài thơ và một số bài văn chính luận. Rất tiếc, không hợp khẩu vị của tôi.

Cho nên, bài viết này, tôi chỉ có thể đi sâu vào thân phận người lính sau 1975, và tư tưởng của tác giả Lê Mai Lĩnh trong khuôn khổ tác phẩm: *Chân dung người lính – thi sĩ miền Nam* mà thôi.

## 1. Nghị lực và an nhiên, tự tại nơi (chôn) lao tù

Có thể nói, cũng như nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn, hay nhà văn Cao Xuân Huy, người lính Lê Mai Lĩnh có cha là người ở bên kia chiến tuyến.

Tuy không mâu thuẫn nội tâm, nhưng ngay đầu đời Lê Mai Lĩnh đã mang một nỗi đau về đất nước, con người: *Mang niềm đau nhược tiểu ưu tư.*

Từ nhận thức như vậy, nên Lê Mai Lĩnh sớm nhận ra, theo kháng chiến là cùng đường tuyệt lộ, không chỉ cho cha ông, mà cho cả một dân tộc:

*Cha tôi còn, nhưng người theo kháng chiến  
Phung phí một đời cho ảo tưởng hôm qua  
Sống, chết đến nay, tôi không còn biết  
Dư ảnh lu mờ, kỷ niệm phôi pha.*

*(Tự họa)*

Thật vậy, và con đường mịt mù cho cả một đất nước, mà Lê Mai Lĩnh đã sớm dự báo, bị bịt chặt lối bằng những tháng ba gãy súng, cùng tháng tư đỏ lửa 1975.

Do vậy, cửa nhà tù là con đường duy nhất buộc người lính Lê Mai Lĩnh phải đến.

Và hơn tám năm dài đằng đẵng, với bao nỗi thống khổ đã được Lê Mai Lĩnh cô vào trong thơ.

Có thể nói, ở giai đoạn này có rất nhiều nhà thơ, nhà văn người lính bị giam hãm tù đầy như vậy.

Tuy khác nhau về thi pháp nghệ thuật, hoặc thời gian sáng tác trong hay sau khi ra tù, song tựu trung những tác phẩm của họ đều mang giá trị hiện thực và nhân đạo.

Tôi đã đọc khá nhiều thơ văn viết về những năm tháng tù đày của: Tô Thùy Yên, Phan Nhật Nam, Phạm Tín An Ninh, hoặc Trạch Gầm... với hình ảnh, thủ pháp nghệ thuật thật sâu sắc, phong phú.

Và đến với thơ (nói) Lê Mai Lĩnh, có lẽ tôi mới đọc lần đầu.

Một thể loại, dường như chưa biết gọi tên.

Thật vậy, ta hãy đọc lại trích đoạn lời khai, hay lời thơ không niêm luật, không cấu trúc của *Bản Cáo Trạng* để thấy được tình yêu đất nước, và cái lạ, độc đáo trong thơ cũng như trong con người Lê Mai Lĩnh:

*Thưa ông*

*Ký tên dưới đây là tôi*

*Lê Mai Lĩnh*

*Thi sĩ*

*Yêu quê hương như yêu chính bản thân mình*

*Và Tổ-quốc, trong trái tim tôi hằng đêm*

*thao thức*

*Bụi và lãng mạn*

*Thêm một chút khùng*

*Khi trái trời đổi gió biển thành điên*

*Có máu hiệp sĩ*

*Thích trừ gian diệt bạo...*

*(Bản cáo trạng)*

Nếu ta đã đọc *Mùa Hạ* của người tù Tô Thùy Yên: *Bước tới, chân không dè đá sắc/ Vai trần chín rạn gánh oan khiên/ Nước khe, cơm độn, thân tàn rạc/... Nắng kim khí chảy, đá rạn nứt/ Gió táp, rừng khô rụi, cát tràn thì sẽ hiểu, cảm thông hơn cho người lính tù Lê Mai Lĩnh trong: *Mùa Đông Đi Cây Ruộng Sinh*.*

Những hình ảnh ở hai bài thơ này của Tô Thùy Yên và Lê Mai Lĩnh: Hè và Đông, khô và sinh (lầy), tuy tương phản, song cùng bật lên nỗi thống khổ của người lính thất trận tù đầy, trong cùng một bức tranh hiện thực.

Và với *Mùa Đông Đi Cây Ruộng Sinh*, Lê Mai Lĩnh đã làm cho người đọc phải rung rung ngấn lệ, bởi phép so sánh: thân phận con người không bằng cả loài súc vật:

*Nơi Việt Bắc, núi rừng trùng điệp  
Tù khổ sai, đói rét là đây.  
Lưng hai chén sắn, phần một bữa  
Nước muối thôi, liệu đủ cảm hơi  
Thêm gió chướng, mưa rừng, dồn dập  
Thêm hăm he, đấm đá, đủ lời.  
Lợi ruộng sinh, cấy lúa vụ chiêm  
Bùn ngập sâu người, hơn một nửa  
Ruộng trâu chê, bắt người thay thế  
Nhè nhẹ bò thôi, kéo chết chìm.*

Nơi núi rừng Lao Cai tù đầy khổ cực là vậy, nhưng hồn thơ Lê Mai Lĩnh vẫn đầy ấm áp nỗi cảm thông và sẻ chia.

Hình ảnh lam lũ, đói nghèo của người mẹ, người em đã cho thi nhân cảm xúc viết nên những câu thơ rất mộc mạc, nhưng cũng thật cảm động:

*Mẹ 60 cày sâu ruộng lữ  
Mắt sáng ngời khi bắt được con cá to bằng  
ngón tay Và những em nhỏ mặt mày đen đúa  
Thơ ngây đâu, tuổi trẻ cũng không còn.  
(Giao thừa năm 37 tuổi).*

Và đọc Lê Mai Lĩnh, ta không chỉ thấy sự sẻ chia, cảm thông mà còn thấy tính sòng phẳng và rạch ròi.

Sự đấng cay, uất hận ấy của người lính tù đầy, đã được ông đưa vào trong thơ như một bản cáo trạng

đôi với những kẻ cường quyền, mua bán chiến tranh:

*Nào ngờ đâu trong cơn mặc cả  
Của lũ người mua bán chiến tranh  
Chúng trao ta vào tay đối nghịch  
Ôm hận tù đầy, tội phạm chiến tranh.  
(Giao thừa năm 37 tuổi)*

Nhìn rõ bản chất của cuộc chiến, cùng lòng can đảm, nên thái độ khinh bạc của người lính tù Lê Mai Lĩnh hiện lên đậm nét trong thơ.

Và đọc Lê Mai Lĩnh làm tôi nhớ lại những câu thơ khí chất cũng viết ở trong tù của đồng đội ông, nhà thơ Trạch Gầm: *Người nói trăm điều: một điều không biết/ Người là thá gì mà... cái tạo Ta? "*

Cái khí chất đó từ Trạch Gầm đến Lê Mai Lĩnh, đọc nó, tôi cứ thấy mình rung rinh và sáng khoái:

*Nơi ta ở bây giờ, dưới chân núi Chứa Chan  
Trong một trại tù, rào, tường kiên cố  
Nhìn mũi súng, lưỡi lê, như ra điều thách đố  
Ta chỉ muốn sờ râu, cười khan.*

Và thơ Lê Mai Lĩnh luôn nhẹ nhàng, bởi như ta đã tìm thấy cái tuệ giác vô thường ở đó.

Cũng chính nó, niềm tin, sự lạc quan đưa đến sự an nhiên tự tại cho người tù cái tạo nghị lực sống.

Và người thi sĩ như tìm thấy tự do ở chính nơi trái tim và tâm hồn mình: *Chân, dẫu trong cùm gông đau thắt/ Tim tự do ta khắp nẻo đường.*

Đặc tính này, dường như ta rất ít gặp ở những nhà thơ, người lính lưu đầy Hoàng Liên Sơn khác:

*Ta thấy rồi trời tự do rộng mở  
Song sắt nào khóa nổi hồn ta  
Đón giao thừa trong nhà giam lạnh  
Nhưng ấm lòng ta, niềm tin quê nhà.  
(Giao thừa năm 37 tuổi)*

Tuy bị hành hạ và đắng cay là vậy, song hồn thơ Lê Mai Lĩnh vẫn đầy ắp tình người, với lòng vị tha cao cả:

*Dẫu có lúc bị người hành hạ  
Như Chúa xưa quân dữ đóng đình  
Lòng con vẫn không nuôi thù hận  
Miệng tươi cười không chút phân vân.*

Thật vậy, lạc quan và lòng nhân đạo là một trong những đặc điểm chính làm nên hồn vía thi ca Lê Mai Lĩnh.

## **2. Tình yêu – điểm tựa cuối cùng.**

Ở trong tù, hay nơi hải ngoại, lúc nào tình yêu cứ như chất xúc tác của phản ứng hóa học vậy, cho Lê Mai Lĩnh sống và viết:

*Kể từ khi em đến  
Ngã vào lòng thi nhân  
Anh không còn thi sĩ  
Anh đã là thi vương.*

Dù đang là Hạ, nhưng cái “lạnh” chốn lao tù làm trái tim thi nhân buốt giá và cô đơn. Nỗi đau, cùng sự đợi chờ mòn mỏi ấy, gọi cho Lê Mai Lĩnh viết: *Thơ tình mùa hạ*. Một bài thơ tự sự về tâm trạng người tù, khi chiều buông:

*Trời bây giờ, tháng 5, mùa hạ  
Anh đang những ngày, đợi em đến thăm  
Dẫu khó khăn nào, em cũng đến  
Chắt chiu tình nồng, đốt lòng nhau chút ấm.*

Và ở nơi cùng cực đó, tiếng khóc, hay nụ cười chỉ làm cay đắng thêm nỗi buồn đau, mát mát trong lòng thi nhân.

Cùng tâm trạng và hoàn cảnh đó, nếu họa sĩ Tạ Ty chỉ còn đối diện với hư không: *Ta để lại những ngày tù gian khổ/ Những đêm dài đối diện với hư không* thì nhà thơ Lê Mai Lĩnh tay trắng bàn tay.

Có thể nói, *Thơ tình mùa hạ* là bài thơ điển hình nhất viết về tình yêu trong những ngày tù cải tạo của Lê Mai Lĩnh:

*Hơn nửa đời người, mấy phen làm lỡ  
Nhìn lại mình, tay trắng bàn tay  
Cũng muốn khóc, đôi lần, mắt đã cạn  
Muốn cười lên, môi thảng thốt chua cay.*

Với Lê Mai Lĩnh, dường như chỉ có tình yêu mới có thể trả ông về cái thuở ban đầu: *Mất biết tình si, lòng ngậy đại/ Ngan ngát hương yêu tự thuở nào.*

Và chính nó (tình yêu) là điểm tựa cuối cùng cho những năm tháng tù đầy thân xác cũng như linh hồn người lính, thi sĩ Lê Mai Lĩnh:

*Như lòng đợi, em và con đã đến  
Chiều mưa bay, thứ bảy trời sương  
Trong tim yêu, lửa tình rực cháy  
Rạo rục lòng như thuở mới yêu đương.*

Nếu được phép tuyên chọn, với tôi: *Đà Lạt trong nỗi nhớ*, là một bài thơ viết về tình yêu hay, và có lời thơ đẹp nhất trong tác phẩm *Chân dung người lính – thi sĩ miền Nam* của Lê Mai Lĩnh.

Bài thơ này được viết vào năm 1979, khi Lê Mai Lĩnh đang ở nhà tù Vĩnh Phú. Đọc *Đà Lạt trong nỗi nhớ*, làm cho tôi nhớ đến: *Chiêm bao về Đà Lạt* của nhà thơ người lính Nguyễn Bắc Sơn.

Có điều lạ, hai nhà thơ Lê Mai Lĩnh và Nguyễn Bắc Sơn thường có lời thơ rất sần sùi, góc cạnh, nhưng đến với tình yêu, nỗi nhớ thì dường như (lời thơ) rất nhẹ nhàng, trau chuốt.

Trong cùng một tâm trạng mơ màng, nhớ thương ấy, với Nguyễn Bắc Sơn, nếu em tan trong *Đà Lạt: Kỳ lạ nhỉ! Giờ đây ta bỏ xứ/ Theo trái phong du, nín gió lên trời... Ừ Đà Lạt, ngoài khung cửa kính/ Giàn su xanh thuở ấm má em hồng/ Và ta, kẻ mười năm không áo lạnh/ Biết đời mình đủ ấm hay*

không? thì với Lê Mai Lĩnh, Đà Lạt đã tạc vào em, hay đang tạc vào lòng thi nhân vậy:

...*Mai ta về, phố xưa hoa vẫn nở*  
*Hoa bốn mùa thơm ngát dấu chân quen*  
*Con đường xưa, cuộc tình, hương tóc lạ*  
*Êm đềm ta ru giấc ngủ đêm đêm.*  
*Phố gặp ghềnh đường quen nẻo thuộc*  
*Tà áo nào đưa lối ta về*  
*Chân lạc loài bờ xa vùng tóc rối*  
*Ứng hồng em đôi má, ta u mê...*  
(*Đà Lạt trong nỗi nhớ*)

Có thể nói, tình yêu, sự lãng mạn đã xoa dịu nỗi đau, làm mát hồn thơ nóng bỏng, gân guốc Lê Mai Lĩnh trong những năm tháng lưu đày.

Đọc nó, ta như thấy được sự cân bằng giữa cuộc sống và trong thơ Lê Mai Lĩnh vậy.

Quê hương với hồn thơ thế sự.

Và người tù ấy đã được trở về quê hương miền Nam, dù vẫn còn phải mang gông cùm, xiềng xích.

Niềm vui ấy, đã được Lê Mai Lĩnh cô thành: *Chuyến tàu cuối năm*. Một bài thơ, hay một bút ký làm cho tôi xúc động nhất, khi đọc: *Chân dung người lính – thi sĩ miền Nam*.

Nhà tù, và đôi khổ nghiệt ngã phương Nam vẫn chờ đó, nhưng thoát được ra khỏi địa ngục Việt Bắc, người lính Lê Mai Lĩnh như được trút bỏ được hình hài, để trở lại làm một con người vậy: *Xin vĩnh biệt chào vương quốc lừa dối/ Trả lại Người những đôi rét hờn căm*. Với người lính tù ấy, thì có lẽ sự đồng cảm, chở che của quê hương, tình người sưởi ấm tâm hồn họ chẳng:

... *Mai ta đi từ bóng tối mù tăm*  
*Nơi ta về quê miền Nam yêu dấu*  
*Hãy ở lại những đôi nghèo đau thương ả náu*  
*Chia tay nghe, vĩnh biệt yên nằm*  
*Chào không chút xót thương núi rừng*

*Việt Bắc...*

Và cái tình người, sự nhân bản, công bằng luôn đậm nét trong hồn thơ, trang sách Lê Mai Lĩnh.

Thật vậy, đọc *Chuyến tàu cuối năm*, ta thấy không chỉ có sự cảm thương của các em bé miền Nam: *Này các em ở sân ga Đà Nẵng/ Có bao lần lời lữ thê nào/ Mà em ném cho ta bao thuốc tặc mà* sự đồng cảm, thương yêu ấy, còn có từ các em bé miền Bắc, khi tàu chở những lính tù xuôi Nam: *Và cô bé chu miệng chửi rửa mẹ cha ta ngày mới ra/ Giờ thì các em đã biết ta/ Không phải là quân ăn thịt người/ Nên đã có em mang sản đến cho ta.*

Những hình ảnh, câu thơ hiện thực này của Lê Mai Lĩnh, cũng như trang văn của Phạm Tín An Ninh, hay của Song Vũ... với tôi không chỉ có giá trị về văn học, mà còn có giá trị về lịch sử.

Với Lê Mai Lĩnh, tôi nghĩ ra đi là để trở về.

Do đó, ra khỏi nhà tù nhỏ và nhà tù lớn, đứng giữa phi trường Sài Gòn, ta vẫn thấy ông khăng khái:

*Tôi không quên, tôi, một nhà thơ chiến sĩ,  
Mãi mãi chiến đấu cho quê hương, tự do.*

Trong tâm trạng, hoàn cảnh như vậy, Lê Mai Lĩnh đã viết lời: *Tạ lỗi với quê hương.*

Bài thơ được vắt ra từ trái tim người thi sĩ.

Và như lời độc thoại, với hình ảnh so sánh, đọc lên ai cũng phải bùi ngùi, cảm thông:

*Dẫu thế nào tôi cũng phải đi  
Đành đoạn ra đi  
Thà chọn cho mình một kiếp lưu đày  
Hơn bị lưu đày trên chính quê hương  
Hãy thông cảm và tha thứ cho tôi.*

Và cũng như hàng triệu con dân đất Việt tha hương, nhà thơ Lê Mai Lĩnh ngày thân đất khách, hồn đêm quê nhà.

Thật vậy, ôm cả quê hương vào lòng, mà đường như vẫn chưa đủ ấm cho trọn giấc thi nhân:

*Tôi ra đi mang theo nửa trái tim  
Nửa còn lại giữ giùm tôi nhé  
Tôi ra đi mang theo cả quê hương  
Vẫn chưa đủ ấm lòng tôi đó.*

Là người lính, do vậy dù cầm súng, hay nơi giam hãm tù đày, hoặc nơi hải ngoại, trách nhiệm với non sông đất nước luôn được Lê Mai Lĩnh đặt lên hàng đầu:

*Bảy năm làm lính  
Tám năm, sáu tháng làm tù  
Năm mươi sáu năm cầm bút xung phong.*

Từ tình yêu và trách nhiệm đó, cho nên đọc Lê Mai Lĩnh, ta thấy hồn khí, cùng trái tim ông luôn dẫn vật, đón đầu.

Và cũng từ nơi tù đày, bị đày đó, ông đã mượn cái đau của tiền nhân để nói lên nỗi lòng mình trước vận nước và nỗi thống khổ của con người:

*Thao thức hoài cùng nỗi đau Nguyễn Trãi  
Nhiều đêm, không làm sao chớp mắt  
Nghe vọng lại, tiếng người khuất mặt  
Còn đó, dân đen, đau đời quần quai.  
(Nguyễn Trãi)*

Có thể nói, tình yêu đất nước luôn thường trực trong Lê Mai Lĩnh, và xuyên suốt trang thơ của ông.

Cho nên, mỗi biến cố xảy ra trong hay ngoài nước, nhất là tự do, hoặc biển đảo, thơ ông đều nóng bỏng tính thời sự, với tinh thần thẳng thắn, can đảm và mang tính dự báo sâu sắc.

Diễn hình nhất là năm bài thơ cảm hứng viết từ phong trào Dù vàng, Hong Kong, ở tập thơ này...

Lê Mai Lĩnh viết ra từ cảm xúc, tự nhiên như khi trò chuyện vậy.

Do đó, thơ ông không ràng buộc, không câu nệ hình thức, thể loại cũng như thi pháp.

Với đặc điểm này, tuy dân dã, đến gần hơn với người đọc, nhưng thơ đôi khi trở nên dễ dãi, thiếu hình ảnh, sự liên tưởng.

Và có một điều làm tôi phải phân vân suy nghĩ: Là người giàu tình cảm, đầy lòng nhân ái, dù sống nơi xứ người, Lê Mai Lĩnh vẫn ky cốp từng xu, từng các và kêu gọi mọi người chung tay giúp đỡ đồng đội thương tật, nghèo khó.

Nhưng đáng tiếc, tác phẩm này, không có một bài thơ nào viết về tình đồng đội nơi chiến trường hay nơi cải tạo tù đầy.

Có lẽ, đây cũng là một trong những nhược điểm của tập thơ: *Chân dung người lính – thi sĩ miền Nam*- chẳng?

Tôi đọc và viết bài này rất nhanh ngay trên bàn làm việc, vào lúc rảnh. Do vậy, có thể còn nhiều thiếu sót hoặc chưa (hay không) đúng về nhà thơ lắm tài, nhiều “tật lạ” Lê Mai Lĩnh.

Tuy nhiên, đúng hay không, với tôi nó như một lời tri ân của kẻ hậu sinh gửi đến lão nhà thơ vậy.

Đỗ Trường  
(Leipzig, 9-4-2023)

## **MỘT CHỨNG CẢM NHẬN VỀ THƠ - VĂN CỦA LÊ MAI LĨNH**

Lê Văn Chung, Hà Nội,  
nhà nghiên cứu văn học miền Nam.

Lần đầu tiên trong cuộc đời đọc và thưởng thức THƠ - VĂN của mình, tôi được tiếp cận với những tác phẩm thơ - văn của một con người từng trải CUỘC NGƯỜI, theo một cách hết sức phong phú và đa dạng như nhà thơ, nhà văn Lê Mai Lĩnh.

Tất cả những tác phẩm của ông đều xuất phát từ những trải nghiệm của chính cuộc đời của ông.

Toàn bộ những trải nghiệm của một cuộc đời hơn 80 năm (ông sinh năm 1942, nhưng đến năm 1958 - khi ông 16 tuổi - ông đã có một tác phẩm với tựa đề là *BẢN CÁO TRẠNG* (và ông có một số năm tạm nghỉ cầm bút) đã được ông ghi chép lại bằng thơ - văn một cách trung thực nhất có thể.

Với tất cả những sự trải nghiệm đó, mà ông đã để lại cho cuộc đời này, một công trình đồ sộ, bao gồm những tác phẩm thơ - văn vô cùng đa dạng, đan trải qua rất nhiều đề tài, nhiều cung bậc tình cảm, với rất nhiều tâm trạng sâu sắc của một nhà thơ, nhà văn lớn của Việt Nam ở hải ngoại.

Đúng như bài tựa đầu tiên của *TUYÊN TẬP LÊ MAI LĨNH - THƠ - VĂN - TIỂU LUẬN*, nhà văn Song Nhị, đã đưa ra nhận định sau đây: “Lê Mai Lĩnh, Văn và Người là một PHIÊN BẢN”.

Nhà văn Hồ Minh Dũng cũng có nhận xét: “*Lê Mai Lĩnh ngoài cuộc đời, trong văn chương là một*”.

Những người như tôi và những thế hệ người Việt Nam sau năm 1975, sẽ không thể cảm nhận được hết những đau thương của cuộc chiến tranh mà dân tộc Việt Nam đã phải chịu đựng trong một thời gian rất dài, đã vậy lại bị một nền giáo dục nhồi sọ, tầy nã từ bé cho đến khi đã lớn tuổi, đã làm cho chúng tôi, đã trở nên vô cùng hèn nhát, vô cùng yếu đuối, chỉ có thể lựa chọn một con đường duy nhất là BUÔNG XÁ, chấp nhận thuận theo dòng chảy của cuộc sống.

Khi đó, dù cho dòng sông cuộc đời có đưa đi đến bất cứ nơi nào... thì chúng tôi cũng không cần phải hỏi, chỉ đơn giản trôi theo dòng chảy ấy mà thôi.

Hy vọng một ngày nào đó - bất cứ lúc nào - chúng tôi cũng sẽ ra được đến đại dương, và sẽ tan biến, mà không mong để lại bất kỳ một dấu ấn nào lên thời gian.

Nhưng cuộc đời của nhà thơ Lê Mai Lĩnh thì lại rất khác, thậm chí vô cùng khác với những người như chúng tôi.

Thật sự sẽ rất khó để những người như chúng tôi, có thể hiểu được Lê Mai Lĩnh, khi ông vẫn đang sống giữa những vòng xoáy của cuộc đời, với tất cả sự đói rét, cùng cực của cảnh lao tù, mà ông vẫn có thể làm thơ - vẫn rất nhiều và rất điệu kỳ đến thế.

Nhà văn Kinh Dương Vương nói rằng: “*Đọc thơ Lê Mai Lĩnh, máu đang ngội cũng nóng lên*”.

Đó chính là sức mạnh của thơ ông. Còn văn thì sao? Xin thưa rằng: những áng văn chương của Lê Mai Lĩnh cũng rất đanh thép, hùng hồn.

Bạn sẽ dễ dàng hiểu được, việc một ngọn nến không bị tắt, nếu nó được đặt ở nơi khuất gió.

Nhưng làm sao bạn có thể hiểu được một ngọn nến vẫn cháy ổn định giữa phong ba bão táp.

Lê Mai Lĩnh, giống như một ngọn nến được đặt ở giữa phong ba bão táp của thời cuộc, thời đại của

minh, ông đã sống và chiến đấu hết mình như một ngọn lửa rực cháy một cách ổn định.

Sức mạnh của Thơ - Văn Lê Mai Lĩnh hẳn phải đến từ nguồn sống tâm linh sâu thẳm nào đó, nếu không thì nó không thể có một sức mạnh chuyển hóa người đọc như thế - một vẻ đẹp riêng của nó. Lê Mai Lĩnh ở bên trong nguồn sống tâm linh đó, và nó chính là cội nguồn sáng tạo cho những tác phẩm thơ - văn của ông.

Tên thật sự của ông không phải là Lê Mai Lĩnh, cũng không phải là Lê Văn Chính, hay Sương Biên Thùy..., tất cả chúng chỉ là cái tên bên ngoài của ông. Còn cái tên bên trong sâu thẳm của ông phải chăng là sự CHÍNH TRỰC, là sự can đảm vượt lên trên những thiên kiến của đám đông, vượt lên số phận nghiệt ngã của bản thân để tìm về những chân lý đích thực cho cuộc đời này.

Phương pháp của ông là phương pháp của một người lính, của một chiến binh, của một đấu sĩ, cho nên ông đã đặt tiêu đề cho tập thơ của mình là: *CHÂN DUNG NGƯỜI LÍNH THI SĨ MIỀN NAM.*

Cùng tên với một bài thơ trong tập thơ, trong bài thơ đó ông đã xác định:

*Năm mươi sáu năm cầm bút xung phong  
Giờ 72, mình vẫn không muốn làm người  
đào binh...*

*Mình không đào ngũ*

*Mình không phản bội anh em*

*Mình vẫn hiện diện dưới cờ mình hứa...*

Rõ ràng là, ông đã làm người lính (BẢY NĂM LÀM LÍNH) và rất muốn làm một người lính cho đến hơi thở cuối cùng, thậm chí ông cũng chiến đấu không ngừng nghỉ với hiện hữu mà ông cho là kẻ thù của ông và của dân tộc ông.

Ông đã đấu tranh với chúng, tự trong sâu thẳm.

Nó không phải là cuộc đấu tranh nửa vời, mà nó chính là sự tận hiến trọn vẹn cho sự đấu tranh đó, trong tâm thức của ông.

Cho dù, ở bên ngoài cuộc đời, ông biết kết quả của nó có thể không đạt được sự hoàn hảo như con người mong muốn, thì ông vẫn không hề nao núng, không hề đầu hàng hay khoan nhượng với bất cứ cái xấu, cái ác nào. Ông vẫn liên tục xả thân vì sự nghiệp mà ông theo đuổi.

Trong nghệ thuật đích thực, bản thân người nghệ sĩ biến mất, do vậy mà không có chỗ cho CÁI TÔI. Theo đó nghệ thuật trở thành một tôn giáo và người nghệ sĩ trở thành một nhà HUYỀN MÔN.

Bóng dáng của người nghệ sĩ càng ít xuất hiện trong tác phẩm của mình thì tác phẩm ấy càng hoàn hảo.

Khi người nghệ sĩ hoàn toàn quên mất bản thân mình, thì sự sáng tạo sẽ là tuyệt đối.

Nếu hình bóng của người nghệ sĩ quá lớn trong tác phẩm, tác phẩm đó sẽ trở nên kinh tởm. Nó chỉ là sản phẩm của CÁI TÔI không hơn không kém.

Cái tôi là một chứng bệnh thần kinh. Cái tôi lúc nào cũng muốn được hoàn hảo.

Cái tôi lúc nào cũng muốn được cầu toàn.

Cái tôi lúc nào cũng muốn phải cao hơn, phải tốt hơn người khác.

Tuy vậy, sự hoàn hảo chẳng bao giờ có thể đạt được qua cái tôi, những nỗ lực kiêu đó luôn dẫn đến thất bại.

Sự hoàn hảo chỉ đến khi cái tôi không hiện diện, nhưng khi đó con người cũng chẳng nghĩ đến sự hoàn hảo, mà chỉ nghĩ đến sự tận hiến trọn vẹn mà thôi.

Chẳng hạn, mời các bạn hãy đến với bài thơ *BÀI THƠ GỬI VÀO HƯ KHÔNG* sau đây của nhà thơ Lê Mai Lĩnh.

*BÀI THƠ GỬI VÀO HƯ KHÔNG*  
(trích)

*Bài thơ này gửi vào hư không vì từ nay không  
còn ai đọc mỗi sáng mai trước tách cà phê  
đầu ngày  
Cũng là chuyện bình thường với cuộc bể dâu  
đời  
Cũng là bình thường khi lòng người có có  
không không tùy duyên tùy phận  
Cũng là chuyện bình thường khi tình là muôn  
mặt, sấp, ngửa, trắng, đen  
Nên bài thơ này, mặc dù thi sĩ biết làm ra  
không ai cần đọc  
Nhưng thi sĩ vẫn làm ra  
Như một kiếp tằm  
Như thi sĩ vẫn yêu, dù ai đó không cần yêu  
Như thi sĩ vẫn yêu như thi sĩ vẫn thờ...  
Ly cà phê dù đắng thêm hay ngọt thêm một  
chút  
Cũng vẫn là vô nghĩa khi người uống đã bỏ  
đi, mặc cho ly cà phê bốc khói vào hư không  
Nhưng dấu gì bài thơ vẫn còn lại với những  
kỷ niệm chưa phai pha  
Hãy uống đi thi sĩ, ly cà phê đầu ngày đầu  
uống một mình  
Nhưng vẫn cứ để dành ly cà phê trước mặt  
cho người học trò  
Biết đâu có lúc nàng trở lại  
Như một lọ độc đắc không bao giờ biết trước  
giờ  
xổ số  
Rồi mọi điều sẽ tới  
Rồi lộc trời sẽ tới  
Trăng vẫn vàng vạc đêm thâu*

*Trăng vẫn là trăng muôn thuở...*

Ở *Bài Thơ Gửi Vào Hư Không* này, chúng ta thấy tác giả không hề dụng công trong việc sắp xếp câu chữ, không cần phải vận dụng ngôn ngữ thơ, luật thơ, bất kỳ một kỹ thuật, hay một trò chơi ngôn từ nào, như những ông THỢ làm thơ nào đó.

Mà chúng ta chỉ thấy tác giả của nó viết một mạch, rất hồn nhiên vô tư, một cách NGẪU HỨNG.

Cái tôi nhà thơ và cả bài thơ nữa, hoàn toàn bị biến mất vào trong HƯ KHÔNG, giống như một kiếp tầm nhả tơ, giống như một hơi thở, một ly cà phê bốc khói, hay một vầng trăng vằng vặc đêm thâu...

Mặc dù vậy, người đọc vẫn cảm thấy được sự xuất hiện HỒN THƠ của bài thơ, một cách đậm đà nhất có thể.

Theo tôi đó là phẩm chất của một nhà thơ lớn, một người nghệ sĩ thực thụ, khi sáng tác thơ, làm nghệ thuật, sẽ không bao giờ nghĩ đến sự hoàn hảo.

Anh ta không hề có khái niệm nào về sự hoàn hảo mà chỉ đơn giản là trao gửi mình, buông bỏ và bất cứ điều gì xảy ra, cứ để chúng xảy ra.

Lê Mai Lĩnh là một nhà thơ thực thụ, một nhà thơ đích thực như thế, ông luôn luôn nghĩ đến việc tận hiến - làm thế nào để tận hiến trọn vẹn cho quê hương đất nước, cho thơ - văn.

*Trần trở hoài cùng tiếng đêm thâm thì  
Nằm ngửa, nằm nghiêng, lật trái, lật phải  
Không làm sao chớp mắt  
Nghĩ mình chung nỗi đau Ưc Trai  
Nghĩ mình phải làm gì cùng Nguyễn Trãi  
(NGUYỄN TRÃI I)*

Lê Văn Chung  
(Hà Nội)

**LÊ MAI LĨNH,  
779 SĨ CỦA TRẦN QUÂN**

Nguyễn Phú Yên, nhạc sĩ

Tôi thích gọi nhà thơ Lê Mai Lĩnh bằng cái tên ngày xưa hơn: Sương Biên Thùy. Biên Thùy ở đâu? Đó là giới tuyến, là vùng đất của Đông Hà, Bến Hải, Gio Linh... Cái tên gọi đó cho biết anh là người con của Quảng Trị rồi.

Vì sao tôi yêu cái tên đó? Ngày trước khi bắt đầu học đệ nhị cấp, tôi đã nghe tên này, tác giả của tập thơ *Nỗi Buồn Nhược Tiểu*. Với một đứa học trò yêu văn chương, chỉ cần nghe tên một tập thơ của một nhà thơ trẻ tự xuất bản tác phẩm của mình, thì đứa học trò đó đem lòng ngưỡng mộ.

Thập niên 1960 ở Huế, từng xuất hiện các tập thơ như *Vùng Tủi Nhục* của Thái Luân, *Quê Nhà* của Chu Sơn, *Hoa Cô Độc* của Ngô Kha, và rồi tiếp đó là *Nỗi Buồn Nhược Tiểu* của Sương Biên Thùy.

Các tác giả trẻ tuổi ấy là những người sinh ra trong chiến tranh, tình cảm của họ không còn mang phong vị cổ điển như xưa mà thấm đẫm tư duy về hiện thực, về trạng huống xao xuyến, thao thức, bần khoản, ưu tư trước ngưỡng cửa cuộc đời, trước số phận con người và sinh mệnh đất nước.

Tôi cứ tưởng nhà thơ Sương Biên Thùy từ Quảng Trị đi vào đất học là xứ Huế, nhưng không, với tuổi trẻ thích phiêu bồng, anh đi xa hơn, vào học tận Nha Trang. Năm 1963, chính tại nơi đây anh cho xuất bản tập thơ đầu tay của mình.

Tác phẩm của một anh học trò Trường Võ Táinh đã làm giật mình giới cầm bút ở đây, vì cậu học trò

nào từ xa mới đến mà dám chơi trội, “bóp còi qua mặt” các tao nhân mặc khách của xứ thùy dương, như nhà thơ Thanh Nhung, Duy Năng, Cao Hoàn Nhân, nhất là ông “vua thơ” Sao Trên Rừng, thì ra mặt dọa dẫm, đòi “đục”.

Nhưng không, chàng thi sĩ trẻ tuổi chỉ muốn “chào sân” bằng những tình cảm riêng tư, tự nhiên, chân thật, tha thiết của mình.

Với Sương Biên Thùy, những vần thơ đầu đời của anh luôn dành cho gia đình và quê hương của anh. Hãy nghe anh kể về cuộc đời mình:

*Cha tôi còn, nhưng người theo kháng chiến  
Phung phí một đời cho ảo tưởng hôm qua  
Sống, chết đến nay, tôi không còn biết  
Dư ảnh lu mờ, kỷ niệm phai pha.  
Từ cha tôi lên đường kháng chiến  
Mẹ tôi về lo việc bán buôn  
Mang tuổi thơ, tôi đã biết buồn  
Không lúc cười, dù hoạt kê trước mặt  
Mất không vui, dù đời không buộc chặt  
Tôi ngủ nhoài vào vùng lớn suy tư  
Mang niềm đau nhọc tiểu tru tư  
Tôi chối từ mọi tư vương vị ngã.  
(Chân dung tự họa)*

Là người con của Quảng Trị, làm sao anh có thể quên nơi mình sinh ra:

*Làm sao tôi có thể quên những  
người mẹ Quảng Trị  
Phơi tẩm thân gầy trên ruộng đồng  
Dưới cái nắng chang chang cơn gió Lào  
rất mặt  
Chất chiu từng hạt lúa củ khoai...  
Làm sao tôi có thể quên những*

*người cha Quảng Trị  
Tắt bật ngược xuôi cuối bãi đầu ghềnh  
Nhặt nhanh từng gánh than gánh củi  
Đổi thành gạo thành tiền,  
thành cơm thành áo...*

Và nhất là khi nhìn rõ hiện thực chiến tranh, anh chia sẻ nỗi niềm đau thương:

*Những cha con, chồng vợ, cháu chắt, ông bà  
Bông bé, gồng gánh, chân đất đầu trần  
Đói khát, khóc la và gào thét  
Đi trên mìn chông, đi trong đạn lạc  
Đi giữa bom napalm, đi cùng tiếng đại bác  
Đi suốt con đường khổ nạn, trầm luân...  
(Lời tạ lỗi với quê hương)*

Bên cạnh những vần thơ lấy cảm hứng từ nơi đất mẹ, người đọc còn tìm thấy trong thơ anh hình ảnh của xứ Huế vẫn mãi vương vấn trái tim chàng thi sĩ tài hoa. Không biết tự khi nào mà anh để lại những tình cảm lưu luyến ấy cho xứ thần kinh đầy thơ mộng:

*Hãy tưởng tượng mỗi lần nói đến Huế  
Những bà mẹ Việt Nam mặc áo lam  
Ăn chay trường trai...  
Hãy tưởng tượng mỗi lần nói đến Huế  
Những dòng nữ sinh Đồng Khánh  
Đi xe đạp đến trường  
Áo trắng, cặp da đen...  
Về một mùa đông những ngày dài chi lạ  
Về một cây cầu...  
(Trường ca cho Huế mùa xuân)*

Kể từ khi anh đạt giải nhất văn chương của Phật giáo Quảng Trị năm 1962, anh say mê đi vào con đường chữ nghĩa. Con đường ấy dẫn anh đi xa hơn,

đi suốt cả cuộc đời. Anh viết báo, viết chính luận, làm thơ gửi cho các tờ báo và tạp chí ở Sài Gòn.

Chính trong môi trường văn chương này, anh đã quen biết nhiều nhà văn, nhà thơ và tên tuổi anh dần được mọi người biết đến.

Đặc biệt là khi anh viết bài bút chiến với Mặc Đỗ năm 1969, với Uyên Thao năm 1971. Cùng năm đó, anh ứng cử dân biểu Hạ nghị viện, đơn vị Phan Thiết - Bình Thuận và năm sau 1972, nhân danh một thi sĩ, anh đề nghị “*Một giải pháp hòa bình cho chiến tranh VN*”. Đúng là một người tự nhận trách nhiệm của một “thất phu” nên phải dấn thân tích cực trước vận nước điêu linh.

Năm 1968, sau cuộc sống dân sự, anh bắt đầu vào quân trường Thủ Đức, mặc áo lính và năm sau anh được đổi về Bình Thuận, có tên trong hai đại đội tác chiến ở đây - vùng đất dữ của những người lính. Không biết trong những ngày chiến đấu, có khi nào anh đặt chân đến những địa danh như Sông Mao, Chợ Lầu, Ma Lâm, Thiện Giáo, Tà Dôn, rồi những mật khu Lê Hồng Phong, Tam Giác Sắt...?

Có lần tôi gặp anh trong một quán cơm trên đường Nguyễn Hoàng, Phan Thiết; anh là thiếu úy Lê Văn Chính, một anh lính gương mặt xương xẩu, phong sương, ngang tàng cất bước trong một lần về thị xã giữa những ngày đầy cơn gió thốc bụi đường vào cuối năm. Một nhà thơ cầm súng như bao nhà văn, nhà thơ từng dừng chân tại vùng đất này: Y Uyên, Dzũng Chinh, Tạ Chí Đại Trường, Phạm Tín An Ninh, Nguyễn Bắc Sơn, Lê Nguyên Ngữ, Mai Việt, Phan Anh Dũng, Huỳnh Hữu Võ, Nguyễn Dương Quang...

Năm 1975, khi Sài Gòn sụp đổ, cũng như bao người lính khác, anh phải vào trại cải tạo, ngao ngán qua 10 trại tù khắc nghiệt từ Nam ra Bắc. Đó là dấu ấn của một bước ngoặt cuộc đời:

*Ta được người mệnh danh giải phóng  
Đưa xuống tàu từ già miền Nam  
Ra tới đây núi rừng Việt Bắc  
Tù khổ sai, không được than van...  
(Giao thừa năm 37 tuổi)*

Cuộc sống tù túng, ngột ngạt, giam hãm thân xác nhưng không thể nhốt kín tâm hồn người thi sĩ:

*Ta thấy rồi Tự do mở rộng  
Song sắt nào khóa nổi hồn ta  
Đêm giao thừa trong nhà giam lạnh  
Nhưng ấm lòng ta, niềm tin quê nhà.  
(Giao thừa năm 37 tuổi,  
Trại tù Lào Cai, 1978)*

Tuy sống trong trại tù khổ sai đầy gian khổ, bị đói ăn, bị lao động nặng nhọc, khi rét lạnh căm căm, đã ném những đòn thù nhưng anh vẫn giữ lửa trong tim, vẫn tha thiết yêu cuộc đời âm lạnh:

*Chào tái ngộ mùa đông ta sống  
Trong những ngày sôi nổi niềm tin  
Dẫu khó khăn nào ta vẫn sống  
Để đợi giờ báo hiệu Bình minh.  
(Mùa đông đi cấy ruộng sinh,  
Trại tù Vĩnh Phú, 1979)*

*Cảm ơn đời còn cho ta hi vọng  
Cảm ơn em, còn đứng lại đợi chờ  
Ta còn em, còn con, còn một trời sức sống  
Thì còn ta với trăm nỗi ước mơ.  
(Thơ tình mùa hạ)*

Và khi được trở về cuộc sống tự do, gửi lại lời từ  
giã những vùng đất khổ đau để trở về quê xưa, dù  
muru sinh đầy gian khó nhưng thi sĩ vượt qua bởi  
niềm tin yêu mạnh mẽ:

*Về quê hương vào những ngày cuối năm  
Trên con tàu chở đầy xiềng xích  
Xin vĩnh biệt chào vương quốc lừa dối  
Trả lại người những đôi rét hờn căm...  
Mai ta đi chào những ngôi giáo đường  
Đứng lạnh lùng giữa hoang tàn cỏ dại  
Hãy ở lại nghe những nghiêng chùa đổ chái  
Áo rêu phong khép kín niềm thương...  
(Chuyến tàu cuối năm)*

Lê Mai Lĩnh viết rất nhiều thơ từ khi còn ngồi  
trên ghé nhà trường cho đến nay với nhiều đề tài từ  
tình yêu, chiến tranh, thế sự, bi phần đôi khi táo bạo  
cho đến thân phận, quê hương, đấu tranh cho tương  
lai đất nước, tỏ bày thế đứng đồng dạng của người thi  
sĩ trước bạo quyền...

Với hai thi phẩm *Bản cáo trạng* hay *Thư gọi tên  
tù nhân của lịch sử* và *Năm bài thơ cảm hứng từ  
phong trào Dù vàng Hồng Kông*, anh đã cho ta thấy  
diện mạo thi sĩ là một người dũng cảm, kiên cường,  
đầy khí phách.

Hình ảnh thi sĩ càng rực rỡ hơn khi anh viết một  
tuyên ngôn thơ, một tuyên ngôn trước cuộc đời, dù  
ngắn ngủi nhưng đầy bất khuất:

*“Dù trong gông cùm, xiềng xích, trước họng súng,  
lưỡi lê, thi sĩ vẫn lên tiếng và thơ đã có mặt”.*

Thơ Lê Mai Lĩnh không bay bổng vào thế giới thần tiên, không tìm nguồn mỹ cảm trong những phong hoa tuyết nguyệt của một thời xa xưa.

Một đời anh gắn bó với quê hương, với mảnh đất nuôi anh lớn lên với mọi cảnh đời, với mọi người.

Anh mãi hiện hữu, luôn tại thế, luôn ở lại với cõi đời bởi anh là thi sĩ của trần gian.

Nguyễn Phú Yên

**CHẶNG ĐƯỜNG TỪ  
SƯƠNG BIÊN THÙY ĐẾN  
LÊ MAI LĨNH**

Lê Văn Trung, thi sĩ

Đời sống của mỗi cá nhân trong một dân tộc, dù ở bất kỳ giai đoạn nào, không nhiều thì ít, đã gắn bó theo dòng lịch sử nổi trôi của dân tộc đó.

Và,

Một người ý thức được trách nhiệm trước lịch sử, đều luôn phải dấn thân, phải rung chuông, phải lên đường.

Và,

Hơn thế nữa, người đó là nhà văn, là thi sĩ, là một nghệ sĩ chân chính, lại càng cảm thấy thân phận mình gắn bó thiết tha với những người thân yêu cùng màu da, cùng ngôn ngữ và cùng lý tưởng như nhau.

Ở đây chúng ta hãy đến với một thi sĩ, người đã cùng dân tộc trên dòng sông lịch sử đầy biến động, đầy biến đau:

**SƯƠNG BIÊN THÙY/ LÊ MAI LĨNH**

Vậy ta hãy thử cùng trôi theo dòng Sương Biên Thùy – Lê Mai Lĩnh một dòng chảy, ngọt hơn sáu mươi năm, theo những biến thiên của lịch sử.

Đó là **TRƯỜNG CA CHO HUẾ MÙA XUÂN ĐẾN SẴN – BẢN TUYÊN NGÔN THẾ KỶ**.

Con đường từ Sương Biên Thùy đến Lê Mai Lĩnh là con đường khởi đi từ một thi sĩ lãng mạn, tâm hồn luôn hiến dâng cái đẹp.

Là những giấc mơ tuyệt vời.

Con đường này mang tên TRƯỜNG CA CHO HUẾ MÙA XUÂN.

Đề rồi con đường nói tiếp Lê Mai Lĩnh, là con đường của người lính, áo sờn vai, giày vệt đế... con đường dẫn đến những ác mộng kinh hoàng với những trại cưỡng bức lao động.

Con đường mang tên

SẢN – BẢN TUYÊN NGÔN THẾ KỶ.

Ta hãy nghe tác giả tự nói với lòng mình mà như nói cho bao người:

*Hãy tưởng tượng mỗi lần nói đến Huế*

Tác giả lặp đi lặp lại nhiều lần câu này trong một bài thơ dài gồm hai phần.

Bảy lần như thế.

Và bảy lần tác giả phác họa ra, tác giả vẽ ra , bằng ngôn ngữ của thi ca, cho người đọc được nghe, được thấy, được cảm nhận những nét đẹp của đất thần kinh:

*Hãy tưởng tượng mỗi lần nói đến Huế:*

*Những bà mẹ Việt Nam mặc áo lam...*

*Những dòng nữ sinh Đồng Khánh*

*Về chiếc nón bài thơ...*

*Về một mùa rục rờ những hồ sen*

*Về những căn nhà ma*

*Về một mùa đông những ngày dài chi lạ*

*Về một cây cầu*

*Mang linh hồn người*

*Hãy tưởng tượng mỗi lần nói đến Huế...*

Điệp khúc này lặp lại liên tục trong những khổ thơ, bất giác khiến ta nghĩ đến một người đã xa Huế không biết bao năm mà lòng cứ mơ về một thời hoàng kim với Huế. Lại khiến chúng ta nghĩ rằng Huế không còn như ngày xưa.

Vì đâu? Thì đây:

MỘT PHÚT MẶC NIỆM DÀNH CHO HUẾ  
BẮT ĐẦU.

Hãy tưởng tượng người chết đầu năm Mậu Thân.

Hãy tưởng tượng. Và hãy tưởng tượng. Rồi mơ  
về

Thế nào cũng có ngày Huế phục sinh.

Phút mặc niệm cho Huế cũng là giây phút bắt đầu  
cho một thảm trạng kinh hoàng của lịch sử:

SẮN – BẢN TUYÊN NGÔN THẾ KỶ.

Tác giả gọi đó là bản tuyên ngôn, tôi mạn phép  
gọi đó là một bản CÁO TRẠNG .

Bản cáo trạng về một tội ác chiến tranh.

Bản cáo trạng dành cho những lừa bịp cưỡng  
bức lịch sử.

*Ôi những bữa ăn đắng cay,*

*Những sản. Toàn sản*

Quang vinh thay, đắng cay thay:

HỌC THUYẾT SẮN

Tủi nhục thay. Căm hận thay:

HỌC THUYẾT SẮN.

Sắnn làm thay đổi lịch sử.

Sắnn a dua học thuyết.

Sắnn lừa lọc lịch sử.

Vớii những tay lái buôn lịch sử.

Con đường lịch sử nhiều khô, lốt đầy xương máu  
anh em đồng loại.

Ở hai đầu con đường là cùng một con người: một  
con người được vinh danh và một con người bị lưu  
đày.

Con người đó đã từng có trái tim nồng nàn tình yêu,  
cháy bỏng với những đam mê luôn muốn thấp rục  
ngọn đuốc hòa bình.

Và cũng chính con người đó bị lưu đày ngay trên chính quê hương:

*Về quê hương vào những ngày cuối năm,  
Trên con tàu chở đầy xiềng xích...*

*Mai ta đi chào những ngôi giáo đường  
Mai ta đi chào gia đình bị chỉ định cư trú,  
Vách đất mái tranh không đủ ấm mùa đông*

Con đường lịch sử các anh đã đi qua, chàng thi sĩ tài hoa với giày saut, áo trận cờ hoa đã đi qua.

Đi từ Sương Biên Thùy đến Lê Mai Lĩnh, anh đã đi từ bình minh đến hoàng hôn mù biệt.

Nhưng dù ở nơi đâu, dù ở lúc nào, luôn một trái tim, luôn một nhịp đập:

*Này là bài thơ anh viết trước bình minh  
Bài thơ như một dấu chứng tình yêu...  
Em vô thủy vô chung là tình yêu thi sĩ.*

Từ TRƯỜNG CA CHO HUẾ MÙA XUÂN chúng ta đã cùng anh đi qua chặng đường lịch sử (lịch sử bị dối lừa ) để đến SẮN - BẢN TUYÊN NGÔN THẾ KỶ, nhà thơ vẫn giữ nguyên vẹn trái tim thơ, dù trái tim đã bao lần chảy máu trong đòn đau hoạn nạn, trong gông cùm vô nhân.

Cảm ơn đời đã cho ta MỘT NHÀ THƠ CHÂN CHÍNH.

Cảm ơn TÌNH YÊU đã cho ta một THI SĨ TÀI HOA: SƯƠNG BIÊN THÙY / LÊ MAI LĨNH

Lê Văn Trung

**NĂM BÀI THƠ  
CẢM HỨNG TỪ PHONG TRÀO  
DÙ VÀNG, HỒNG KÔNG.  
01-10-2014**

**HÃY CHO TỔ QUỐC  
MƯỢN ĐÔI CHÂN CỦA BẠN**

**1.**

*Cộng sản sợ chúng ta xuống đường,  
Vì chúng ta xuống đường, chắc chắn chúng sẽ  
chui ống cống.*

*Chúng ta không xuống đường,  
Chúng sẽ ngự trị tại Ba Đình, tiếp tục  
"hèn với giặc ác với dân".*

*Vậy tại sao chúng ta không xuống đường để  
cứu dân cứu nước, và cứu mình.*

*Hỡi những người trí thức, sinh viên và  
thanh niên!*

*Hãy cho Tổ Quốc mượn đôi chân của bạn,  
Xuống Đường.*

*Quân đội đang chờ chúng ta xuống đường,  
Tạo cơ hội cho người lính quay súng bắn vào  
đầu lũ tay sai bán nước,  
Nguyễn Phú Trọng, Phan Văn Giang.*

*Công an đang chờ chúng ta xông đường,  
Là giúp cho họ điều kiện chạy trốn và  
chuyển vùng cư trú.  
Cán bộ xã, phường, đang chờ chúng ta  
xuống đường,*

*Để giúp họ rời bỏ cơ quan, nhiệm sở.*

*Đảng viên Cộng Sản đang chờ chúng ta  
xuống đường,  
Để trả thẻ đảng và xé thẻ đảng.*

*Những vị lão thành kháng chiến,  
đang chờ chúng ta xuống đường,  
Để nhập cuộc đấu tranh, vì họ đã nhận biết  
là họ bị phản bội.*

*Những nhân viên ngân hàng  
đang chờ chúng ta xuống đường,  
Để có dịp cho họ ẵm năm mươi tỷ cho vui.*

*Chúng ta xuống đường,  
Bộ Chính Trị chui ống cống là điều  
chắc chắn.*

*Hãy cho Tổ Quốc mượn đôi chân của bạn.*

*Xuống đường, phá nhà tù, giải thoát  
người anh em dân chủ,  
Những người tù lương tâm.  
Xuống đường, mở kho gạo  
phát cho những người đói, người nghèo.  
Xuống đường, vào xưởng dệt,  
kho vải, lấy vải phát cho những người cơ hàn.  
Xuống đường, vào nhà thuốc, lấy thuốc  
phát cho người bệnh,  
Xuống đường, vào siêu thị lấy thịt  
phát cho các em học sinh vùng cao  
quanh năm đang thèm thịt.*

Và cũng đừng quên lấy những con búp bê  
làm quà chiến thắng, tặng cho  
các em gái nhỏ trên núi cao  
Hoàng Liên Sơn, Lào Kai, Yên Bái...

Người dân oan đang chờ  
chúng ta xuống đường,  
Để họ trở về căn nhà xưa, mảnh đất xưa.

Người sinh viên đang chờ  
chúng ta xuống đường,  
Để khi tốt nghiệp có công ăn việc làm,  
khỏi cần phải lo "thủ tục đầu tiên"

Người nông dân đang chờ  
chúng ta xuống đường,  
Để có ruộng đồng tươi xanh,  
hạt lúa làm ra không phải đóng  
hàng trăm thứ thuế.

Người công nhân đang chờ  
chúng ta xuống đường,  
Để không còn phải đi làm lao nô  
nơi xứ người.

Người con gái Việt Nam  
đang chờ chúng ta xuống đường,  
Để khỏi đi làm vợ nước ngoài với những  
thằng Tàu, thằng Hàn, thằng Đài,  
Đui, què, sứt, mẻ.

Người bệnh đang chờ  
chúng ta xuống đường,

*Để khi vào nhà thương, mọi người  
có một cái giường, không chui xuống  
gầm như chuột.*

*Em bé mẫu giáo đang chờ  
chúng ta xuống đường,  
Để khi đến tuổi vào trường, cha mẹ các em  
khỏi phải sắp hàng từ sáng sớm và lo lót  
tiền bạc.*

*Hãy cho Tổ Quốc mượn đôi chân của bạn.*

*Xuống đường mới làm Cách Mạng,  
Không xuống đường là chấp nhận mất nước  
và nô lệ mãi mãi.*

*Hãy xuống đường,  
Không có cuộc cách mạng nào  
mà không xuống đường.*

*Hãy cho Tổ Quốc mượn đôi chân của bạn.*

*Xuống đường mới có Tự Do, Dân Chủ,  
Xuống đường mới có cơm no, áo ấm,  
Xuống đường mới có được quyền làm người.  
Xuống đường mới bảo vệ được non sông  
gấm vóc ông cha để lại.*

*Hãy cho Tổ Quốc mượn đôi chân của bạn.*

*Chỉ có xuống đường mới giải trừ được  
chế độ Cộng Sản,  
Chỉ có xuống đường mới giải thoát*

*Việt Nam ra khỏi gông cùm xã hội chủ nghĩa,  
Chỉ có xuống đường mới thu hồi được tài sản  
quốc gia bị ăn cướp,  
Chỉ có xuống đường mới giải trừ họa  
Cộng Sản.*

*Hãy cho Tổ Quốc mượn đôi chân của bạn.*

*Dân Chủ phải đấu tranh mới có,  
Độc tài không bao giờ trao cho,  
Cách mạng phải chấp nhận đổ máu.  
Máu vinh quang, máu anh hùng.  
Những điều khắc gia đang chờ tạc tượng,  
Những vị anh hùng đổ máu trong cuộc  
xuống đường hôm nay.*

*Hãy cho Tổ Quốc mượn đôi chân của bạn.*

## **2.**

*Thiên An Môn, Xưa Rồi Diễm.  
Hãy nhớ Thiên An Môn,  
Nhưng đừng bị ám ảnh bởi Thiên An Môn,  
Thiên An Môn, xưa rồi Diễm.  
Cho kẹo, Tập Cẩm Bình cũng không dám  
chơi Thiên An Môn.  
Ba Đình Việt Nam cũng vậy.  
Chúng không ngu để chơi Thiên An Môn.  
Chơi Thiên An Môn là chúng giết  
vợ con chúng,  
Và của cái cướp được, giấu đầu cho hết,  
Vợ con chuồn đầu cho thoát.  
Đó là chưa nói tới cha mẹ, anh em,  
bà con, cũng bị nhân dân trả thù.*

*Cho Nguyễn Phú Trọng đôi mắt lá răm  
Nguyễn Thị Kim Ngân và cái số hươu,  
Trọng Lú cũng không dám chơi Thiên An  
Môn.*

*Hồi Trí Thức và Tuổi Trẻ Việt Nam,  
Chín ăn, một thua,  
Hãy mau mau xuống đường,  
Chơi trò chơi lịch sử.*

*Nhất định Nhân Dân thắng.  
Nhất định Chính Nghĩa thắng.*

*Đời sống chỉ một lần,  
Và cơ hội cũng không có hai,  
Hãy xuống đường cáo chung chế độ  
Cộng Sản,  
Cứu nước, cứu dân.  
Cứu tương lai Việt Nam.*

*Nước uống, đã có chúng tôi lo,  
Bánh mì, đã có chúng tôi lo,  
Chúng tôi cũng lo luôn bông hồng  
tặng các chú công an,  
Chỉ mong các Trí Thức đóng đúng vai trò  
lịch sử,  
Và các sinh viên, tuổi trẻ,  
đúng là tương lai giống nòi.*

*Hãy ném số hươu và sự sợ hãi về phía sau,  
Và tiến lên phía trước cùng mọi người,  
Hàng hàng lớp lớp.*

*Ba Đình cũng chạy như chuột,  
Nói gì tới công an.*

*Đó là lúc quân đội sẽ quay súng nổ  
vào đầu bọn tay sai bán nước,  
Những tên tội đồ của dân tộc,  
Cái gọi là Bộ Chính Trị.*

*Nếu được nhìn thấy Cộng Sản chết  
trước khi tôi chết,  
Xin cảm ơn và đa tạ,  
Những Trí Thức và Tuổi Trẻ Việt Nam.*

### **3. 1.**

*Hồng Kông, Khúc Đạo Đầu Bài Ca  
Cuồng Nộ.*

*Hồng Kông mới là món ăn chơi,  
Đã là cục xương trong cổ họng Tập Cận Bình,  
Hồi những người lãnh đạo Cộng Sản Việt  
Nam,*

*Muốn cứu vợ, cứu con, và của cải  
đã “cầm nhảm” của nhân dân,  
Hãy sáng suốt quay về với Nhân Dân,  
Lấy Nhân Dân làm chỗ dựa.*

*Chỉ có Nhân Dân mới là bãi đáp an toàn.*

- Thả hết tù chính trị,
- Tuyên bố giải thể đảng Cộng Sản.
- Chấp nhận bầu cử tự do.
- Chấp nhận đa nguyên đa đảng.

*Dù các người muốn hay không  
thì những điều này phải đến,  
Tất yếu phải đến.*

*Các người hãy suy nghĩ và nói,*

*Bằng lòng hay không bằng lòng.  
Chui ống cống, dựa cột, thăng thiên,  
hay hú hí với vợ con,  
Tùy các người lựa chọn.*

### **3. 2.**

*Thi sĩ nói điều này với Bộ Chính Trị,  
Nhưng cũng là nói với các đảng viên  
Cộng Sản,  
Đầu là đảng viên tép riu.  
Mọi người dân bây giờ là một quả tạc đạn,  
Nổ vào đầu các người chưa biết lúc nào,  
Chớ có thắp thỏm đợi giờ chạy trốn.  
Chạy trốn cũng không thoát đầu.*

### **3. 3.**

*Hồng Kông đến đó và tắt yếu chỉ đến đó,  
Hồng Kông chưa thể tiến xa hơn và  
chưa muốn tiến xa hơn,  
Nhưng đừng nghĩ Hồng Kông đầu hàng,  
Nhưng đừng nghĩ Hồng Kông thua cuộc.  
Đây mới là khúc đạo đầu bài ca cuồng nộ.*

*Hồng Kông tự cho phép mình lui về  
dưỡng quân,  
Chuẩn bị cho những trận đánh mới  
và những trận đánh lớn.*

### **3. 4.**

*Hồng Kông khác Việt Nam là điều có thực.  
Hồng Kông hơn 100 năm sống dưới chế độ*

“*tư bản giãy chết*” nước Anh.  
Mỗi người Hồng Kông là một bông hồng,  
Bông hồng không đi trên cỏ,  
Bông hồng lượm rác sạch sẽ hoàng hôn  
cho những trận đánh mới bình minh.  
Bông hồng biểu tình cầm dù che cho  
bông hồng cảnh sát khi trời mưa.  
Bông hồng cảnh sát dùng nước rửa  
vết thương cho bông hồng biểu tình.  
Và nhiều hình ảnh đẹp khác.

Còn như Việt Nam sau gần 100 năm sống  
dưới chế độ công sản,  
Mọi người dân là một thùng nước sôi,  
là một quả tạ đạn,  
Sẵn sàng làm phỏng người nhau và nổ đạn  
vào đầu nhau.  
Anh nổ đạn vào em, chồng nổ đạn vào vợ,  
con nổ đạn vào cha.  
Mọi người là một quả đạn.  
Mỗi gia đình là một hầm đạn.  
Mỗi xã, phường, quận, huyện là một  
kho đạn nhỏ.  
Cả nước Việt Nam là một kho đạn lớn.  
Ngày cả nước nổ là lũ bán nước,  
Ba Đình banh-ta-lông.  
Hãy mau sáng mắt, nghe các ông các bà  
trong Bộ Chính Trị.  
Để cứu vợ, cứu con, và giữ được của cải  
các người đã “*cầm nhảm*” của nhân dân.

### **3. 5.**

*Hồng Kông 7 triệu người, Hồng Kông mới*

ra quân 100.000 công dân,  
Cảnh sát Hồng Kông án binh bất động.  
Cảnh sát Hồng Kông dùng nước  
rửa vết thương cho người biểu tình.  
Tập Cận Bình đánh võ miệng, không dám  
chơi Thiên An Môn,  
Hồng Kông đích thực là khúc dạo đầu  
bài ca cuồng nộ.  
Hồng Kông là ngọn cờ đầu dân chủ cho  
Lục Địa, Việt Nam, Bắc Hàn và Cuba.

Trọng Lú hoảng sợ bày trò đánh chuột  
giữ bình,  
Phen này với bài ca cuồng nộ nhân dân,  
Hồng Kông, Lục Địa, Việt Nam,  
Bắc Hàn, Cuba.  
Giờ cáo chung Cộng Sản đã điểm.  
Một Thiên An Môn ngược chiều sẽ tới.  
Tử tội là lũ chuột Ba Đình,  
Nhân Dân sẽ là người phán xét.

Hãy mau mau sáng suốt lựa chọn  
Nhân Dân làm bãi đáp an toàn,  
Hỡi những người Cộng Sản Việt Nam  
từ cao cấp tới tép riu.

Với lòng nhân ái và bao dung,  
Thi sĩ già, 72 cái xuân xanh, xin có lời  
đề nghị như thế này:  
“Thả hết tù chính trị, lương tâm,  
Tuyên bố từ bỏ con đường Cộng Sản độc tài,  
bầu cử tự do Dân chủ, dân quyền làm trọng”.  
Thi sĩ mong như thế, để có ngày,

Nói như cậu em ta, thi sĩ Trần Trung Đạo:  
“Uống cho say rồi vui chết giữa Sài Gòn”.

#### 4.

*Thư Gửi Con, Hoàng Chí Phóng.*

*Con hiểu mẹ,  
Mẹ hiểu con,  
Hai mẹ con mình hiểu nhau,  
Đó đã là một niềm hạnh phúc lớn lao.  
Bữa cơm sinh nhật mẹ, con muốn khát lại  
ngày khác, Mẹ chấp nhận.  
Không có gì còn phải chao đảo, lo nghĩ.  
Con cứ đi, mẹ sẽ dõi theo bước chân con.  
Việc con làm, con cứ làm, mẹ theo sau tiếp  
sức.  
Mẹ tuy già, nhưng sức mẹ còn trẻ,  
Con tuy trẻ, nhưng ý chí con đã trưởng thành.  
Con theo tiếng gọi nhân dân, mẹ theo hoà  
bảo con vào trận chiến.  
Tất cả cho Dân Chủ Hồng Kông.*

*Con tuyệt thực, đừng nghĩ rằng mình sẽ  
thất bại,  
Cuộc chiến mới bắt đầu, đừng nghĩ chuyện  
rút lui.  
Trong linh cảm mẹ, con sẽ là người  
chiến thắng.  
Trong trận chiến này, Hồng Kông trong  
tư thế thượng phong.  
Thế giới đang nhìn về Hồng Kông với  
lòng ngưỡng vọng.*

*Thế giới không để Hồng Kông cô đơn.  
Cô đơn sẽ có ngày phải tới cho lũ  
Tập Cận Bình.*

*Bữa cơm sinh nhật mẹ là chuyện nhỏ,  
Nhưng dân chủ cho Hồng Kông mới là  
điều đáng quan ngại,  
Dân chủ cho Hồng Kông phải là điều ưu tiên.  
Mất Dân Chủ, Hồng Kông mất tất cả.  
Chào con, Hoàng Chí Phóng.  
Chúc con những ngày tuyệt thực kiên cường.  
Sau lưng con luôn có mẹ và những trái tim  
Hồng Kông.  
(viết thay cho mẹ Hoàng Chí Phóng)  
3-12-2014*

## **5.**

*Nhìn Hồng Kông, Mơ Việt Nam.  
Người ta cũng là người,  
Cũng là giáo sư, giáo viên,  
Sao người ta như thế,  
Vì dân, vì nước,  
Mà mình chỉ chờ ôm số hưu.*

*Số hưu có cứu được con?  
Số hưu có cứu được vợ?  
Chưa nói tới cứu Tổ Quốc.  
Xin cho tôi câu trả lời,  
Hồi những ông giáo sư đại học Việt Nam.*

*Số phận đảng Cộng Sản Việt Nam,  
Hiện nằm trong tay các giáo sư, sinh viên,  
Các người xuống đường, Cộng Sản chết,*

*Các người chờ sổ hưu,  
Cộng Sản thiên thu trị vì.*

*Tội lỗi như thế, tội ác như thế,  
Ngu dốt như thế, thâm lạm như thế,  
Độc tài như thế, bất công như thế,  
Các ông chưa nhận rõ được sao.  
Hỡi các ông giáo sư đại học Việt Nam.*

*Hỡi các em sinh viên, học sinh,  
Hãy chết một lần để sống vĩnh viễn.  
Đó là nói tới tình trạng xấu nhất.  
Nhưng các em không chết đâu,  
Mà độc tài, bán nước chết là cái chắc.*

*Chưa bao giờ Việt Nam dễ trở thành  
anh hùng như bây giờ,  
Như Đặng Ngọc Viêt, Đoàn Văn Vươn.  
Một con đường mang tên Đặng Ngọc Viêt,  
Một công trường mang tên Đoàn Văn Vươn,  
Là điều đã thấy trước.*

*Hãy xuống đường, Tuổi Trẻ Việt Nam ơi.  
Này các ông giáo sư đại học Việt Nam,  
Các ông muốn lưu danh hay lưu xú,  
Điều này nằm trong khả năng  
của chính các ông.  
Nếu biết coi nặng nhân dân và coi nhẹ sổ hưu.  
Việt Nam 90 triệu người.  
Chỉ cần 100 ngàn cho mỗi Sài Gòn/ Huế/  
Hà Nội.  
Công an chạy như chuột.  
Là lúc Quân Đội quay súng bắn vào đầu lũ*

*bán nước Ba Đình.*

*Cộng Sản chỉ mạnh khi còn khả năng đối trá  
và bạo lực .*

*Đối trá và bạo lực là chiếc đũa thần,  
Nhưng khi không còn đối trá và bạo lực,  
Là lúc người phù thủy Cộng Sản mất đũa  
thần.*

*Phù thủy mất đũa thần là chắc chết.  
Cộng Sản Việt Nam cũng chắc chết.*

*Thời cơ đã đến, vận hội mới đã đến,  
Hỡi các ông giáo sư đại học và sinh viên  
Việt Nam.*

*Hãy học bài học Hồng Kông,*

*Hiệp đồng chiến đấu.*

*90 triệu đồng bào vỗ tay reo hò,*

*Những điều khắc gia đã chuẩn bị sẵn sàng  
tạc tượng những vị Anh Hùng Diệt Cộng.*

*Chỉ cần 100 ngàn người mỗi miền*

*Sài Gòn/Huế/Hà Nội*

*Là công an chạy như chuột.*

*Tạo cơ hội cho quân đội nổ súng vào đầu  
bọn bán nước Ba Đình.*

*Việt Nam sẽ khác.*

*Lịch sử sẽ sang trang.*

*Dân Chủ, Thịnh Vượng sẽ tới.*

*Từ nhập cuộc của giáo sư, sinh viên.*

*Sổ hưu và sự sợ hãi sẽ bóp chết vĩnh viễn  
tương lai giống nòi.*

# **ĐÊM GIAO THƯA, NHỚ VỀ NHỮNG THÀNG BẠN THEO VIỆT CỘNG**

## **1. PHAN DUY NHÂN (nhà thơ)**

*Khi bạn ký đơn hứa trung thành với chế độ VIỆT  
NAM CỘNG HÒA,  
Để mượn cuốn TƯ BẢN LUẬN của KARL MARK,  
Tại Trung tâm Văn hóa Pháp ở Huế.  
Là trong đầu bạn đã nuôi mầm phản loạn,  
Đêm bạn và tôi đốt thuốc, đọc thơ tới một giờ sáng,  
Bên bờ sông Hương, trước Trường Quốc Học,  
Là bạn đã manh tâm đâm sau lưng tôi.  
Tiếc rằng bạn, khi đã về già mới biết thế nào là lễ  
độ.*

*Dừng trách vợ bạn có lần dọn cơm cho bạn,  
Trong chiếc cặp lông là cuốn TƯ BẢN LUẬN và  
HỒ CHÍ MINH toàn tập,  
Cùng với chén nước mắm có ớt.  
Nay được tin bạn sắp về thế giới bên kia,  
Chẳng biết bạn chọn theo HỒ để gặp Lenin hay  
Marx.  
NGUYỄN TRÃI và NGUYỄN DU thì quá sợ bạn  
rồi.  
Với tôi và bạn bè, chắc cũng ngoài tầm tay với.*

## **2. THÁI NGỌC SAN (nhà thơ)**

*Với cái vé máy bay one way cùng 1.000 tặng cho  
bạn ẩm túi,  
Từ Phan Rang về Huế năm 1966.*

*Không ngờ lại là tiền phúng điếu cho bạn, ngày bạn  
bị giết bằng tai nạn xe đạp.  
Đến như ĐINH BÁ THI còn chết vì tai nạn xe hơi ở  
RỪNG LÁ,  
Thì sá gì cái vị thế thi sĩ của bạn năm 1993 tại  
HUẾ.  
Thơ bạn quá hay nhưng bạn chọn đời mình quá dở.  
Dẫu gì cũng cảm ơn bạn châu nhậu bia Trung Quốc  
và mực khô năm 1992,  
Tại trụ sở Hội Văn nghệ HUẾ, 26 đường Lê Lợi.  
Và ngay sau đó là châu LÒNG HEO, MẮM NÊM  
ĐÁP ĐÁ, cùng với nhà thơ TRẦN VÀNG SAO.  
Mà tôi được vinh dự chi địa.  
Hẹn gặp bạn dưới ấy.  
Trước sau gì, tôi vẫn không nghĩ bạn là thằng VIỆT  
CỘNG chính hiệu con nai vàng.*

### **3. LÊ VĂN NGĂN (nhà thơ)**

*Cảm ơn ông trung sĩ Quân tiếp vụ Lê Văn Ngăn,  
Nguồn cung cấp sữa cho 3 đứa con của tôi thời  
Đà Lạt.  
Mỗi tháng rẻ được 300 đồng.  
Nhưng mỗi lần đến nhận sữa, rất hân hoan chi cho  
ba thầy trò bạn một châu nhậu 1.000.  
Nhưng cái tôi giận bạn, là tại sao bạn không nói  
cho tôi biết,  
Là bạn dân V.C. nằm vùng.  
Để tôi bắt bạn cho vui.  
Tù binh của tôi là cơm gà, thuốc quân tiếp vụ,  
Đều chi mỗi ngày tại chi khu Lạc Dương,  
Thuở tôi còn là Trưởng ban Chiến Tranh Chính Trị.*

*Ngày gặp bạn sau chót tại Qui Nhơn, năm 1993,  
Bạn chủ biên tờ NGUYỆT SAN BÌNH ĐỊNH.*

*Đêm vừa hè QUI NHON HỘT VỊT LỘN,  
rượu NÀNG HUƠNG,  
Sao bạn cũng để tôi trả tiền.  
BÊN THUA CUỘC trả tiền cho  
BÊN THẮNG CUỘC,  
Ngó sao đặng,  
hồi nhà thơ Lê Văn Ngăn.*

#### **4. ĐẶNG SỸ TỊNH (nhà thơ)**

*Cũng mày, dân NGUYỄN HOÀNG,  
Bỏ lên núi sau Mậu Thân, 1968.  
Gặp lại mày sau 1985 tại Nha Trang,  
Khi tao vừa mới ra tù.  
Tám năm, sáu tháng chơ mày,  
Từ Nam ra Bắc.  
Tao đã biết thế nào là lẽ độ.  
Mày ngon, CHÁNH VĂN PHÒNG TY VĂN HÓA  
KHÁNH HÒA.  
Gặp mày, tao éo sợ.*

*Những ngày Nha Trang theo mày nhậu ké, ăn chùa.  
Tất cả đều do đàn em của mày chi đạ.  
Một cái vẫy tay của mày, là một két bia  
Trung Quốc.  
Một cái nháy mắt của mày là một đĩa mực tươi.  
Một cái búng tay của mày là cơ man mồi nhậu.  
Có cái tao cần, tao chờ, chẳng thấy đàn em của  
mày gọi tới.  
Thằng đàn ông gần 10 năm khổ sai trên núi  
Hoàng Liên Sơn,  
Hắn muốn gì chắc mày đã hiểu.  
Nói ra, sợ thiên hạ cười.*

*Đang sung sướng vậy, sao mày vội thăng thiên.  
Nhưng biết nói sao, mọi người đều có phần số.*

Dù mày là thằng V.C.  
Tao cũng không ghét mày đâu.

Mỗi lần nhớ mày, tao nhớ về CỬA TÁ,  
Đường xuống TRÍ BUU.  
Những con đường một thời, mày và tao  
đốt thuốc lang thang,  
Tập làm thi sĩ.

Chuẩn bị đón tao nghe mày,  
Cũng chẳng cần thăm đồ đâu.  
Nhưng rượu, càng nhiều, càng tốt,  
Nghe Tĩnh,  
Đặng Sỹ Tĩnh.

## 5. TRẦN VÀNG SAO (nhà thơ)

Khi bà chị vợ tôi mang tiền đến cho vợ con bạn đón  
giao thừa,  
Cũng là lúc bạn đi quét chợ Đập Đá chiều 30 Tết.  
Đảng không muốn nhà thơ làm thơ làm đẹp  
con người.  
Đảng chỉ muốn nhà thơ làm sạch chợ.  
Chợ sạch, bộ mặt Cộng đảng bớt lem luốc.  
Còn người sạch, con người thấy bộ mặt đảng lộ  
lem, xấu hoắc.

Bạn ta, Nguyễn Đình,  
Trả chổi, bỏ nghề quét chợ,  
Và tiếp tục làm thơ như bạn đã làm thơ:  
"Người đàn ông 43 tuổi nói về đất nước mình"  
Tôi sẽ thù lao cho bạn gấp nhiều lần tiền hàng  
tháng quét chợ **đảng hắc ám** trả cho bạn.  
Chịu vậy nhé bạn ta, Nguyễn Đình / Trần Vàng Sao.

## **VIẾT TRƯỚC GÌÒ TREO CỔ**

Người tù Lê Văn Chính

Hôm nay 20-7-2024, tức cách nay 45 năm, đêm 20-7-1979, ghi nhớ 25 năm chia cắt lãnh thổ bởi hiệp định Genève, trong nhà tù K4, tỉnh Vĩnh Phú, trung úy, người tù thi sĩ Lê Văn Chính, đã treo cổ tự tử, sau khi viết để lại hai lá thư:

\* Một, gửi cho ông Lê Duẩn, TBT đảng CSVN, đề nghị thay đổi đường lối lãnh đạo.

\* Một, gửi Ban Giám Thị trại giam, đòi cải thiện chế độ lao tù.

### **KÍNH GỬI ÔNG LÊ DUẨN, TỔNG BÍ THỊ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Kính thưa Ông,

Ký tên dưới đây là tôi, Lê Văn Chính, thi sĩ.

Tôi xin thông báo cho Ông biết, tôi không đủ can đảm sống thêm 5 năm nữa, để ăn bát nước chấm trong mỗi bữa ăn, như ông hứa trong bài diễn văn đọc trước Quốc Hội năm 1975, và được lập lại trong bài diễn văn năm 1976.

Tôi xin thông báo cho Ông biết:

Đã đến lúc, ông và những người lãnh đạo trong Bộ Chính Trị, cần phải thay đổi đường lối, lập trường, sao cho phù hợp với tình hình mới của thời đại và lịch sử.

Đừng kéo nhân dân vào hết cuộc chiến tranh này tới cuộc chiến tranh khác.

Hiện nay, dân chúng rất căm ghét chế độ, cán bộ hủ hóa, xã hội loạn lạc, nhân dân lầm than, thế giới cô lập.

Nếu các ông không nghe tôi mà thay đổi đường  
lối lãnh đạo, nhân dân sẽ thay đổi các ông.  
Khi đó có hối hận cũng không kịp.

Trân trọng kính chào ông,  
Lê Văn Chính, thi sĩ.

•

## THƯ GỬI BAN GIÁM THỊ TRẠI CẢI TẠO TÂN LẬP, K4, VĨNH PHÚ

Kính thưa quý Cán Bộ,  
Giữa chúng tôi và các cán bộ, không có lòng hận  
thù nào cả.

Tất cả chúng ta, đều là nạn nhân của chế độ này.  
Vậy trước khi chết,  
Nhân danh cái chết của một thi sĩ, tôi yêu cầu  
ba điều:

1. Hãy trả ngày Chúa Nhật cho anh em chúng tôi,  
có ăn sáng càng tốt, không ăn sáng cũng được.
2. Hãy trả tiêu chuẩn thịt hàng tháng cho anh em  
chúng tôi, bình thường, đều đặn.  
Đừng dùng nó vào việc ra quân, thi đua, có tính  
cách bòn mót sức lao động.
3. Hãy nuôi chúng tôi hết tiêu chuẩn Nhà Nước  
dành cho chúng tôi.  
Đừng bắt chúng tôi ăn độn một trăm phần trăm: sắn,  
khoai, bo bo với nước muối.  
Cuối cùng, tiền dư thực là "xù".

Trân trọng kính chào quý Cán Bộ.  
Trại viên Lê Văn Chính, thi sĩ  
ký tên.

Ngày đó, 45 năm trước, bạn chung trại tù, không  
gây trở ngại cho tôi, trên con đường đi tìm về cõi  
chết, thì nay, đâu ai kể, viết, in sách, cho quý  
Thượng đế xem, coi, đọc, ngó, nhìn.

Độc giả là Thượng đế.

Amen.

Pittsburgh, Pennsylvania.

(20-7-2024)

**THƯ GỬI TỔNG BÍ THƯ ĐẢNG  
CỘNG SẢN VIỆT NAM LÊ KHẢ  
PHIÊU YÊU CẦU THAY ĐỔI  
ĐƯỜNG LỐI LÃNH ĐẠO**

Kính gửi ông Lê Khả Phiêu,  
Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Kính thưa ông,  
Tôi là Lê Mai Lĩnh, thi sĩ.  
Tôi xin có lời chúc mừng ông.

Rằng thì là, từ nay, tên tuổi của ông đã đi vào  
lịch sử của dân tộc.

Tôi cũng xin thông báo cho ông biết, rằng thì là,  
chính ông, chứ không ai khác, từ cổ chí kim, từ  
Đông sang Tây, ông là một nhà lãnh đạo đặc biệt  
may mắn, khi ông ở vào vị trí và điều kiện của một  
người **muốn trở thành vị anh hùng dân tộc lưu  
danh muôn thuở, lại dễ dàng hơn là, muốn trở  
thành một tên độc tài quân phiệt, lưu xú vạn  
niên.**

Kính thưa ông,

Với một chiều dài trên 40 năm cầm bút viết văn,  
làm thơ và bình luận chính trị, cùng với kinh  
nghiệm trải qua 3.012 ngày khổ sai trong 10 nhà tù  
Cộng Sản các ông, từ Nam ra Bắc, tôi tin rằng,  
những suy nghĩ của tôi là đúng.

Tôi không đại ngôn, khoác lác.

Tôi biết, tôi phải nói gì và viết gì, mà không để cho ông và độc giả của tôi, đến độ xem thường khả năng nhận thức và ngòi bút của tôi.

Trong vị trí của ông và hoàn cảnh của tôi, tôi cũng không ngại thơ gì để chơi trò “tâm lý chiến” hay địch vận, để bị gọi là chiêu hồi, dù dẫu ông từ bỏ con đường Cộng Sản, để trở về với Quốc Gia, Dân Tộc.

**Cộng Sản hay Quốc Gia, đó chỉ là những tên gọi. Cái giá trị đích thực của một chủ thuyết, một đường lối lãnh đạo Quốc Gia đúng, là làm sao cho dân giàu, nước mạnh, tự do, dân chủ, con người sống thực sự làm người và toàn quyền làm chủ vận mệnh đất nước mình.**

Với lương tâm trung thực của một thi sĩ, tôi có thể nói rằng, những người Quốc Gia trước đây chưa làm được điều đó.

Và những người Cộng Sản cũng chưa làm được điều đó trước ngày 30 tháng Tư năm 75.

Nhưng sau ngày 30-4-75, khi có được những cơ may của lịch sử, người Cộng Sản đã thống nhất nước nhà, thoát ra được phần nào những hệ lụy do ngoại bang áp đặt, đáng ra, những người Cộng Sản Việt Nam, phải làm được điều đó.

Nhưng đã 23 năm rồi, những người lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam không những không làm được điều tốt đẹp đó, mà còn làm cho tình hình tồi tệ hơn, như hiện nay.

Kính thưa ông,

Như tôi đã nói ở trên, chính ông chứ không phải ai khác, trong điều kiện thuận lợi hiện nay của tình hình chính trị thế giới và lòng dân trong nước, và

lại, ông không bị ràng buộc nặng nề, bởi những sai lầm và tội lỗi của những người lãnh đạo Cộng Sản tiền nhiệm, xin Ông hãy sáng suốt phát đẹp lá cờ trong tay ông hiện nay.

Hãy làm một vị anh hùng dân tộc. Điều này dễ dàng vô cùng cho trường hợp của ông hiện nay.

Lê Khả Phiêu phải là người **Tổng Bí Thư cuối cùng** của đảng Cộng Sản Việt Nam, và là vị **Tổng Thống đầu tiên của một nước Việt Nam Tự Do, Dân Chủ.**

Trước khi đi vào nội dung chính của lá thư ngỏ này, ở đó tôi sẽ đối chiếu, so sánh tình hình thế giới và trong nước, giữa thời đại Lê Khả Phiêu và thời đại Hồ Chí Minh, để thấy rõ những thuận lợi đưa Lê Khả Phiêu vào vị trí **anh hùng dân tộc**, tôi xin tạm mạn đôi điều, trong lòng cuộc đời và bên lề lịch sử.

Kính thưa ông,

**Một là**, tên ông là Lê Khả Phiêu, người Thanh Hóa. Tên tôi là Lê Mai Lĩnh, người Quảng Trị. Khoảng cách tuổi tác giữa ông và tôi là 8 năm. Ông 65, tôi 57.

Khoảng cách địa lý giữa hai nơi là non 100 cây số. Điều này làm tôi chợt có nghi vấn, là biết đâu, ông và tôi, là anh em cùng cha khác mẹ.

Biết đâu không là, từ cái thuở xa xưa ấy, có một chàng trai thanh niên Thanh Hóa hay Quảng Trị, cao to, đẹp trai, cù lằn, trên bước đường tha phương cầu thực, làm thuê làm mướn, chăn trâu giữ bò, có một mối tình thơ mộng, lãng mạn bên lũy tre, ao bèo, giữa đêm trăng mờ mờ, trong vi vu gió và ca dao làn điệu, sau đó sản sinh ra Lê Khả Phiêu.

Rồi cũng chính người thanh niên đó, trong mỗi tình lãng mạn, hiện thực, vô sản chuyên chính, ba đời bản cố nông, để ra thằng Lê Mai Lĩnh tại Quảng Trị.

Ai dám bảo điều này không thể xảy ra?

Ai dám bảo Lê Mai Lĩnh và Lê Khả Phiêu, nhất định không phải là anh em ruột thịt, gọi Trời bằng Ông?

**Hai là**, ông là Thượng tướng chính trị, tính tới nay. Tôi là Trung úy chính trị, tính tới ngày 30-4-1975.

Biết đâu, nếu tôi sinh cùng năm với ông, và tôi không bị bó buộc già từ vũ khí cách nay 23 năm, giờ này tôi cũng là Thượng tướng chính trị như ông.

Ai cấm tôi không là Thượng tướng, là cấp chỉ huy của ông?

Em đùa một tí cho vui.

Đừng giận em nghe anh Phiêu.

**Ba là**, nhưng chúng ta đã không sinh ra cùng năm, nên chàng thanh niên của núi rừng Thanh Hóa Lê Khả Phiêu theo tiếng gọi non sông, lên đường kháng chiến đánh đuổi thực dân Pháp, giành tự do cho dân tộc, và bát cơm manh áo cho người dân Thanh Hóa, thì chàng thiếu niên Quảng Trị Lê Mai Lĩnh, đêm ngày, dãi theo bóng trăng, bóng núi, mong thấy bóng anh Phiêu xuất hiện với tự do cho nước, cơm áo cho người dân Thanh Hóa, vùng quê vốn nghèo nhất nước.

Mấy mươi năm sau, em mới thấy anh Phiêu xuất hiện, với lá cờ trong tay.

Vậy thì, anh Phiêu ơi, nước chưa có tự do dân chủ, dân Thanh Hóa anh và Quảng Trị tôi vẫn nghèo như mấy chục năm về trước.

Thế thì, hoài bão anh đâu, lý tưởng anh đâu?

Hãy làm đi, hãy phát cao lá cờ trong tay, khi nước chờ, dân mong:

Tự Do, Dân Chủ, cơm no, áo ấm.

**Bốn** là, xin ông và mọi người đừng nghĩ tôi đang thấy ông *sang* (Tổng Bí Thư) nên *bắt quàng làm họ*. Lương của tôi bây giờ là 2,500 đô-la, tương đương 35 triệu tiền Việt Nam mỗi tháng.

Với số lương đó, tôi quá thừa thãi để sống mà không cần nhờ vả đến ai về mặt vật chất.

Còn như địa vị xã hội, chức tước trong chính quyền, điều này tôi lại không bao giờ muốn.

Tuổi đời tôi đã cao, vai trò lịch sử của tôi cũng đã xong. Hãy nâng niu và ủng hộ cho những thế hệ trẻ hơn, cho cháu-con chúng ta.

Và bây giờ, tôi xin đi vào phần chính của nội dung lá thư, gồm 5 tiết mục:

**Một:** Tình hình thế giới thời đại Hồ Chí Minh.

**Hai:** Tình hình thế giới thời đại Lê Khả Phiêu.

**Ba:** Tình hình trong nước thời đại Hồ Chí Minh.

**Bốn:** Tình hình trong nước thời đại Lê Khả Phiêu.

**Năm:** Đối trá và bạo lực giúp Hồ Chí Minh sống.

Đối trá và bạo lực giết Lê Khả Phiêu chết.

## 1. Tình hình thế giới thời đại Hồ Chí Minh.

Năm Thế Chiến thứ Hai chấm dứt 1945, Hồ Chí Minh đang trong độ tuổi thanh niên với một bầu nhiệt huyết, giữa lúc trước mắt là một chủ nghĩa Cộng Sản với những hứa hẹn tươi sáng, đem cơm

no áo ấm cho mọi người, trên trái đất này là một thiên đường Cộng Sản "làm theo năng suất, hưởng theo nhu cầu". Bên cạnh đó là khối Cộng Sản Liên Xô và Đông Âu ra đời, làm nên sức mạnh cụ thể bằng hành động cho lý thuyết Cộng Sản.

Đến năm 1949, khi Mao Trạch Đông chiếm lĩnh lục địa Trung Hoa, khối Cộng Sản tăng cường thêm sức mạnh.

Mao trợ lực cho cuộc chiến Triều Tiên, đưa một Bắc Triều Tiên vào quỹ đạo Đỏ, thế lực Cộng Sản, từ đó trở thành một sức mạnh đáng kể và là một đe dọa cho hòa bình nhân loại.

Hồ Chí Minh lên tinh thần và lao vào con đường Cộng Sản hăng hái, dù là vị trí một tay sai.

Thêm vào đó, vào thời điểm đó, khi khoa học kỹ thuật còn lạc hậu, máy móc chưa thay thế sức người, lao động chân tay quyết định cho mọi sản xuất.

Vì muốn kiếm nhiều lợi nhuận, nên chủ nhân (tư bản) đã tận dụng năng suất con người, từ đó dẫn tới tình trạng bóc lột sức lao động. Marx lợi dụng thời điểm đó, tiến hành "đấu tranh giai cấp" giữa chủ nhân và giới lao động.

Nhiều người, trong đó có Hồ Chí Minh, nghĩ rằng giới thợ thuyền sẽ làm chủ vận mệnh nhân loại, sẽ tiêu diệt giới người bóc lột.

Điều này đúng hay không, hỏi sau sẽ rõ.

Từ kết thúc Thế Chiến thứ Hai (1945) đến 30-4-1975, thế giới có 15 nước đi theo con đường Cộng Sản: Nga, Trung Quốc, Mông Cổ, Rumania, Hungaria, Albania, Tiệp Khắc, Nam Tư, Ba Lan, Bắc Triều Tiên, Đông Đức, Cuba, Lào, Cam Bốt và Việt Nam.

## 2. Tình hình thế giới thời đại Lê Khả Phiêu.

Khi khoa học kỹ thuật phát triển, máy móc thay thế con người, bấy giờ là lúc người lao động cần chủ nhiều hơn là chủ cần thợ.

Từ đó dẫn tới tình trạng thất nghiệp. Do đó, cái gọi là "đấu tranh giai cấp" giữa chủ và thợ - như Marx hay những người lãnh đạo Cộng Sản tuyên bố - về sau không còn thích hợp và đúng nữa.

Như thế, cũng có nghĩa Cộng Sản là **không tưởng**, là ảo, là đối trá, bịp bợm.

Điều rõ ràng nhất, là sau nhiều năm đi theo con đường Cộng Sản, những người lãnh đạo các nước Cộng Sản cũng không giải quyết được cơm ăn, áo mặc cho người dân.

Về đời sống tinh thần, thì bị đàn áp, khủng bố, đe dọa, tù đày.

Vì những lẽ trên, vào thời đại Lê Khả Phiêu, chủ nghĩa Cộng Sản đã trở nên lỗi thời, nếu không nói là đã phạm tội ác trước nhân loại và lịch sử thế giới.

Từ đó, dẫn tới sự sụp đổ thành trì Cộng Sản thế giới là Liên Xô và Đông Âu, rồi tới Đông Đức.

Cường quốc Cộng Sản sau cùng là Trung Hoa, cũng đang trên đường giã từ chủ nghĩa Cộng Sản để đi vào con đường dân chủ, tư bản.

Kiểm điểm lại ta thấy, từ 15 nước Cộng Sản trước 30-4-1975, nay chỉ còn một Trung Hoa nửa xanh nửa đỏ, một Cuba Cộng Sản sống vào tuổi thọ của Fidel Castro, một Bắc Hàn chết đói chờ chôn sống, một Lào, Cam Bốt sống đời "ký sinh trùng", một Việt Nam ngồi trên lửa của hỏa diệm sơn, là lòng dân bất mãn tột độ.

Từ đó, không còn con đường nào khác, cho Lê Khả Phiêu tiếp tục theo đuổi con đường Cộng Sản, hay còn gọi là Xã Hội Chủ Nghĩa nữa mô (tê).

### **3. Tình hình trong nước thời đại Hồ Chí Minh.**

Thời Hồ Chí Minh, Việt Nam đang bị thực dân Pháp chiếm đóng. Cao trào kháng chiến chống thực dân Pháp đang được mọi người hưởng ứng tham gia.

Hồ Chí Minh đã lợi dụng tình hình lúc đó, để biến sức mạnh dân tộc thành sức mạnh cộng sản.

Do trình độ dân trí bấy giờ, cùng lúc với sự lạc hậu khoa học kỹ thuật, Hồ Chí Minh dễ dàng lừa dối nhân dân, cũng như dễ dàng tạo ra những huyền thoại láo khoét để bịp bợm quần chúng.

Từ đó, người dân dễ tin và suy tôn Hồ lên vị "**cha già**" dân tộc.

Vì mục đích chung, đánh đuổi thực dân Pháp, nên người dân cũng như người trí thức sẵn sàng gạt bỏ những mâu thuẫn, nghi kỵ cá nhân.

Đây cũng là một cơ hội tốt cho Hồ Chí Minh, nắm được tình hình bấy giờ để thực hiện những thủ đoạn gian ác của ông ta, như việc thủ tiêu những chiến sĩ quốc gia, những nhà ái quốc, không đi theo đường lối của ông.

Những tội ác của đảng Cộng Sản Việt Nam, cũng như bộ mặt thật của Hồ Chí Minh, tới thời đại Lê Khả Phiêu hiện nay, năm 1998, thì Lê Khả Phiêu và toàn dân đã rõ.

Năm 1950, cậu bé Lê Mai Lĩnh mới 8 tuổi, còn nhớ, trên bàn thờ của mọi gia đình vùng quê tôi,

Quảng Điền, Triệu Phong, Quảng Trị, đều thờ ảnh ba ông Marx, Engels, Lenin.

Điều này đủ thấy Hồ Chí Minh vọng ngoại tới mức độ như thế nào.

Cũng cần ghi nhận thêm, thời đại Hồ Chí Minh, trong nước không có người trí thức đúng nghĩa của nó là trí thức.

Thời đại Hồ Chí Minh chỉ có bồi bút và nịnh thần như Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Tố Hữu, Tôn Thất Tùng, Nguyễn Khắc Viện, Trần Đại Nghĩa, Trần Bạch Đằng, Trần Trọng Đăng Đàn...

#### **4. Tình hình trong nước thời đại Lê Khả Phiêu.**

Sự thất bại của chủ nghĩa Cộng Sản trên thế giới đã dẫn tới sự sụp đổ chế độ Cộng Sản ở Liên Xô và Đông Âu, sau đó là Đông Đức, đã làm đa số đảng viên Cộng Sản Việt Nam không còn tin tưởng vào con đường Cộng Sản hiện nay tại Việt Nam, và đó cũng là tâm lý của tuyệt đại đa số nhân dân hiện nay.

Do vậy, theo đuổi con đường Cộng Sản tức là những người lãnh đạo Việt Nam, mà đứng đầu là Tổng Bí Thư Lê Khả Phiêu, đang tiếp tục chọn cho mình một tử lộ, không những đưa đảng Cộng Sản Việt Nam tới huyệt địa, mà còn đưa cả dân tộc đến nghĩa trang.

Gần 60 năm ở miền Bắc và 23 năm ở miền Nam, rõ ràng là con đường Cộng Sản không giải quyết được vấn đề cơm áo, tự do cho người dân Việt Nam, như con đường tự do, dân chủ mà các nước khác trên thế giới tiến hành hàng trăm năm qua.

**Chỉ có con đường tự do, dân chủ là đúng với khát vọng của toàn dân. Một thứ tự do, dân chủ thực sự, cho người dân trực tiếp dự phần vào việc chọn lựa người lãnh đạo quốc gia, chứ không phải kiểu tự do, dân chủ bánh vẽ mà đảng Cộng Sản vẽ ra trong quá khứ.**

Bây giờ là năm 1998, và khoa học kỹ thuật đi với những bước khổng lồ, chứ không còn là thời năm 1940-1945, đưa thư bằng ngựa, lương thực tải bằng xe đạp tiếp tế ra tiền phương, như thế cũng có nghĩa, thời đại Lê Khả Phiêu dân trí tiến bộ vượt bậc, để không còn dối trá và bịp bợm được như thời Hồ Chí Minh.

Do sự tiến bộ của thông tin, liên lạc mà ngày nay, nếu Cộng Sản chặt đầu Nguyễn Đan Quế hay moi gan Đoàn Viết Hoạt, thì chỉ 5 phút sau, thế giới biết ngay và có ngay hành động cụ thể để trừng trị, chứ không phải như ngày xưa, đảng Cộng Sản giết mấy ngàn giáo dân Cao Đài, Hòa Hảo, để mấy chục năm sau, khi ông Nguyễn Hộ tố cáo mới biết.

Cái thời Cộng Sản thù tiêu, độc quyền giết người đã qua rồi.

Thời đại Hồ Chí Minh ngày xưa khác xa thời đại Lê Khả Phiêu hiện nay, từ những yếu tố như thế.

Cũng cần nên nói, thời đại Lê Khả Phiêu, đã có những người trí thức dũng cảm, nhận lãnh vai trò lịch sử của mình, chứ không còn trí thức hèn như dưới thời Hồ Chí Minh.

Trong một xã hội, khi người trí thức can đảm đương đầu với bạo lực để nhận lãnh sứ mệnh lịch sử của mình, chính đó là dấu hiệu tốt cho xã hội. Ở đây, là một dấu hiệu tốt cho cả chính Lê Khả Phiêu.

Và thời đại Lê Khả Phiêu, xã hội đã rộ lên những người trí thức như thế: Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Trần Mạnh Quỳnh, Thích Quảng Độ, Trần Độ, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Văn Nhân...

Tôi nói những người này là cơ hội tốt cho Lê Khả Phiêu vì hai lý do:

Một là, những người trí thức này là động lực thúc đẩy Lê Khả Phiêu lựa chọn con đường dân chủ, từ bỏ Cộng Sản.

Hai là, những người này là đồng minh cho Lê Khả Phiêu, nếu như ông sáng suốt lựa chọn con đường dân chủ, con đường thích hợp với trào lưu thế giới, và nhu cầu phát triển đất nước hiện tại.

Nếu Lê Khả Phiêu tiếp tục con đường Cộng Sản, và tự cho rằng, độc quyền yêu nước là của Cộng Sản, thì rõ ràng là thời gian và hoàn cảnh lịch sử thế giới và nhân tâm trong nước không đứng về phía ông.

## **5. Đối trá và bạo lực giúp Hồ Chí Minh sống.**

Đối trá và bạo lực là hai người bạn đồng hành của Hồ Chí Minh, khi mà dân trí còn thấp, và khoa học kỹ thuật về truyền thông còn lạc hậu.

Nhờ dân trí thấp, ông Hồ Chí Minh có thể đối trá, bịp bợm, che giấu sự thật, người dân cũng tin, cũng nghe, cũng làm theo. Nhưng khi dân trí cao, trình độ hiểu biết của người dân đã vượt ra khỏi lũy tre, bờ dâu, thì đối trá không còn hiệu lực.

Bạo lực chỉ có hiệu quả khi, một mặt người dân sợ, và mặt khác là che giấu được thế giới bên ngoài, không ai biết, không ai thấy.

Nhưng khi khoa học truyền thông phát hiện, chỉ 5 phút (hay ngay khi) xe tăng Hồng Quân Trung Hoa cán lên sinh viên biểu tình đòi tự do, dân chủ tại Thiên An Môn, là thế giới đã nhìn thấy, lên tiếng chống đối.

Chỉ 5 phút sau khi dân Thái Bình biểu tình, cả thế giới đều biết. Chỉ 5 phút sau khi Phạm Hùng bị thương mã phong, chết trên bụng người đàn bà Trần Thị Trung Chiến, cả thế giới đều biết. (Phạm Hùng là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Trần Thị Trung Chiến là Ủy viên Trung Ương Đảng).

Đã tới lúc không thể dối trá (vì dân trí cao, vì khoa học truyền thông phát triển) và người dân không còn sợ bạo lực (vì họ thấy, một mặt kẻ thi hành bạo lực không còn xứng đáng ở vai trò lãnh đạo; hai là, họ không còn cảm thấy cô đơn, vì cả thế giới đều biết), chính đó là dấu hiệu suy tàn của độc tài, bạo lực.

Kẻ thi hành bạo lực, trong trường hợp Việt Nam, là người lính và người công an. Chính sách bạo lực chỉ có giá trị, hiệu lực, khi người thi hành chỉ biết đâm chém mà không bao giờ hỏi tại sao phải đâm, phải chém? Và không sợ nhìn máu chảy, thịt rơi.

Nhưng rõ ràng bây giờ là lúc người thi hành bạo lực (lính, công an) đã biết hỏi tại sao? Tại sao chém? Tại sao giết? Chém giết cho ai? Vì ai? Chẳng lẽ chém giết cho đảng Cộng Sản Việt Nam? Một đảng phái từ lâu chẳng đem lại những lợi ích gì cho dân tộc? Chẳng lẽ chém giết cho cái gọi là Quốc Tế Vô Sản? Từ lâu, cái gọi là Quốc Tế Vô Sản là cái chi chi? Chẳng lẽ chém giết vì lợi ích của "cha già dân tộc" Hồ Chí Minh, khi ông ta lộ nguyên hình là một tên giết người và đâm tặc? Chính vì thế mà bây

giờ, những người lãnh đạo đảng Cộng Sản không dám thủ tiêu hay công khai giết Đoàn Viết Hoạt hay Nguyễn Đan Quế, như trước đây chúng đã giết Phạm Quỳnh, Khái Hưng, Huỳnh Phú Sổ, Tạ Thu Thâu, v.v...

*Những sự kiện lịch sử trên cũng cho chúng ta thấy rằng, và cho ông Lê Khả Phiêu thấy rằng, nếu còn **dối trá** và **bạo lực**, thì ông Lê Khả Phiêu chỉ tự đào huyệt chôn mình. Tình thế là như thế.*

Kính thưa ông,

**Ngồi chờ ngày nhân dân vùng lên chôn sống đảng Cộng Sản và cá nhân Lê Khả Phiêu, như nhân dân Romania đã làm với nhà độc tài Ceausescu, không phải là điều tôi mong đợi.**

**Nhưng điều tôi mong mỏi, là cá nhân Lê Khả Phiêu cũng như tập thể lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam phải có viễn kiến, nhìn ra chân tướng của những giai đoạn lịch sử, và lòng dân như nước vỡ bờ, để có những lựa chọn đúng đắn.**

Lòng dân trong nước hiện nay như một hỏa diệm sơn, như một mỏ dầu chờ nổ cháy, mà người chôn ngòi và gài chất nổ thì lại quá nhiều, ở cả trong, ngoài nước; và trong, ngoài đảng.

*Tôi không tin những Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Trần Mạnh Quỳnh, Trần Độ, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Thanh Giang... dừng lại ngang đó.*

*Sứ mệnh của người trí thức và những năm tù tội không cho phép họ khoanh tay đầu hàng Đảng Cộng Sản Việt Nam, khi họ biết thời gian, chính nghĩa, nhân dân, đứng về phía họ, những người tranh đấu cho dân chủ, tự do của thời đại.*

*Vậy thì, một lần nữa, tôi hy vọng rằng ông, trong điều kiện lịch sử hiện nay của thế giới và hoàn cảnh Việt Nam, con đường dân chủ, tự do, là con đường thích hợp nhất để kết hợp lòng dân, kết hợp nhân tài, kết hợp sức mạnh để xây dựng quê hương.*

*Tôi mong ông tự mình quyết định để trở thành người **Tổng Bí Thư cuối cùng của Đảng Cộng Sản Việt Nam**, và là vị **Tổng Thống đầu tiên của một Việt Nam dân chủ không Cộng Sản**.*

*Điều này vừa tốt cho cá nhân ông và có lợi cho tương lai dân tộc.*

Ông hãy công khai tuyên bố từ bỏ con đường chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng Sản không còn là đảng độc quyền cai trị đất nước.

Hãy để cho mọi khuynh hướng, đảng phái khác, cũng có quyền tham gia hoạt động chính trị, và nhân dân lựa chọn lãnh đạo qua một cuộc phổ thông đầu phiếu có quốc tế giám sát.

Trong thời gian đầu, ông có thể tuyên bố bãi bỏ chức Tổng Bí Thư, để trở thành Tổng Thống Việt Nam hậu Cộng Sản.

Buổi đầu, tôi tin là nhiều người cũng đồng ý như thế.

Hoan hô Tổng Thống Lê Khả Phiêu.

Trân trọng kính chào ông.

Hoa Kỳ, ngày 20 tháng 7 năm 1998

Lê Mai Lĩnh.

## **THƯ NGỎ GỬI NGÀI ĐẠI TƯỚNG BỘ CÔNG AN TỶ LÂM**

Thưa Ngài,

Năm 1979, trong nhà tù K4/ Vĩnh Phú, trước khi treo cổ tự tử, vào đêm 20-7-1979, đêm kỷ niệm 25 năm ngày chia cắt lãnh thổ bởi hiệp định Genève, tôi đã có lá thư gửi Ngài Lê Duẩn, Tổng bí thư Đảng CSVN, đề nghị thay đổi đường lối lãnh đạo. Nhưng trót quớt, ông không nghe theo. Năm 1998, cũng vào ngày 20-7, trên đường lưu vong sang Hoa Kỳ, tôi cũng có lá thư thứ hai, gửi Ngài Lê Khả Phiêu, TBT Đảng CSVN, khuyên Ông ấy nên tuyên bố từ bỏ con đường CS và vai trò Tổng bí thư, để trở thành vị TỔNG THỐNG ĐẦU TIÊN của một nước VN dân chủ. Nhưng cũng không thành.

Nay tôi, tuổi 83, yêu quê hương như yêu chính bản thân mình, và cũng yêu Ngài, niềm hy vọng của tôi. Là Ngài ơi, chưa bao giờ lịch sử VN dành cho Ngài cơ hội cực kỳ thuận lợi, là làm người Anh hùng của dân tộc. Ngài, không còn sống bao lâu, và tôi, chắc chết, chết chắc, trước Ngài. Nên tôi đề nghị Ngài, hãy là một MIKHAIL GORBACHEV của VN. Với hơn 1.500.000 quân trong tay, Ngài chọn nhân dân làm sức mạnh, không một ai, kể cả Tập Cận Bình, dám đụng vào Ngài, khi Ngài tuyên bố từ bỏ con đường CS, lấy nhân dân, về với nhân dân, cùng đồng tộc, giống nòi, làm sức mạnh, điềm tựa.

Rồi đây, những ngôi mộ của Quang, Giáp, Duẩn, Phiêu... sẽ bị san thành bình địa, trước nỗi căm phẫn của toàn dân. Nhưng với Ngài, nếu can đảm,

sáng suốt, là một MIKHAIL GORBACHEV VN, nhân dân sẽ xây tượng đài cho Ngài Lâm Tổng thống. Hãy mau chóng hành động, chớp thời cơ. Nếu chậm trễ, bọn Nghệ An, Hà Tĩnh, chúng sẽ nhai ngài không tha.

Sau lưng Ngài là nhân dân và thế giới tự do. Nhất định, Tô Lâm muôn năm, Việt Nam vạn tuế. Vạy vạy thôi, thưa Ngài. Tôi yêu nước và dân tôi biết bao và tin tưởng ông xiết bao, Ngài Tô ạ.

Lê Mai Lĩnh - thi sĩ, nhà văn, nhà báo.  
Người cầm bút tạm thời lưu vong.  
(Hoa Kỳ, 3-8-2024)

## **TÔI LÂM VÀ TÔI, CHUYỆN BÂY GIỜ MỚI “BẬT MÍ”**

Bài này tôi viết, theo đơn đặt hàng của một người, vừa là em tôi, bạn tôi, vừa là ông thầy tôi, giáo sư Thông Đặng, Đại học Houston.

Vốn, rằng thì là.

Cách nay gần 8 năm, ngay trong ngày ông Donald Trump tuyên thệ nhậm chức Tổng thống, tôi viết bài tùy bút *Donald Trump và Tôi*.

Bài viết, nức lòng người năm châu bốn biển.

Hay nguy sự.

Hay đến nỗi, một chiến hữu, cũng là bạn tù tội, trong trại tù Gia Rai, đang là nhân viên bưu điện bên Texas, TÂN HOÀNG, nói rằng bài của bạn, vô tình lại là bài vận động tranh cử cho Donald Trump hay nhất, từ trước tới nay.

Lần này, cái ông mà tôi nói, vừa em, bạn, thầy, trước lúc dặt tay O Huế, tình nương, sang California, làm một cái tái (nạm) honeymoon, để lại lời nhắn: anh phải chơi một “cái “TÔI LÂM và TÔI”, như anh đã chơi, “con” Donald Trump và tôi.

Ông này, ngoài em, bạn, thầy, lại còn là một trương mục tiết kiệm của tôi.

Rằng thì là, khi nào in sách, cần tiền, tôi “question”, ông đều “yes”.

Thế thì mãn răng, tôi từ chối.

Nên mới có *Tôi Lâm và Tôi*, hôm nay, bây giờ, nơi này.

Tôi động bút.

Giờ của tôi động bút.

Trong những ngày Lâm ở Mỹ, Lâm có nhắn, rằng ông muốn gặp tôi. Điều làm tôi vừa lo, vừa vui.

Lo, vì từ lâu, tôi được/ bị, đánh giá là ngài bút chống cộng hàng đầu hải ngoại.

Nay, ông muốn gặp tôi.

Cái gì đây.

Cho ăn mã tấu, dao găm.

Cho tiền mua chuộc, bớt bớt, hãm hãm, cái tinh thần chống ông, biết đâu.

Hẳn nhiên là tôi hùng dũng lên đường, đến chốn hẹn, sau khi viết tờ di chúc, mà nội dung, cho tôi không nói ra.

Nhưng hẳn nhiên, cũng khác với tâm trạng ngày xưa, lần đầu đến chốn hẹn, với người đẹp Bích La thôn, mối tình đầu của thuở học trò.

Gặp Lâm, nhìn nụ cười và cái bắt tay ấm áp, mọi lo ngại, tôi ném xuống dòng sông New York.

Chốn hẹn, tôi tưởng là một nhà hàng bò dát vàng, hóa ra không.

Chỉ là một tiệm cà phê khu Mỹ đen, nơi khu phố tồi tàn New York.

Lâm xin lỗi tôi, nói là buổi hẹn phải được dấu kín, không muốn bọn tình báo Hoa Nam biết.

Lâm nói, Lâm, trong tình thế, ngàn cân treo sợi tóc. Lâm muốn làm một cuộc phiêu lưu, hoặc trở thành một vị anh hùng dân tộc, nếu thành công, hay một tên phản bội, nếu thất bại.

Nghe Lâm nói, tôi đã hình dung sự thế, nên tôi nói Lâm vào ngày vấn đề.

Lâm nói:

Lâu nay, qua tình báo hải ngoại và hệ thống bò đở, dư luận viên, tôi đã nghe hết các điều thi sĩ nói, viết.

Những điều đó, trước đây, là thi sĩ mệt với tôi, nhưng nay, chúng lại là những tư tưởng lớn gặp nhau.

Thi sĩ biết tôi nói gì, rồi chứ.

Nay, gặp nhà thơ, tôi muốn biết ý kiến nhà thơ, là nếu nay mai, tôi trở thành tổng thống, của một nước Việt Nam tự do, không cộng sản, như đề nghị của thi sĩ, tôi mời nhà thơ về nước, để cùng với anh Trần Huỳnh Duy Thức, làm cố vấn cho chính phủ, thi sĩ có bằng lòng không? Một người như thi sĩ, có 64 năm cầm bút qua ba triều đại, Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu, với 25 tác phẩm không dạng vừa, không về giúp tôi, giúp nước, là uổng lắm, phí phạm hiền tài.

Mấy ngày qua, cô thư ký của tôi có trình tôi, hai lá thư thi sĩ gửi cho tôi, hai lá thư đến đúng lúc, đúng thời điểm, giúp tôi quyết tâm làm điều tôi cũng quyết, y như đề nghị của thi sĩ trong thư.

Đáng ra, trong hộp mật hôm nay có cô thư ký, vì cô nói với tôi, rằng cô nghe thi sĩ đẹp trai hung, nên cô muốn chiêm ngưỡng nhan sắc người đàn ông mắt sâu, râu rậm, là thi sĩ.

Nhưng vì thời gian lưu lại đây không lâu, nên sáng nay, cô phải tháp tùng đệ nhất phu nhân đi shopping.

Tôi có hứa với cô, ngày thi sĩ về làm cố vấn cho chính phủ, cô sẽ tiếp cận thi sĩ, ngày, đêm, overtime, không nga.

Trước lúc chia tay, chính tay ông, trao tôi gói giấy nặng bằng và giống viên gạch, tôi biết trong đó là những tờ xanh, dollar, mà thấy tiền là tôi ghét, nên tôi không nhận.

Lâm nói với tôi, rằng tôi biết thi sĩ cần tiền, in sách chống cộng gửi về trong nước, như những viên đạn đồng chữ nổi, của nhà văn Mai Thảo, để bắn anh em chúng tôi.

Những viên đạn của thi sĩ, thậm chí, ra tới Hà Nội, tôi biết nhưng tôi ém, không nói ra, tôi sợ các đồng chí tôi, vãi trong quần.

Và hiện nay, tôi cũng biết, thi sĩ có hai tác phẩm nằm trong nhà in, chờ tiền.

Lẽ nào thi sĩ từ chối, để THƠ TÌNH LÊ MAI LĨNH và HÃY CHO TỔ QUỐC MƯỢN ĐÔI CHÂN CỦA BẠN, không có ngày mở mắt.

Lâm nói đúng tim đen tui, nên tui, miễn cưỡng, vui vẻ cầm tay cái cục gạch cho Lâm vui.

Vì, lúc này, làm Lâm buồn, Lâm sẽ xoay 360, chứ không 180, làm luật sư Đài, bên Đức, đang chơi trò toán đố.

Bài ni, tui viết lại từ một giấc mơ.

Nhưng tui tin, nó sẽ là hiện thực, vì thi sĩ là một nhà tiên tri.

Năm ni, tui 83 tuổi.

Lê Mai Lĩnh  
(26-9-2024)

## TRƯỜNG TRẦN ĐỘ, VỚI MỘT CÁI NHÌN TRỞ LẠI

Cho đến giờ này, tôi biết vẫn còn có người cho rằng, Trần Độ là tên cò mồi và việc khai trừ khỏi đảng là một trò bịp.

Bài này tôi không viết cho những loại người như thế. Và tôi cũng xin thừa rằng, chúng ta có quyền nghi ngờ khả năng và tinh thần chống cộng của những con người như thế.

Bài này tôi cũng không viết cho những tên phản bội, chém sau lưng chiến hữu, khi nhận tiền để làm tay sai cho Cộng sản tại hải ngoại, đặc biệt là trong hàng ngũ văn nghệ sĩ. Và tôi cũng xin thông báo rằng, những kẻ như thế sẽ không có mặt trên chuyến tàu “đưa chúng ta hồi hương”.

Tôi cũng xin nói rằng đánh giá thấp đối phương là thua một trận đánh, nhưng đề cao quá sức mạnh của đối phương là hủy diệt niềm hy vọng của cuộc chiến.

Nói tắt cả trí thức chống đối trong nước đều là cò mồi, chính là đề cao đối phương, là hủy diệt niềm hy vọng của cuộc chiến.

Theo nhà thơ Bùi Minh Quốc:

*Trọn tuổi xuân ta hiến dâng cuồng nhiệt,*

*Lại đức nên chính cớ máy này.*

Theo nhà văn Dương Thu Hương: “*Một chế độ lưu manh, bao giờ cũng hành xử một cách lưu manh. Tôi muốn ở lại Việt Nam chứ không muốn xin tỵ nạn chính trị. Tôi muốn ở đó để chửi vào mặt những kẻ đang nắm quyền*”.

Theo tôi, Lê Mai Lĩnh: *“Những người lãnh đạo Trung Quốc đủ tự do và thừa thông minh, để tiêu diệt chủ nghĩa Cộng sản theo cách riêng của họ. Những người lãnh đạo CSVN thiếu tự do và thừa ngu dốt, để tự tiêu diệt họ cùng lúc với chủ nghĩa Cộng sản tại Việt Nam”*.

## **MỘT CÁI NHÌN TRỞ LẠI**

Mùa đông năm 1992, tôi có mặt tại Quảng Trị, nơi tôi ở gần tòa soạn tạp chí *Cửa Việt* do Hoàng Phủ Ngọc Tường làm chủ biên.

Bấy giờ, trên tạp chí *Cửa Việt* có đăng bài phỏng vấn ông Trần Độ trong vai trò Trưởng ban Văn nghệ Trung ương Đảng. Nội dung bài phỏng vấn, ông Trần Độ muốn đặt lại vấn đề tự do cho văn nghệ, tự do cho người cầm bút.

Bài phỏng vấn này cùng với nhiều bài viết khác mang tư tưởng chống đảng, tạp chí *Cửa Việt* đình bản. Nhắc lại sự kiện này tôi muốn nói là ông Trần Độ bất mãn, chống đảng ngay từ đó, năm 1992.

Nhưng sau đó, với bài *Một Cái Nhìn Trở Lại*, có thể nói đó là cao điểm trong tiến trình bày tỏ quan điểm dọn đường để về gần hơn với dân tộc sau nhiều năm *“Tuổi xuân ta hiến dâng cuồng nhiệt/Lại đúc nên chính cỗ máy này”*, nói như thơ Bùi Minh Quốc mà ông Trần Độ có trích dẫn trong bài *Một Cái Nhìn Trở Lại* của ông.

Và ông cũng đặt vấn đề cho chính mình *“hàng triệu chiến sĩ và nhân dân đều không nghĩ rằng một kết quả quan trọng của sự hy sinh của họ lại là tình trạng như thế này”*.

Từ năm 1992, sau bài phát biểu đòi trả tự do cho những người cầm bút của Trần Độ trong tư cách Trưởng ban Văn nghệ Trung ương Đảng, một số người cầm bút và các tạp chí tại miền Trung, đẩy lên phong trào đòi phủ nhận 60 năm văn học hiện thực Xã hội Chủ nghĩa.

Từ Quảng Trị có tờ *Cửa Việt* của Hoàng Phủ Ngọc Tường, từ Quảng Nam - Đà Nẵng có tờ *Đất Quảng* (tôi không nhớ chủ biên là ai). Từ Nha Trang có tờ *Cánh Én* của nhà thơ Giang Nam. Từ Đà Lạt có tờ *Langbian* của nhà thơ Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự.

Nhưng sau đó thấy nguy cơ lớn dậy của phong trào lan ra các địa phương khác, đảng đã có những biện pháp mạnh đàn áp những người lãnh đạo phong trào này và những tạp chí trên đều bị đóng cửa.

Tờ *Tuổi Trẻ* tại Sài Gòn, chủ biên là bà Kim Hạnh, trong thời điểm này có sự bao che của Trần Bạch Đằng, nhưng khi mở màn chuẩn bị tham gia phong trào với việc cho đăng lá thư tình của Hồ Chí Minh gửi cho vợ bằng chữ Hán, bà Kim Hạnh bị hạ tầng công tác.

Đối phó với phong trào này, đảng đã dùng báo *Nhân Dân*, báo *Quân Đội Nhân Dân* và đài phát thanh Hà Nội mật sát và kết án những người chủ trương phong trào rỗng rã trên 6 tháng.

Khi một dòng văn học bị thử thách và đang được đặt lại vấn đề, hẳn nhiên sự tồn tại của nó là què quặt, khập khểnh, mong manh.

Thời gian và lịch sử sẽ chôn sống nó là một điều không tránh khỏi.

Với vai trò Trưởng ban Văn nghệ Trung ương Đảng vào thời điểm đó, hẳn nhiên ông Trần Độ đã có mặt sau lưng.

## **TRẦN ĐỘ, ÔNG LÀ AI?**

Trần Độ tên thật là Tạ Ngọc Phách, sinh năm 1923, nguyên Phó chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Nhà nước, Ủy viên Trung ương đảng bốn khóa liên tục từ 1960 đến 1992, Trưởng ban Văn nghệ Trung ương Đảng, quân hàm Trung tướng.

Ông đã có thời là cấp chỉ huy của Lê Khả Phiêu.

Theo Trần Độ cho biết, ông được kết nạp vào đảng hai lần.

Lần thứ nhất vào năm 1940, lúc ông 17 tuổi.

Lần thứ hai vào năm 1943 trong nhà tù Sơn La.

Lúc ấy ông được chi bộ nhà tù Sơn La kết nạp, lại do Lê Đức Thọ giới thiệu, sau nhiều lần thử thách.

Như thế cũng có nghĩa ông là đàn em của Lê Đức Thọ. Như thế cũng có nghĩa, cái thời Lê Đức Thọ hét ra lửa, thì Trần Độ cũng mưa ra khói.

Tôi nói điều này không hàm ý nhân lên tội lỗi của ông trước đây và hiện nay. Chính điều này làm tiếng nói của ông có trọng lượng, mà tôi sẽ phân tích ở phần sau.

## **TRẦN ĐỘ MUỐN NÓI GÌ QUA “MỘT CÁI NHÌN TRỞ LẠI”?**

Từ trước tới nay, chúng ta biết Trần Độ qua những bài trả lời phỏng vấn, những lá thư gửi lãnh đạo Đảng và Nhà nước, gửi Quốc hội.

Nhưng có lẽ *Một Cái Nhìn Trở Lại* là bài viết có giá trị nhất. Giá trị cho chính ông (giúp người khác biết được những nhận thức thông minh, sáng suốt, tâm thành nơi ông) và giá trị cho lịch sử (giúp tài liệu cho những nhà viết sử trong tương lai viết về giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp và cuộc chiến âm thầm Quốc-Cộng những thập niên 40-50).

Sách vở chứng minh và cổ nhân dạy rằng con người trước phút lâm chung, thường thường hay nói ra sự thật, chúng ta tin Trần Độ nói thật, nói hết tâm huyết của mình ở cái tuổi trên cả “thất thập cổ lai hy”, ông đã 76 tuổi.

Tôi nói ông nói thật, chứ tôi không nói ông nói hoàn toàn đúng. Vì ngay cả cái sai, ông cũng sai trong sự thành thật của mình.

Vả lại, chúng ta thông cảm cho ông, là khi viết bài này, ông vẫn còn là một đảng viên Cộng sản với 58 tuổi đảng.

Lý do thứ nhất, ông ta chưa thể “cạn tàu ráo máng” với các đồng chí của ông; lý do thứ hai, ông vẫn còn hy vọng (hay ảo tưởng) là những người lãnh đạo đảng hiện nay vẫn còn chút sáng suốt và lương thiện để nghe theo và làm theo những đề nghị của ông.

Nghĩ về tâm trạng của Trần Độ và những người Cộng sản tương tự Trần Độ, tôi nhớ tới nhân vật Hồng trong vở kịch *Ly Nước Lọc* của Hoàng Anh Tuấn đăng trong tạp chí *Hiện Đại* của thi sĩ Nguyễn Sa, số 9, phát hành thập niên 60. Không khí kịch của *Ly Nước Lọc* là Hà Nội 1954, vấn đề đi hay ở (di cư hay không di cư vào Nam). Người con (nhân vật Thái) muốn đi, người mẹ (nhân vật Hồng) muốn ở lại.

Bà là một cán bộ trung cấp. Cảnh người con thuyết phục người mẹ ra đi:

- Thái: *Mẹ! Hãy theo con vào Nam. Dù trong đó không phải là thiên đường, nhưng ở đó, con có thể gào lên giữa phố phường tình con yêu mẹ, cùng lắm người ta cho con là một kẻ điên, chứ không ai gọi con là kẻ phản bội.*
- Hồng: *Con hãy đi đi. Mẹ không thể từ bỏ tất cả những huân chương để trở thành tên lính trơn trong hàng ngũ mới.*

Mở đầu *Một Cái Nhìn Trở Lại*, Trần Độ viết: “Đây không phải là một luận văn, mà là một thiên bút ký thô lộ nỗi niềm của một người 76 tuổi đời, 58 tuổi đảng. Tháng 9 năm này tôi tròn 75 (1923-1998). Thấy cũng cần ghi lại những suy nghĩ về cuộc sống và về sự ra đời, mà lâu nay tâm tư lúc nào cũng bị xáo trộn”.

Một đoạn khác, “Tôi đã sống 75 năm trong 100 năm sôi động vừa qua. Tôi đã trải nghiệm ra nhiều điều, nhiều lẽ. Những trải nghiệm này có nhiều điều hay và tốt. Nhưng cũng có nhiều điều đau. Tôi ghi lại để tôi ngẫm cùng tôi những suy ngẫm ấy có thể giúp cho con cháu sau này, cho dù chúng cũng có những trải nghiệm của chúng”.

Mở đầu bài viết với những từ ngữ và âm thanh, cường độ như thế, tôi tin Trần Độ đang ở phút nói thật (tôi lặp lại, nói thật chưa hẳn là nói đúng).

Trong hoàn cảnh thế giới là hoàng hôn của chủ nghĩa Cộng sản, trong hoàn cảnh đất nước là một sự phá sản về mọi mặt xã hội, mà hậu quả là do đảng Cộng sản làm nên, đã quá lộ liễu, với tuổi già 76, Trần Độ không thể không thành thật với chính lương tâm mình.

Bài viết còn hàm ý, như một sám hối trước nhân dân và lịch sử. Chúng ta nên nghĩ tốt về những trần trối của một người 58 tuổi đảng.

Bài *Một Cái Nhìn Trở Lại* muốn đánh giá nó cho đúng, chúng tôi tạm chia nội dung làm ba phần. Nói Đúng / Nói Chưa Hết Sự Thật / Nói Sai Sự Thật.

## NHỮNG ĐIỀU TRẦN ĐỘ NÓI ĐÚNG

Những điều tôi gọi Trần Độ nói đúng không phải là những điều người khác không biết. Hay nói một cách khác, những điều Trần Độ nói đúng thì nhiều người cũng đã biết.

Nhưng có điều, có người biết nhưng không nói ra hay nói ra, nhưng vị trí của người nói không quan trọng, nên không gây chú ý nơi người nghe, mà phải chờ tới Trần Độ nói, nhiều người mới quan tâm và chú ý, nhờ vào vị trí của Trần Độ, trong đảng cũng như ngoài xã hội.

- Cái đúng *thứ nhất*: Hoàn cảnh xã hội tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử, do vậy, chính sách cai trị của nhà cầm quyền phải thay đổi tùy theo thời cuộc và lòng dân mọi lúc, mọi nơi.

Nhưng người lãnh đạo cộng sản Việt Nam thì “trước sau như một”, nghĩa là cứ ngu dài dài, ngu đều đều, trước ngu sao sau ngu vậy, trên ngu sao dưới ngu vậy.

Miền Bắc làm sao năm 1954, miền Nam năm 1975 làm vậy.

- Cái đúng *thứ hai*: Sợ trí thức, nên một mặt đàn áp trí thức, một mặt khác lưu manh hóa trí thức,

biến trí thức thành nô lệ hay tôi mọi cho giới lãnh đạo.

Hậu quả vì thế đất nước không phát triển, chậm tiến, lạc hậu. Trí thức ở đây bao hàm luôn cả giới cầm bút, văn nghệ sĩ.

Bao nhiêu nhân tài văn học trước năm 1945 của Việt Nam, sau khi “đi khách” cho Cộng Sản đều trở nên những “gái già”, mình đầy vết sẹo do thương tích bệnh Cộng sản.

- Cái đúng *thứ ba*: Những khẩu hiệu, chủ trương, chính sách hô hào trong thời chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ rất đẹp đẽ, đến khi có chính quyền trong tay, đảng viên, cán bộ trở nên những tay cướp đêm, cướp ngày, qua hình thức tham nhũng, vợ vét của nhân dân và tài nguyên của Tổ quốc.

- Cái đúng *thứ tư*: Tình trạng xã hội hiện nay vô phương cứu chữa vì thiếu minh quân, nhân tài và tự do, dân chủ.

(Những điều này tôi chỉ nói vắn tắt và không trích dẫn chứng minh, vì làm như thế quá dài cho một bài báo. Mong độc giả tìm đọc nguyên văn, rất có giá trị).

## **NHỮNG ĐIỀU TRẦN ĐỘ NÓI CHƯA HẾT SỰ THẬT**

Trần Độ viết “*Từ những năm 14-15 tuổi, còn đang thời học trò cấp 2 (so với hiện nay), tôi và các bạn đều có một trạng thái tinh thần rất giống nhau, chúng tôi rất sôi sục yêu nước, rất căm phẫn trước tình hình dân tình đau khổ và sống đời nô lệ. Những cụm từ “nước mất nhà tan”, “vong quốc”, “hồn non nước” đều lay động dữ dội tâm hồn chúng tôi.*”

“... Chúng tôi đều trông thấy, nghe thấy biết bao nhiêu điều bất công, tui nhục và oan khuất...”.

Tâm trạng trên đây của Trần Độ cũng như tâm trạng của đa số thanh niên thời bấy giờ trước giặc Pháp xâm lăng.

Và do sự thôi thúc của tinh thần yêu nước, trách nhiệm của người trai, họ tham gia phong trào kháng chiến, đánh đuổi thực dân Pháp, chứ không phải vì niềm tin vào con đường cộng sản.

Một điều rất thực mà Trần Độ cố tình không nói tới, nhập hàng đê cao Cộng sản, là lúc đó Cộng sản đang là một “kẻ giấu mặt”.

Theo tinh thần bài viết của Trần Độ, thì thanh niên bấy giờ đã chịu sự chỉ huy, đi theo Cộng sản.

Điều này rõ ràng không đúng.

Ngay Trần Độ, ở cái tuổi 14-15 đã chưa là đảng viên Cộng sản, vì mãi tới năm ông 17 tuổi, tức là ba hay hai năm sau ông mới tuyên thệ vào đảng.

Trong cuốn *Đem Tâm Tinh Viết Lịch Sử*, chính Nguyễn Mạnh Côn cho biết những người thanh niên Hà Nội trong Trung đoàn Thủ đô, họ tham gia kháng chiến vì lòng yêu nước, chưa biết gì về Cộng sản, nhưng khi đó đã có những cán bộ Cộng sản giấu mặt trong hàng ngũ lãnh đạo.

Khi đối đầu với địch quân Pháp, có người chỉ huy hô to “*Các đồng chí tiến lên*”, lúc đó Nguyễn Mạnh Côn mới biết nhiệt tình thanh niên đã bị Cộng sản lợi dụng.

Cộng sản là một kẻ giấu mặt (tại sao họ giấu mặt thì chúng ta đã biết), vì trước năm 1975 họ vẫn còn gọi họ là đảng Lao Động. Mãi tới năm 1976, sau khi

thôn tính xong miền Nam, họ mới lấy tên đảng Cộng Sản.

Trong bài viết của Trần Độ, khi nói tới những quan hệ tốt đẹp giữa quần chúng nhân dân với người kháng chiến, Trần Độ đã đồng hóa người kháng chiến quân là đảng viên hay cán bộ Cộng sản.

Đây là một điều do sai lầm, hay thiếu thành thật.

Nhân dân yêu nước và căm thù thực dân Pháp, cả hai phía gặp nhau trên mẫu số chung đó, nên việc giao hảo, quan hệ phải đương nhiên là tốt đẹp.

Tôi lặp lại, thời đó Cộng sản đang là kẻ giấu mặt và tại sao họ giấu mặt thì chúng ta đã biết.

Nói tóm lại, bước đầu Trần Độ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp không phải, chưa phải là tư cách người Cộng sản.

Quan hệ tốt đẹp giữa dân và dân hay giữa dân và người kháng chiến quân, không phải là quan hệ với tư cách đảng viên Cộng sản.

Những điều sau đây của Trần Độ là thiếu thành thật, không nói lên sự thật. Trần Độ viết: *“Đảng từ những năm 1940 chỉ có mấy nghìn đảng viên, nhưng đảng có ảnh hưởng rất lớn và rất rộng trong nhân dân. Nhân dân ai cũng biết có đảng Cộng sản. Hướng về đảng Cộng sản. Những lời kêu gọi và ý kiến lãnh đạo của đảng đều hết sức đơn giản, dễ hiểu, nhưng đều lay động lòng người sâu sắc”*.

Nếu thật như thế thì tại sao đảng lại giấu mặt.

Tôi cho rằng, một bài thơ *Đêm Liên Hoan* của Hoàng Cầm có sức lay động lòng dân hơn triệu lần lời kêu gọi của kẻ giấu mặt Hồ Chí Minh.

Ngay thời bấy giờ, trong nhân dân đã có truyền miệng câu châm ngôn “Nói láo như vẹm”. Vẹm là ám chỉ Việt Minh (VM) Cộng sản, thì làm gì có sự giao hảo thật sự tốt đẹp giữa quần chúng và đảng viên như Trần Độ nói.

Một sự thật khác, Trần Độ không nói tới, là bấy giờ nhân dân chưa biết Cộng sản rõ ràng (vì là kẻ giấu mặt) và điều thứ hai, khi đã biết, thì biết luôn cả sự dã man của Cộng sản, nên họ im lặng nín thở qua sông. Ám sát, thủ tiêu, chôn sống, chặt đầu xâu đòn gánh, đốt nhà, là sở trường của đội công an ám sát Cộng sản ngay từ thời bấy giờ.

## **NHỮNG MÂU THUẤN VÀ SAI LÀM TRONG TƯ TƯỞNG TRẦN ĐỘ**

Trần Độ viết: *“Cuộc cải cách ruộng đất và một số vụ trấn áp trong đảng đã để lại nhiều vết thương sâu và chắc còn hậu quả lâu dài nếu không có cách nào thanh toán đi được”*.

Một đoạn khác, Trần Độ viết *“Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam là một lịch sử thắng lợi vẻ vang. Nhưng không phải chỉ có thắng lợi vẻ vang, mà có những lúc, những việc, gây tổn thất và đau xót trong đảng và nhất là trong nhân dân. Có những sự kiện mà hàng trăm năm sau những nhà làm lịch sử sẽ đánh giá lại”*.

Trần Độ viết: *“Tôi có một bà chị có chồng là tù nhân trong thời đế quốc phong kiến, nay có con rể là tù cách mạng. Chị có kể chuyện về hai cuộc đi thăm tù, trước khi thăm chồng, nay (sau năm 1975) đi thăm con rể, chị có một ấn tượng rất nặng nề khi*

*phải so sánh cuộc đi thăm đó. Tù nhân thời nay cực hơn tù nhân thời đế quốc”.*

Một đoạn khác Trần Độ viết “Tôi thấy rõ cái ý thức giai cấp trong xã hội ta, có những đặc điểm sau:

- Không có khả năng và phương pháp để phân biệt tài năng, vì nó không cần đến tài năng, không muốn có tài năng.

- Không có khả năng và không biết sử dụng tài năng, vì nó cho rằng tài năng thường có hại, tài năng không chịu ngoan ngoãn phục tùng.

- Nó lại càng không có khả năng phân biệt tài năng thật và tài năng giả. Nó thích nghe những điều xuôi chiều và xu nịnh. Nó không thể chịu được những cái độc đáo và không dung tha sự độc lập. Có những hiện tượng tác phẩm được giải nhưng không ai muốn đọc, muốn xem. Ngược lại, một số tác phẩm càng bị cấm càng nhiều người tìm đọc”.

Mặc dù Trần Độ đã nhìn thấy vấn đề như thế, đưa tới những hậu quả trầm trọng trong nhân dân, trong lịch sử suốt chiều dài từ khi có đảng Cộng Sản. Nhưng suốt chiều dài bài viết, Trần Độ vẫn ca ngợi đảng Cộng sản như là một một đảng vô địch, có công với dân tộc.

Tại sao Trần Độ không phóng tầm nhìn ra xa hơn để thấy, Thái Lan có cần không một đảng Cộng sản? Rồi Phi Luật Tân, rồi Ấn Độ, rồi Nam Dương, Singapore...

Tại sao không thấy rằng, lịch sử đã cho thấy, thấy rõ, là nơi nào có chủ nghĩa cộng sản và chính quyền Cộng sản là có nghèo đói, lạc hậu, chết chóc và trùng trùng oan khiến chông chất, gieo tai họa cho nhân dân.

Đảng Cộng sản và chính quyền Cộng sản tại Việt Nam cũng là những tai họa cho dân tộc.

Thế mà Trần Độ lại viết: *“Lịch sử của đảng gắn liền với lịch sử dân tộc. Ai nhìn lịch sử dân tộc mà tách khỏi lịch sử đảng Cộng sản là không được”*.

Trần Độ nhìn sai lịch sử. Lịch sử dân tộc có trên 4.000 năm, trong lúc đảng Cộng sản mới ra đời năm 1930. Hay nói đúng hơn, đảng Cộng sản chỉ mới công khai ra đời năm 1976, khi từ đảng Lao Động đổi thành đảng Cộng sản.

Trước đó, từ năm 1930 đến năm 1975, đảng đang giấu mặt hay đảng đang sống tầm gởi, sống bám vào tinh thần kháng chiến, cao trào kháng chiến, lợi dụng lòng yêu nước của toàn dân.

Cái sai lầm lớn nhất của Trần Độ trong nhận thức, cũng như trong chiến lược đấu tranh, khi ông khẳng định *“Thực tế hiện nay không có lực lượng nào thay thế được đảng Cộng sản”*.

Thực tế đời sống cũng như lịch sử chứng minh, không có điều gì không thể thay thế. Khi bảo “không có lực lượng nào có thể thay thế đảng Cộng sản” là Trần Độ đã đánh giá thấp quần chúng nhân dân. Chính nhân dân là người làm lịch sử, là động lực thúc đẩy lịch sử.

Trước những sai lầm nghiêm trọng, trước những tội lỗi “trúc rừng Lam Sơn không ghi hết tội”, chẳng lẽ chúng ta để yên và nhân dân để yên, không ai thay thế được hay sao?

Điều mâu thuẫn của Trần Độ hay quan điểm hạn hẹp của ông là, tại sao ông không nghĩ rằng, chính ông hay những người như ông, sẽ là người thay thế những người lãnh đạo Việt Nam hiện nay.

Đây là giai đoạn ông đề nghị đảng thay đổi, sửa sai, nhưng trong trường hợp những người lãnh đạo đảng không nghe theo, không sửa sai, thì phải là lúc ông lãnh đạo quần chúng đấu tranh nhằm lật đổ chế độ sai lầm (như ông phê phán) và thiết lập chế độ mới tốt đẹp hơn...

Trong đấu tranh, khởi đầu công cuộc đấu tranh, ông đã tuyên bố cái xấu (chính quyền hiện nay) không ai có thể thay thế nó.

Thế là làm sao? Không ai có thể thay thế nó, cũng có nghĩa là không ai tốt đẹp hơn nó.

Nhưng dẫu trong nhận thức, ông Trần Độ có những điều chưa nói thật, thậm chí là nói sai, thì theo tôi, bài *Một Cái Nhìn Trở Lại* vẫn là một bài viết có giá trị.

# **NHỮNG ĐIỀU CHƯA NÓI HẾT VỀ CHIẾN TRANH VIỆT NAM**

Lời nói đầu

Thế mà đã 22 năm trôi qua (tác giả viết bài này vào năm 1999). Hai mươi hai năm nước chảy qua cầu, vó câu qua cửa. Nhưng không có nước chảy, vó câu, hai mươi hai năm qua, trong tâm thức của những người tự chọn cho mình một đoạn đời lưu đầy, là chúng ta, những người Việt bỏ nước ra đi.

Đau xót, ngậm ngùi, kinh hoàng, bỏ nước ra đi.  
Trên đôi vai của chúng ta là đá tảng, nặng trĩu.  
Trong tái tim của chúng ta là kim đâm,  
đau buốt.

Trong lòng chúng ta là ruột thắt từng cơn,  
đòi đoạn.

Tôi không nói điều này cho tất cả mọi người.

Tôi chỉ nói điều này với một số đông, những người còn thao thức, trăn trở, nghĩ suy, cho phận người, phận nước, cho tương lai dân tộc, giống nòi.

Những người này đang ngày đêm tìm kiếm, tra vấn, xét hỏi, việc mình làm đã qua và việc mình làm sắp tới, trong hoài bão, mong muốn, đóng góp một cái gì đó cho cuộc diện hiện tại và cho sự thay đổi số phận dân tộc tốt đẹp hơn ở tương lai.

Bài này tôi viết do sự thôi thúc của lương tâm của một người vừa cầm súng, vừa cầm bút.

Xin cho tôi được xem bài này như một nén hương thắp lên mộ chí của những cấp chỉ huy, của những đồng đội, đã nằm xuống cho Lý Tưởng Quốc

*Gia và đồng bào của tôi đã chết, dưới hai lần đạn, oan khiên, tức tưởi.*

*Cũng xin cho tôi được xem bài viết này như một ánh đuốc, thấp sáng Niềm Tin và Hy Vọng, trong lòng đồng bào tôi, chiến hữu tôi, những người còn ở lại trong ngục tù Cộng Sản.*

•

Ngày 30-4-75 là ngày kết thúc một Trận Đánh, chứ chưa phải kết thúc một Cuộc Chiến.

Có lẽ đó là lý do mà trong 22 năm qua, có những vấn đề liên quan tới bản chất của chiến tranh Việt Nam, chưa thấy báo chí, những nhà chép sử, những nhà hoạch định chiến lược của Hoa Kỳ nói tới và chưa nói hết. Đó là:

## **CHIẾN TRANH VIỆT NAM, MỘT THỂ CHIẾN THỨ BA?**

Chiến tranh Việt Nam vừa qua, rõ ràng đó là một cuộc chiến tranh mang tầm vóc của một trận Thế Chiến. Nó giải quyết những vấn đề ảnh hưởng lên số phận của nhân loại, của thế giới, là vấn đề đúng hay sai, tốt hay xấu giữa chủ nghĩa Tư Bản và chủ nghĩa Cộng Sản.

Con đường phát triển của nhân loại phải theo là con đường nào. Con đường Tự Do, Dân Chủ hay Độc tài, Khủng bố? Đó là một cuộc chiến có sự tham gia của nhiều quốc gia trên thế giới.

Về phía Cộng Sản có Nga, Tàu, Ba Lan, Tiệp Khắc, Cu Ba, Cộng sản Việt Nam.

Về phía Tư Bản có Mỹ, Nam Hàn, Úc, Tân Tây Lan, Thái Lan, Phi Luật Tân và Việt Nam Cộng Hòa.

Đó là một cuộc chiến mà số lượng bom đạn, vũ khí được sử dụng hơn hẳn số lượng đã được sử dụng trong Thế chiến thứ Hai và số người chết cũng nhiều hơn. Đó là một cuộc chiến mà hậu quả của nó còn tồn tại lâu dài về sau.

Và đó là cuộc chiến mở ra một tương lai mới, đầy triển vọng cho nhân loại sau khi chủ nghĩa Cộng Sản sẽ cáo chung, tàn lụi trên toàn thế giới.

Từ chiến tranh Việt Nam, nó đã giải phóng cho nhân dân Liên Xô và nhân dân các nước Đông Âu cái ách độc tài Cộng sản.

## **CHIẾN LƯỢC CỦA HOA KỲ QUA CHIẾN TRANH VIỆT NAM**

Khi người Pháp thất trận ở Điện Biên Phủ, những nhà lãnh đạo khối Tự Do nói chung, hay những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ, nói riêng, đã nhận thức được rằng: đó là một chiến thắng của khối Cộng Sản với một mình nước Pháp.

Sau chiến thắng của Mao ở Trung Hoa, cùng với Liên Xô, đế quốc Cộng Sản trở nên là một đe dọa khủng khiếp của nhân dân thế giới.

Hoa Kỳ nhảy vào Việt Nam sau thất bại của Pháp ở Điện Biên Phủ chính là nhằm mục đích ngăn chặn, không cho Cộng Sản tràn xuống Đông Nam Á. Điều này có thể diễn tả một cách khác.

Nếu Hoa Kỳ không nhảy vào can thiệp ở Việt Nam sau thất bại của Pháp, thì Nam Việt Nam, Thái Lan, Lào, Cam Bốt đều đã trở thành Cộng Sản, để

sau đó là Phi Luật Tân, Nam Dương... thì cục diện thế giới đã đổi khác và chủ nghĩa Cộng Sản tại thành trì Liên Xô chưa chắc đã sụp đổ.

Nhưng những nhà hoạch định chiến lược Hoa Kỳ muốn gì qua chiến tranh Việt Nam?

Rõ ràng là, họ không nhằm mục đích chiếm đất, giành dân, để đặt nền móng đô hộ lâu dài như thời Thực dân Pháp trước đó.

Rõ ràng là, họ không nhằm mục đích cướp đoạt tài nguyên hay lợi dụng nhân công với giá rẻ cho sự phát triển kinh tế của họ.

Rõ ràng là, qua chiến tranh Việt Nam, những nhà hoạch định chiến lược Hoa Kỳ muốn dùng nó để đánh nhau với Liên Xô và Trung Cộng qua tên tay sai quốc tế Cộng Sản Hồ Chí Minh.

Chiến trường phải là chiến trường Việt Nam, chứ không thể trên lãnh thổ của Liên Xô hay Trung Hoa. Nói một cách khác, họ mượn chiến trường Việt Nam để giải quyết những vấn đề quốc tế.

Cũng không loại trừ một mục đích khác, lấy chiến trường Việt Nam, làm nơi thí nghiệm vũ khí.

Điều này có ảnh hưởng vào thành quả của Hoa Kỳ trong chương trình chinh phục không gian.

Điều chỉnh một đường đạn bay trên mặt đất từ chiến trường Việt Nam, đó chẳng phải là một kinh nghiệm, bài học cho việc điều chỉnh đường bay của một phi thuyền không gian đó sao?

Tăng cường sức mạnh cho một trái pháo trên mặt đất từ chiến trường Việt Nam, đó không phải là kinh nghiệm, bài học, cho việc điều chỉnh số lượng chất nổ cần thiết tại một dàn phóng cho vệ tinh ra khỏi sức hút của trái đất đó sao?

Hẳn nhiên là còn nhiều thí dụ khác nữa.

**\*\*** Khi nhảy vào chiến tranh Việt Nam, rõ ràng là, những nhà hoạch định chiến lược Hoa Kỳ họ chỉ muốn “Nhảy vào đúng lúc” và “Rút ra đúng lúc”.

Trong chiến tranh Việt Nam, không phải chỉ có những người lãnh đạo Nam Việt Nam hay Quân lực VNCH bị động, làm theo, mà ngay cả những người lãnh đạo Liên Xô, Trung Cộng và tập đoàn lãnh đạo CSVN cũng bị động, chạy theo sách lược và đường lối của Hoa Kỳ. Đó là sự thật lịch sử.

Hoa Kỳ điều khiển cuộc chiến bảy giờ như một tay phù thủy.

Cộng Sản quốc tế qua tay Hồ Chí Minh và binh lính miền Bắc như những con thiêu thân.

Cái may mắn của những tên lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam và những con thiêu thân còn lại, là Hoa Kỳ không tìm sự chiến thắng bình thường như những cuộc chiến bình thường (phá sạch, giết sạch), mà họ dùng chiến tranh Việt Nam nhằm chủ đích đánh vào Mạc Tư Khoa và Bắc Kinh.

Cứ như bằng những phương tiện chiến tranh như thế, số phận của Hà Nội chỉ cần 24 giờ đồng hồ là chấm dứt. Dù thế, cuối cùng Mỹ đã chiến thắng tại Việt Nam.

## **MỸ ĐÃ THẮNG NHƯ THẾ NÀO?**

Như đã trình bày ở trên và hẳn nhiên nhiều người cũng đồng ý với tôi, là Hoa Kỳ chỉ muốn “Nhảy vào đúng lúc” và “Rút ra đúng lúc”. Và họ đã thực hiện đúng như thế.

Sau thất bại của Pháp ở Điện Biên trước cả một khối Cộng sản, Hoa Kỳ nhảy vào đúng lúc.

Qua chiến tranh Việt Nam, Hoa Kỳ đã đạt được những thỏa hiệp với Liên Xô, Trung Cộng.

Hoa Kỳ đã tạo mầm chia rẽ trầm trọng giữa hai nước Xô-Trung.

Về lãnh vực chinh phục không gian, Hoa Kỳ đã vượt xa Liên Xô rõ rệt. Không loại trừ những toan tính trong bóng tối chúng ta không biết được, để từ đó dẫn tới sự tan rã của chủ nghĩa Cộng Sản sau này.

Nắm chắc những thắng lợi như thế, nên ngày 30-4-75 chính là lúc Hoa Kỳ đã “rút ra đúng lúc”.

Hẳn nhiên, trong lần rút lui này, nhân dân miền Nam và Quân Lực VNCH bị làm vật hy sinh, bị phản bội. Nhưng hy sinh tạm thời hay bị phản bội vĩnh viễn, đó là trách nhiệm của Hoa Kỳ, đó là thái độ của Hoa Kỳ trong tương lai mà chúng tôi sẽ đề cập tới sau.

Hẳn mọi người còn nhớ, vào những năm chiến tranh sôi động, có một lần tướng độc nhãn Do Thái là Moshe Dayan sang thăm Việt Nam, sau khi về nước ông có một nhận định là: “Muốn thắng Cộng Sản hãy để cho Cộng Sản thắng”.

Câu nói này tương tự với một câu nói trong dân gian: “Đừng tin những gì Cộng sản hứa. Đừng nghe những gì Cộng sản nói. Hãy nhìn những gì Cộng sản làm”. Như thế có nghĩa là, muốn nhìn những gì Cộng sản làm thì hãy nhường cho nó chính quyền,

30-4-1975 chính là lúc cho chúng thắng tạm thời để thắng lại chúng vĩnh viễn.

Sự sụp đổ của chủ nghĩa Cộng Sản trên toàn thế giới, sự bế tắc hiện nay của 4 nước Cộng Sản còn sót lại là Trung Cộng, Cu Ba, Bắc Hàn và Việt Nam, hơi thở được tính từng ngày trước áp lực của

trào lưu Dân Chủ thế giới và sự căm phẫn lên đến tột độ của toàn dân.

Ngày tàn của bạo chúa (Cộng sản) chẳng còn bao lâu. Lời nhận định của Moshe Dayan quả là một điều tiên tri: “Muốn thắng Cộng Sản hãy để cho Cộng Sản thắng”. “Đừng nghe những gì Cộng sản nói. Hãy nhìn những gì Cộng sản làm”.

Hai mươi hai năm qua sau ngày 30-4, nhân dân Việt Nam đã thấy hết những gì Cộng sản làm.

## **CỘNG SẢN THẮNG HAY THUA TẠI VIỆT NAM?**

Khi tên Cộng sản đầu tiên bước vào thành phố Sài Gòn trưa ngày 30-4-1975, chính đó là giờ báo hiệu sự sụp đổ của Cộng Sản trên toàn thế giới. Tại sao chúng ta không nghĩ như thế?

Sức mạnh của Cộng Sản là sự dối trá và bạo lực.

Thực tế đời sống nhân dân miền Nam đã tố cáo tính chất bịp bợm, xảo khoét của những người lãnh đạo Cộng Sản mấy chục năm qua tại miền Bắc.

Nhân dân miền Nam nghèo, phải ăn cơm bằng gạo dừ. Hai vợ chồng miền Nam chỉ có một cái quần, vợ đi làm ngoài mặc quần, chồng ở nhà phải ở truồng, và ngược lại. Đó là hai trong muôn ngàn những điều tuyên truyền dối trá của Hồ Chí Minh và tập đoàn Cộng Sản Việt Nam.

Đụng vào thực tế miền Nam, những cán bộ và nhân dân miền Bắc đã thấy rõ bản mặt dối trá của lãnh đạo. Không chỉ cán bộ CSVN và nhân dân miền Bắc, sau ngày 30-4-75, mà ngay cả cán bộ, đảng viên và nhân dân các nước Cộng Sản, khi vào

công tác hay du lịch tại miền Nam, cũng có những phát giác tương tự.

Vậy tại sao chúng ta không nghĩ rằng, chính vì thấy được cái thực tế đời sống nhân dân miền Nam, một thứ phó sản của xã hội Tư Bản, mà còn sung túc như thế, thì ngay tại các nước Tư Bản sẽ sung túc như thế nào, đã làm cho những cán bộ, đảng viên cộng sản Liên Xô, Đông Âu tham gia vận động cho quá trình thay đổi tại nước họ? Vâng, tại sao ta không nghĩ như thế?

Đối trá và bạo lực là sức mạnh của Cộng Sản. Nhưng cũng chính đối trá và bạo lực là nguyên nhân đưa tới sự hủy diệt chế độ Cộng Sản. Đó là lúc, họ không còn có thể đối trá và bạo lực không còn làm cho con người khiếp sợ. Kẻ thi hành bạo lực chỉ có hiệu quả khi hấn chém giết mà không cần hỏi tại sao? Vì mù quáng, vì không biết là mình đang bị lừa dối.

Nhưng khi họ đã bắt đầu hỏi tại sao chém, tại sao giết, ấy là lúc chủ trương bạo lực trở nên vô hiệu.

Cộng Sản Việt Nam đang chết từ sự đối trá và bạo lực của họ trước đây.

Như thế, ta có thể nói, ngày 30-4-75 chính là ngày sạch túi của Cộng Sản thế giới mà đứng đầu là Liên Xô và Trung Cộng.

Còn như Cộng Sản Việt Nam thì sao? Đối với Cộng Sản Việt Nam, chúng ta có hai cách để trả lời:

## **CỘNG SẢN VIỆT NAM THẮNG**

Từ một nhóm người, dưới sự chỉ huy của ông Hồ Chí Minh, một thứ tay sai của Cộng Sản Quốc tế,

lợi dụng lòng nhiệt tình yêu nước của toàn dân trong kháng chiến chống Pháp, với sự tiếp sức của hai quan thầy Liên Xô, Trung Cộng, họ đã làm chủ miền Bắc. Và từ đó họ đã thi hành chính sách độc tài man rợ, ngu dân, tạo nên một thứ địa ngục đỏ, mà rồi đây lịch sử sẽ không bỏ qua tội ác của ông Hồ và tập đoàn lãnh đạo CS Việt Nam.

Sau 30-4-75, do việc Hoa Kỳ rút lui theo chiến lược của họ (vào đúng lúc, ra đúng lúc), nhân dân miền Nam và Quân Lực VNCH bị hy sinh, Cộng Sản chiếm thêm nửa phần đất còn lại.

Đó là một chiến thắng của họ, nếu hiểu theo nghĩa chiến thắng là giành đất, đặt nền cai trị, bóc lột nhân dân, chia chác chiến lợi phẩm, bán tài nguyên quốc gia lấy tiền chia nhau gửi các ngân hàng ngoại quốc, và tự do thẳng tay đàn áp nhân dân và những người chống đối. Nếu chiến thắng vì những mục đích như thế, thì rõ ràng tập đoàn lãnh đạo CSVN đã thắng, thắng to, thắng đậm.

## **CỘNG SẢN VIỆT NAM THUA**

Lại có một câu nói rằng: “Chiếm được thành, chiếm được đất, chưa gọi là chiến thắng, khi chưa chiếm được lòng dân”. Rõ ràng này là một câu nói đúng.

Vì đây là một câu nói đúng, nên nhìn vào thực tế miền Nam và Việt Nam sau ngày 30-4-75 thì rõ ràng Cộng Sản chỉ là bọn ăn cướp. Kẻ cướp thì không bao giờ được gọi là kẻ chiến thắng.

Không những chỉ nhân dân miền Nam, mà hiện nay, nhân dân cả nước đang nguyện rửa tập đoàn lãnh đạo CSVN và đảng Cộng Sản Việt nam.

Không những chỉ nhân dân, mà ngay cả những cán bộ, đảng viên Cộng sản, sau khi phát hiện những sai lầm, tội ác và sự lừa bịp của ông Hồ và những người lãnh đạo, cũng tố cáo và chống đối tích cực.

Một sĩ quan QL/VNCH sang Mỹ diện H.O, hiện đang ở Hartford, trước đây anh là một đại úy An ninh Quân đội, đã đưa ra một nhận xét vô cùng xác đáng.

Theo anh nghĩ, trước 30-4-75, hành quân, giết hay bắt được một tên Cộng Sản cấp Huyện ủy hay Tỉnh ủy là một điều khó khăn. Nhưng trong 20 năm qua, chính chúng nó thanh trừng, thủ tiêu, giết nhau, vì tranh chấp phe nhóm, vì tranh chấp quyền lợi, chiến lợi phẩm sau 30-4 đã loại trừ hay giết chết hàng chục ngàn đảng viên cao cấp từ địa phương tới trung ương. Đó là một sự thật.

Lòng dân căm phẫn, nội bộ thanh toán nhau vì quyền lợi, hai nước đàn anh, quan thầy, trước nay là chỗ dựa, đã sụp đổ, lý tưởng yêu nước là một chiêu bài bịp bợm trước đây đã lộ nguyên hình là một sự dối trá, chủ nghĩa Cộng Sản với những thần tượng bịp như Marx, Engels, Lenin đã bị lịch sử ném vào sọt rác, vị “cha già dân tộc Hồ Chí Minh” hiện nguyên hình là một tên độc tài khát máu, ti tiện và dâm dăng (nhiều vợ, con rơi con rớt, theo lời tố cáo của chính Bùi Tín). Theo phát giác của báo chí trong và ngoài nước, Nông Đức Mạnh, Chủ tịch nước hiện nay của Hà Nội là một đứa con rơi của Hồ Chí Minh với một người đàn bà sắc tộc hồi ở hang Pắc Pó.

Với một hiện tại như thế, với một tương lai không tránh khỏi, trong lịch sử, ông Hồ Chí Minh

và đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ nhận chịu một bản án nặng nề với những sai lầm và tội ác do họ gây ra.

Như thế làm sao mà có thể gọi họ là chiến thắng trong ý nghĩa tốt đẹp của từ chiến thắng.

Họ là những kẻ thành công trong việc cướp bóc, gieo tang tóc khổ đau cho nhân dân. Họ là những kẻ thất bại, những tên tội đồ của lịch sử, vì đã đưa đất nước vào chỗ điêu linh, lầm than. Rõ ràng là như thế. Lịch sử không thể nói khác.

## **VAI TRÒ CỦA QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA TRONG CHIẾN TRANH CỦA SÁCH LƯỢC MỸ TẠI VIỆT NAM**

Như đã trình bày ở trên, cuộc chiến Việt Nam vừa qua mang tầm vóc của một cuộc Thế Chiến. Đó là sự đối đầu giữa chủ nghĩa Tư Bản và chủ nghĩa Cộng Sản. Nhân dân miền Nam nói chung và Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa nói riêng, đã mặc nhiên nhận cho mình hai sứ mệnh:

Một là, chiến đấu bảo vệ quê hương, đồng bào của chính mình.

Hai là chiến đấu vì tương lai của nhân loại.

Là vì sau khi Cộng Sản thành công ở Liên Xô, kéo theo các nước Đông Âu vào quỹ đạo Cộng Sản, tiếp theo là sự thành công của Mao Trạch Đông ở lục địa Trung Hoa, Cộng Sản trở thành một mối đe dọa cho toàn thế giới.

Sự thành công của chiến lược Mỹ tại Việt Nam, từ 1954 đến 1975, đã là nguyên nhân đưa tới sự hủy diệt của chủ nghĩa Cộng Sản trên toàn thế giới, đã đưa nước Mỹ lên vai trò số Một trên thế giới hiện

nay, há không phải, trong đó có sự đóng góp của nhân dân miền Nam và Quân Lực VNCH đó sao?

Từ sự thành công của chiến lược Mỹ, với sự đóng góp xương máu của QL/VNCH đã làm tiêu ma chủ nghĩa Cộng Sản, mối đe dọa của toàn nhân loại, há nước Mỹ không cảm ơn QL/VNCH hay sao? Và nhân dân toàn thế giới cũng phải nói lời cảm ơn nhân dân và QL/VNCH.

Từ những kinh nghiệm, bài học, điều chỉnh một đường đạn bay trên mặt đất, điều chỉnh sức mạnh trái nỏ cho một quả pháo trên chiến trường Việt Nam, đã cho nước Mỹ những kinh nghiệm, bài học để đưa một phi thuyền vào không gian.

Lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ của Việt Nam Cộng Hòa đã được Hoa Kỳ cắm lên Mặt Trăng cùng với hơn một trăm quốc gia khác, chẳng phải đó là một thái độ Tạ Ôn của Hoa Kỳ đối với nhân dân miền Nam và QL/VNCH hay sao?

Sau lưng Cộng Sản Hà Nội là khối Cộng Sản Quốc tế, đứng đầu là Liên Xô và Trung Cộng.

Sau lưng QL/VNCH là Thế Giới Tự Do, đứng đầu là Hoa Kỳ.

Đó là tầm vóc của một cuộc Thế Chiến. Đó là sự thật lịch sử.

Cho nên, trước đây và hiện nay, những ai cho rằng QL/VNCH là tay sai của Mỹ là những kẻ cực kỳ ngu xuẩn. Nếu không có QL/VNCH thì liệu người Mỹ có chiến thắng được chủ nghĩa Cộng Sản như hiện nay hay không? Nhân loại có thoát được nỗi đe dọa của con ác quỷ Cộng Sản hay không? Đó là sự thật lịch sử.

## **HY SINH TẠM THỜI HAY BỊ PHẢN BỘI VĨNH VIỄN?**

Như trên đã nói, chủ trương của những nhà hoạch định chiến lược của Mỹ ở Việt Nam là “Nhảy vào kịp thời” và “Rút ra đúng lúc”.

Sau trận Điện Biên Phủ với thất bại của Pháp trước một khối Cộng sản, người Mỹ đã nhảy vào kịp thời, thì ngày 30-4-75 chính là lúc họ đã rút ra đúng lúc. Nhưng chính vì họ đã rút ra đúng lúc theo sách lược của chính họ, nên đối với QL/VNCH và nhân dân miền Nam, họ là những kẻ phản bội. Họ bị mang tiếng là những kẻ phản bội, hay nói một cách khác, QL/VNCH và nhân dân miền Nam bị hy sinh.

Phải chăng vì mặc cảm phạm tội đó mà nước Mỹ đã hào sảng nhận gần hai triệu người Việt vào tỵ nạn dưới nhiều chương trình khác nhau từ sau năm 1975 tới nay. Nhưng chừng đó người đầu là bao so với con số người dân và những chiến sĩ đã đóng góp vào chiến thắng Mỹ trước đây tại Việt Nam.

Đặc biệt là những người từng cầm súng chống Cộng Sản bên cạnh Hoa Kỳ mà sau 75 bị đày ải trong những trại tù khổ sai của Cộng sản. Chương trình định cư nhân đạo (H.O) chỉ dành cho những người ở tù Cộng sản trên ba năm mà thôi, là một sự bất công hay thiếu sót của Hoa Kỳ mà Hoa Kỳ cần xem xét lại.

Bên cạnh đó là những thương phế binh, cô nhi quả phụ, là những người chịu thiệt thòi nhất trong cuộc chiến vừa qua bên cạnh người bạn đồng minh Hoa Kỳ. Những người này, bằng xương máu của chính mình hay chồng con mình, họ đã góp phần

đem đến chiến thắng cho Hoa Kỳ, cũng như nhân dân các nước hiện nay đang thừa hưởng công lao của họ (đánh gục chủ nghĩa Cộng Sản trên toàn thế giới) không thể không nhớ đến công lao và sự hy sinh của họ.

Những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ, Quốc hội Hoa Kỳ, những người trí thức Hoa Kỳ, những nhà lãnh đạo các nước trong khối Tư Bản và những người trí thức trên toàn thế giới, hãy lên tiếng, hãy bắt tay, hãy nói lên lòng biết ơn của mình và có những hành động giúp đỡ, trả ơn, công lao của họ.

Việt Nam hiện nay với hơn 70 triệu người đang sống lầm than trong chế độ Cộng Sản là một vấn đề của Lương Tâm và Trí Thức. Những ai còn lương tâm và trí thức không thể quay lưng với số phận cả một dân tộc trước đây đã có những đóng góp vào sự chiến thắng của Hoa Kỳ cũng là chiến thắng cho toàn thể nhân loại, là xóa bỏ con quỷ đỏ Cộng Sản ra khỏi mỗi đe dọa cho loài người.

Ngày 30-4-75 là ngày nhân dân miền Nam và Quân Lực VNCH bị hy sinh. Nhưng đó là sự “hy sinh giai đoạn” hay “bị phản bội vĩnh viễn?”.

Câu trả lời cho câu hỏi này hẳn nhiên chúng ta hãy chờ xem, là những nhà hoạch định Hoa Kỳ về tương lai Đông Nam Á và Đông Dương sẽ như thế nào?

Tiếp tục quay lưng cho CS Hà Nội cai trị với bàn tay đẫm máu nhân dân, tiêu diệt Dân Chủ, Tự Do hay tham gia vào tiến trình giải thể chế độ Cộng sản Việt Nam như trước đây nhân dân miền Nam và QL/VNCH đã tham gia cùng người Mỹ tiêu diệt Cộng Sản trên thế giới. Đây không phải là vấn đề cầu viện bàn tay ngoại bang. Đây là vấn đề của

lượng tâm và Trí Thức. Và lại, Việt Nam trước và sau 30-4-75 đã là vấn đề của thế giới.

## KẾT LUẬN

Chiến tranh Việt Nam vừa qua, rõ ràng là một cuộc Thế Chiến thu nhỏ. Đó là cuộc chiến đấu giữa cái đúng và cái sai, giữa cái thiện và cái ác.

Cùng với quân Lực Mỹ, người lính VNCH đã chiến đấu như một Hiệp Sĩ, cho chính quê hương mình và cho tương lai của nhân loại.

Trong thân phận nhược tiểu, họ không có quyền chủ động trong cuộc chiến. Người Võ Sĩ hay Hiệp Sĩ trong họ, nhiều khi bị bó tay, trói gó, bị hạn chế sức mạnh và tài nghệ thư hùng trước đối phương.

Trong tình trạng nghiệt ngã như thế, nhưng họ vẫn kéo dài cuộc chiến anh dũng trong 21 năm (1954-1975) cho tới lúc vừa kịp cho Hoa Kỳ rút lui đúng lúc theo chiến lược toàn cầu của họ.

Ấy là lúc nắm chắc phần chiến thắng trước chủ nghĩa Cộng Sản, tháo được cho nhân loại ra khỏi nỗi đe dọa thường trực của chủ nghĩa độc tài, phi nhân.

Đối với tương lai nhân loại, những người lính VNCH đã hoàn tất sứ mệnh. Đối với nhân dân Việt Nam và bản thân người lính VNCH, ngày 30-4-75 chỉ mới chấm dứt một “trận đánh”, chứ vẫn còn một “cuộc chiến”.

Ngày 30-4-75, Hoa Kỳ đã “hy sinh tạm thời” đồng minh của mình hay là “phản bội vĩnh viễn”, đó là tùy thuộc vào thái độ của Hoa Kỳ hiện nay trước cuộc chiến của đồng minh cũ của mình (nhân

dân miền Nam và người lính VNCH) và tập đoàn lãnh đạo CSVN.

Chính giai đoạn này, qua thái độ của Hoa Kỳ, người ta có thể kết luận đúng, ngày 30-4-75 là ngày Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa hy sinh giai đoạn hay bị phản bội vĩnh viễn?

## LỜI CUỐI

Trong phạm vi một bài báo, hẳn nhiên còn nhiều điều chưa nói hết hay không thể kéo dài. Xin bạn đọc xem bài này như là những suy nghĩ đề nghị hay những gợi ý thăm dò.

Nếu có người nào cho rằng những suy nghĩ này là đúng, những gợi ý này là cần thiết, xin cứ việc khai triển, viết tiếp.

Việt Nam hiện nay là một vấn đề của Lương Tâm và Trí Thức.

Chống lại chế độ Cộng sản Việt Nam hiện nay để giải thoát cho hơn 70 triệu đồng bào mình ra khỏi sự lầm than, sống xứng đáng đời sống con người đã là một vấn đề đạo đức. Đã là vấn đề đạo đức, thì những ai còn chút lòng với quê hương và đồng bào mình còn ở lại trong nước, không thể thờ ơ, ngoại cuộc, trong cuộc chiến vì con người và tình người.

Nhất là khi những Con Người đó là đồng bào mình, cùng huyết thống, cùng văn hóa, cùng lịch sử, cùng gánh vác trách nhiệm vì tương lai cho con cháu chúng ta và tương lai nòi giống Lạc Hồng.

**ĐÃ TỚI LÚC CẦN PHẢI ĐUA  
NHỮNG GIỚI CHỨC HOA KỲ  
LÊN ZUAN TỚI CHIẾN TRANH  
VIỆT NAM TRONG HAI THẬP  
NIÊN 60-70 RA TRƯỚC VÀNH  
MÔNG NGỰA**

*Sau đây là toàn văn bài nói chuyện của nhà thơ Lê Mai Linh trước Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia tại Montreal, Canada, nhân ngày giỗ Tổ Hùng Vương và ngày 30 tháng 4, được tổ chức vào ngày 23 tháng 4 năm 2000, tại Montreal, Canada.*

Kính thưa tất cả quý vị,

Điều trước nhất, xin cho tôi nói lời cảm ơn đến Bác sĩ Chủ tịch và toàn thể Ban chấp hành Cộng đồng Người Việt Quốc gia tại Montreal, đã dành cho tôi cơ hội ngồi vào vị trí của người nói chuyện hôm nay, để nói tới một vấn đề gì đó liên quan tới chiến tranh Việt Nam.

Điều thứ đến, tôi xin cảm ơn tất cả quý vị đã có mặt hôm nay trong hội trường này. Rằng thì là, sự có mặt này của quý vị mặc nhiên như một chấp nhận cho tôi được phép hầu chuyện cùng quý vị.

Điều này là một sự hãnh diện và tự hào cho tôi biết bao. Trên tất cả mọi điều, xin quý vị nhận nơi đây lòng thành thật tri ân của cá nhân tôi.

Kính thưa tất cả quý vị,

Đây là lần thứ hai tôi trở lại Montreal. Trong lần thứ nhất vào tháng 6 năm 1998, khi quý Cộng đồng tổ chức cho thơ tôi có mặt trên vùng đất này, khi xe qua biên giới, khi sau lưng tôi là bờ biển Thái Bình Dương, tôi cảm nhận một nỗi đau trong lòng, là mình đã đi xa hơn nửa phần đất của quê hương Việt Nam. Nhưng lần này, thì mọi điều đã thay đổi. Rằng thì là, khi xe qua biên giới Mỹ- Canada, khi hướng về phía trước, Montreal, tôi cảm nhận rằng như tôi đang trở về Mái Nhà Xưa.

Ở nơi đó, tôi có những người cha, người mẹ, người anh, người chị dang rộng cánh tay, vòng ôm, đợi chờ, ấp ủ. Nơi đó, tôi đang có những đêm tâm tình, những ngày bày tỏ, với bạn bè trong tình thân thương văn nghệ, trong đợi chờ quyên luyến.

Tôi nhớ ở đó hương vị croissant của Pháp, mà hôm nào, trước khi đi làm sáng chủ nhật, Bác sĩ Chủ tịch đã mang đến cho chúng tôi làm món điểm tâm.

Tôi nhớ ở đó, có tiếng hát Tiểu Thu, Kim Chi đủ sức công phá mọi thành trì dẫu kiên cố đến đâu. Và nhất là, tôi nhớ ở đó món Vịt Tiềm hầm thuốc Bắc của đại công ty quý phu nhân Montreal, làm quý phu quân trẻ mãi không già. Nhiều lắm.

Đúng ở đó là Mái Nhà Xưa, phía trước mặt, nơi tôi sẽ tới. Nhưng bên cạnh đó, tôi cũng phải tự vấn lương tâm. Dù ngã nào, tôi cũng trong tôi làm một con phản tỉnh.

Và rõ ràng trong hai năm qua từ dạo đó, tôi đã bỏ sót, tôi đã vô tình, tôi đã hờ hững, lãng quên, trước tấm lòng hào hiệp, độ lượng của quý ân nhân, quý bằng hữu. Nhân đây tôi xin có lời xin lỗi và tự hứa sẽ sống tốt đẹp hơn trong những ngày tháng tới.

Kính thưa quý vị,  
Và bây giờ tôi xin đi vào nội dung của bài nói chuyện.

Trong 25 năm qua, nếu theo dõi sinh hoạt báo chí văn học và chính trị tại hải ngoại, hẳn quý vị sẽ thấy hai sự kiện như sau:

Một là, có một nhà thơ nọ, năm nào cũng thế, cứ vào dịp Giáng Sinh hay Phật Đản là anh ta cho ra đời những bài thơ nói về Chúa hay Phật.

Hai là, có những nhà báo nọ năm nào cũng thế, cứ vào dịp 30/4 là anh ta cho ra đời những bài báo nói về Ngày Tan Hàng, ngày sập tiệm, Ngày Quốc Hận, cứ như nhau, năm nào cũng thế.

Không có gì thay đổi, không có gì mới mẻ trong cách nhìn, trong nhận thức. Đối với nhà thơ nọ, tôi không thấy có gì là sai, dấu sự lặp lại đôi lúc gây nhàm chán. Hay cũng có thể nghĩ, đôi khi lại có lợi cho đời. Vì rằng, con người vốn dĩ hay sa ngã, phạm điều độc ác.

Sự gọi lại, nhắc nhở hình ảnh Chúa, Phật sẽ giúp con người ăn ở hiền lành hơn, phải đạo hơn. Nhưng những nhà báo, khi nhìn vấn đề lịch sử không thể khur khur giữ suy nghĩ của mình định vị một nơi, trước sau như một.

Lịch sử luôn ở thế Động, vì thế, khi nhìn lịch sử, là phải nhìn với con mắt Bây Giờ và Ở Đây. Chẳng hạn như, ngay hôm nay, khi nhìn lại và phán xét vai trò và vị trí lịch sử của Cố Tổng thống Ngô Đình Diệm, hẳn phải khác đi cái nhìn và sự đánh giá ngay sau ngày 1-11-1963.

Cũng từ nhận thức đó, khi nhìn lại ngày 30-4-1975 vào thời điểm bây giờ, năm 2000, cũng có

những nhận thức khác đi so với thời điểm những tháng, thậm chí là những năm sau ngày 30-4.

Từ những ý nghĩ như thế mà tôi tin nhiều người đồng ý như tôi, tôi Thử Đề Nghị vài Ý Kiến nhân ngày Ba mươi Tháng Tư Năm 2000.

Một là: Mỹ đã Chiến Thắng, dù không đẹp, trong Chiến tranh Việt Nam.

Hai là: Từ 20-7-1954 đến 30-4-1975, ngày nào mới thực sự là Ngày Quốc Hận.

Ba là: Đã tới lúc cần Phải Đưa Những Nhà Lãnh Đạo Hoa Kỳ Liên Quan Tới Chiến Tranh Việt Nam Trong Hai Thập Niên 60-70 Ra Trước Vành Móng Ngựa.

## **1. Mỹ đã Chiến Thắng trong Chiến Tranh Việt Nam.**

Đúng 25 năm qua tính tới ngày 30-4-2000, đứng về phía người Mỹ, khi nói hay viết về Chiến tranh Việt Nam, tôi chia họ ra hai loại.

Một là, những kẻ bàng quan, đứng ngoài cuộc chiến, đó là những nhà báo, những khách du lịch thích đi tìm cảm giác mạnh. Do vậy tiếng nói hay bài viết của họ không phản ảnh trung thực, sự kiện và bản chất của Chiến tranh Việt Nam.

Chẳng hạn như, khi viết về chiến trường Khe Sanh, họ không đi qua Huế, nơi có những ngôi mộ chôn sống người tập thể, một thành tích vẻ vang do Hồ Chí Minh ra mật lệnh bằng thơ của y, hay họ chẳng ra Quảng Trị để đi trên Đại lộ Kinh Hoàng, nơi những pháo thủ Cộng Sản nhìn đoàn người di tản gồm đàn bà, trẻ con như một mục tiêu tác xạ ngon lành không chút xót thương, hay họ cũng

không qua Đông Hà để đi trên đường 9 hai bên nhà đổ nát do đạn Việt Cộng pháo kích.

Viết về chiến trường Khe Sanh, họ nằm tại khách sạn Caravelle, khách sạn Continental, bên rượu ngon, thuốc thơm và đàn bà, rồi tưởng tượng, thêu dệt những trận đánh cấp Trung đoàn, Sư đoàn, theo chiều hướng có lợi cho những thế lực trả tiền cho họ.

Bọn chúng là những tên viết thuê, những tên nô lệ của đồng tiền, những người không có trái tim của con người. Bọn chúng đã đánh mất thiên chức cao quý của người cầm bút.

Loại người thứ hai nói và viết về chiến tranh Việt Nam là những giới chức có thẩm quyền trong guồng máy lãnh đạo quân sự và chính trị của Hoa Kỳ, điển hình như Cựu Tổng thống Richard Nixon, Cựu Ngoại trưởng Kissinger hay Cựu Tư lệnh chiến trường Việt Nam là Tướng William C. Westmoreland hay Cựu Bộ trưởng Quốc Phòng MacNamara. Dù thế, ngay cả những người này, họ cũng chỉ nói ra nửa sự thật là tôi tỏ ra đã hào phóng. Nói đúng ra là, họ đã nói trong tư thế của những người mất tự do.

Tôi có thể nói một cách khác.

Khi nói và viết về Chiến tranh Việt Nam, chưa nói việc đúng nhiều hay đúng ít, sai nhiều hay sai ít (hay biết đâu đúng hoàn toàn), thì tôi, Lê Mai Lĩnh, có nhiều Tự Do hơn những Nixon, MacNamara, Kissinger, Westmoreland...

Nhưng tại sao vậy. Xin thưa, vì rằng:

Khi những người đó (Nixon, MacNamara, Kissinger, Westmoreland) nói hay viết về Chiến

tranh Việt Nam, họ bị ám ảnh trong đầu họ, họ bị  
lớn vồn trước mắt họ hình ảnh Hai Ông Kẹ :

Một. Quyền lợi của Nước Mỹ.

Hai. Quyền lợi của những thế lực vô hình trong  
Chính trường Mỹ.

Điều này buộc họ phải tự giác giới hạn tự do  
của họ. Hay nói một cách khác, họ là những tên nô  
lệ tự chọn.

Về phần tôi, rõ ràng là tôi có tự do hơn. Tôi  
không bị ràng buộc và không trách nhiệm về quyền  
lợi nước Mỹ. Tôi không sợ những thế lực vô hình  
trong Chính trường Mỹ. Tôi là kẻ nói và viết hoàn  
toàn tự do.

Rõ ràng là một điều vô lý, khi đã 25 năm rồi  
không một giới chức lãnh đạo nào của Hoa Kỳ công  
khai tuyên bố họ Thắng hay Thua trong trận chiến  
Việt Nam. Phải chăng họ chờ tới tôi, Lê Mai Lĩnh,  
nói giùm cho họ.

## **2. Hoa Kỳ đã Chiến thắng, dù không Đẹp, trong Chiến tranh Việt Nam.**

Năm 1954, khi Chính phủ Pháp thấy được sự  
thất bại không thể tránh khỏi tại chiến trường Điện  
Biên Phủ, nên đã yêu cầu nước Mỹ viện trợ tiếp  
cứu.

Nhưng những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ bấy giờ không  
đáp ứng lời đề nghị đó của chính phủ Pháp, và Pháp  
đã thua trận.

Thái độ từ chối của Hoa Kỳ là một hành động  
thông minh. Vì rằng, nước Pháp bấy giờ không phải  
chỉ đương đầu với một dân tộc Việt Nam bất khuất,  
không chịu nô lệ ngoại bang, mà là đương đầu với  
toàn khối Cộng sản, đứng đầu là Liên Xô, Trung

Cộng, qua tên tay sai Cộng sản Quốc tế mang tên Nguyễn Ái Quốc.

Chính phủ Hoa Kỳ biết rằng, với huyền thoại Nguyễn Ái Quốc, cộng với tinh thần yêu nước của người kháng chiến Việt Nam, cùng với vũ khí và lương thực của khối Cộng Sản cung cấp, đây là một Lực Lượng Vô Địch toàn vùng Đông Nam Á thời bấy giờ. Do vậy, nếu chính phủ Hoa Kỳ có cứu nước Pháp thoát ra Điện Biên Phủ này, thì rồi nước Pháp lại rơi vào những Điện Biên Phủ khác.

Những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ cũng thấy rằng, vào thời điểm đó, đương đầu với toàn khối Cộng Sản Thế Giới chỉ là Mỹ, mới có đủ tương quan lực lượng.

Những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ cũng thấy rằng, thời gian đó là cao điểm của sức mạnh Cộng Sản, thống nhất mục tiêu, thống nhất hành động.

Sau thất bại của Pháp ở Điện Biên Phủ, nếu Chính phủ Hoa Kỳ không can thiệp vào tình hình Việt Nam bấy giờ, không những chỉ Đông Dương mà cả vùng Đông Nam Á đều rơi vào sự thống trị của khối Cộng Sản. Hay nói một cách khác, chính nhờ Hoa Kỳ nhảy vào đúng lúc tại Việt Nam làm cho làn sóng xâm lăng của Cộng Sản bị chặn lại bên kia vĩ tuyến 17 cho tới ngày 30-4-1975. Chính trong khoảng thời gian từ 1954 đến 1975, Chính phủ Hoa Kỳ đã “định vị” chiến tranh cho Cộng sản trong lãnh thổ Việt Nam mà thôi.

Đây là một định mệnh oan nghiệt “hai mặt” mà tôi sẽ nói rõ hơn ở phần sau.

Vì chính nhờ vào sự “Định Vị Chiến Tranh” đó tại Việt Nam, mà các nước khác có cơ hội chuẩn bị

sức mạnh, cả về mặt kinh tế và quân sự, để không còn xem Cộng Sản như một đe dọa.

Điều này có thể diễn tả dưới một dạng thức khác là nước Mỹ không thực thi chính sách giành dân chiếm đất, nhưng qua định vị chiến tranh tại Việt Nam, nước Mỹ đã chiếm được, chi phối được Trái Tim và Dạ Dày các nước khác trong vùng Đông Nam Á. Điều rõ ràng ai cũng thấy và những nhà chép sử không thể bỏ quên, là trước khi người Mỹ can thiệp vào Việt Nam hậu Điện Biên Phủ, khối Cộng sản (Nga-Tàu) là một đe dọa cho toàn thể nhân loại và phân bộ Cộng sản Đông Dương đứng đầu là tên tay sai Cộng sản Quốc tế Hồ Chí Minh, là một đe dọa nghiêm trọng trong vùng Đông Nam Á.

Hoa Kỳ đã nhảy vào ĐÚNG LÚC.

Sau 21 năm, từ 1954 đến 1975, Hoa Kỳ rút ra Đúng Lúc, là khi họ thấy khối Cộng Sản không còn là mối đe dọa cho toàn thể Nhân Loại và Cộng Sản Việt Nam không còn là mối Đe Dọa cho toàn vùng Đông Nam Á.

Khi muốn kết luận Mỹ Thắng hay Thua tại Việt Nam, chúng ta phải biết Mục tiêu MUỐN ĐẠT của HỌ là GÌ. Và qua những mục tiêu trên, họ đã đạt được, vậy rõ ràng là họ đã chiến thắng.

Thế nhưng, sự chiến thắng của họ KHÔNG ĐẸP hay không toàn vẹn, đứng về khía cạnh đạo đức, là để chiến thắng cho riêng mình, họ đã hy sinh người bạn đồng minh, đã một thời chiến đấu bên cạnh vì Tương Lai Nhân Loại là Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, cùng thêm đó là nhân dân từng chịu chung khổ đau trong cuộc chiến.

Một sự thực lịch sử khác không thể chối bỏ, là sự sụp đổ của Khối Cộng Sản Liên Xô và Đông Âu,

và vai trò là cường quốc số MỘT hiện nay của Hoa Kỳ, trong đó có sự đóng góp của nhân dân Miền Nam và Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Không ai có thể chối bỏ điều đó.

Sự tiếp sức nuôi sống chế độ Cộng Sản hiện nay tại Việt Nam của Chính phủ Hoa Kỳ là một Sai Lầm và Tội Ác khác, mà tôi sẽ nói rõ ở phần sau.

### **3. Từ 20-7-1954 đến 30-4-1975, ngày nào mới thực sự là Ngày Quốc Hận?**

Có thể nào chúng ta đều gọi là Quốc Hận cho cả hai biến cố lịch sử 20-7-1954 và 30-4-1975, trong khi bản chất sự kiện và hoàn cảnh lịch sử không giống nhau.

Tính cho tới ngày chiến thắng Điện Biên Phủ, khi Cộng Sản đang là kẻ giấu mặt, chưa công khai xuất hiện, thì chính nhân dân Việt Nam chủ động lựa chọn cuộc chiến tranh đó. Cuộc chiến chống thực dân Pháp, giành lại quyền độc lập cho Dân Tộc.

Nhưng sau đó, những người Cộng sản trá hình là kháng chiến dân tộc đã biến thành quả chiến thắng của dân tộc thành chiến thắng của Cộng Sản, thì lý tưởng Quốc Gia và Chủ nghĩa Dân Tộc bị đánh bật ra khỏi nửa phần đất nước và kể từ đó Chủ Nghĩa Cộng Sản và chế độ Cộng sản bắt đầu thống trị tại Miền Bắc Việt Nam, dẫn tới đất nước bị chia đôi, gần một triệu người di cư và gây thêm cảnh chia ly trong lòng dân tộc giữa hai miền Nam Bắc.

Nhưng sau ngày 20-7-1954 đến 30-4-1975, nhân dân hai miền Không Chủ Động cho cuộc chiến tranh tương tàn giữa hai phía, mà là một cuộc chiến do sự áp đặt của những thế lực ngoại bang lên một

nhóm người lãnh đạo cả hai phía, mà phía tấn công (xâm lăng) hay phía bảo vệ, thì nhân dân hai miền đều là nạn nhân như nhau.

Nhưng cũng vì thế, mà tôi đã gọi là Định Mệnh Oan Khiên Hai Mặt ở trên, là từ và vì cuộc chiến đó, mà ngày 30-4-1975 lại biến thành ngày khởi đầu cho sự sụp đổ của Chủ Nghĩa Cộng Sản trên toàn Thế giới và là ngày toàn dân Việt Nam kinh tởm căm thù chế độ Cộng Sản Việt Nam.

Hay nói một cách khác, ngày 30-4-1975 là ngày tư tưởng Cộng sản bị đánh bật ra khỏi tuyệt đại đa số đồng bào Việt Nam. Đó cũng là ngày, từ một huyền thoại Cha Già Dân Tộc Hồ Chí Minh bị nhân dân nguyên rủa và đem hình Liệt Cống.

Cũng kể từ ngày đó, một bộ phận lớn lao trong Đảng Cộng Sản Việt Nam được soi sáng bởi lương tâm Dân Tộc, không những họ từ bỏ chủ nghĩa Cộng Sản mà còn trở thành những chiến sĩ chống Cộng trên mọi miền đất nước. Chính những người này sẽ đóng vai trò chủ động trong một tương lai không xa, trong tiến trình đấu tranh giải thể chế độ Cộng sản Việt Nam.

Khi một tên hay một bọn người ăn cướp vào chiếm căn nhà của chúng ta, và chúng đang làm chủ căn nhà đó, điều này không có nghĩa là chúng có chính nghĩa và ta phi nghĩa.

Khi Việt Nam rơi vào tay một nhóm người Cộng Sản lãnh đạo không đại diện cho ai hết, điều này không có nghĩa chúng hợp pháp trong vị trí quản lý quốc gia, chứ không nói là lãnh đạo quốc gia. Do vậy, nếu chúng ta gọi ngày 30-4-1975 là Ngày Quốc Hận hóa ra chúng ta đã đề cao hành động ăn cướp của chúng.

Từ những suy nghĩ trên theo tôi, chúng ta chỉ nên xem ngày 20-7-1954 là Ngày Quốc Hận, còn như ngày 30-4-1975 phải xem như Ngày Bắt Đầu cho sự Sụp Đổ của Chủ Nghĩa Cộng Sản trên toàn Thế giới, Ngày Khởi Đầu sự Cáo Chung Chủ nghĩa Cộng Sản tại Việt Nam. Đó còn là ngày chiến thắng của Lý Tưởng Quốc Gia và chủ nghĩa Dân Tộc trước lý tưởng Cộng Sản và Chủ Nghĩa Xã Hội.

#### **4. Đã Tới Lúc Cần Phải Đưa Những Nhà Lãnh Đạo Hoa Kỳ Liên Quan Tới Chiến Tranh Việt Nam Trong Hai Thập Niên 60-70 Ra Trước Vành Móng Ngựa.**

Trước làn sóng xâm lăng và bành trướng của Chủ Nghĩa Cộng Sản vào Đông Dương mà cao điểm nhất là mặt trận Điện Biên Phủ, những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ thấy rằng, vai trò và tương quan lực lượng của thực dân Pháp không còn khả năng và thích hợp để đương đầu nên họ đã nhảy vào Việt Nam sau khi người Pháp thất trận rút lui. Và kể từ ngày đó, Miền Nam biến thành tiền đồn bảo vệ cho phía Thế Giới Tự Do.

Cùng với người bạn đồng minh Hoa Kỳ, những người lính Miền Nam chiến đấu như những Hiệp sĩ thời đại. Hai mươi một năm, cùng với người bạn đồng minh Hoa Kỳ, họ đã chiến đấu anh dũng, chấp nhận cùng nhau những vinh quang cũng như tủi nhục trong mọi hoàn cảnh chiến tranh, trong thân phận người lính.

Họ đâu ngờ rằng, trong khi miệt mài hy sinh, đồng thời cho chính quê hương và đồng bào mình cũng là hy sinh vì Tương Lai Nhân Loại, trong đó

có cả nhân dân Hoa Kỳ, thì những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đã đơn phương đi tìm cho mình một Chiến Thắng Riêng, không kể gì đến quyền lợi đồng minh, không kể gì tới những hy sinh cao cả của người lính đồng minh là Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã đóng góp trong suốt chiều dài cuộc chiến 21 năm.

Những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đã đi đêm, đã âm thầm bắt tay, mặc cả chiến thắng riêng cho họ trên xương máu của đồng minh mình.

Họ chơi canh bạc lặn, trò bịp bài ba lá trên nỗi đau của nhân dân Miền Nam Việt Nam.

Đến khi, giữa họ (người Mỹ) và kẻ thù của nhân dân Miền Nam (Cộng Sản) đã ngã giá xong cho Canh Bạc Bịp họ thảo nhiên hy sinh nhân dân Miền Nam và quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Họ tạo ra một Hiệp định Paris đầy tính man trá để hợp thức hóa cho việc chạy làng, tương đương như một hành động đầu hàng đang khi giao chiến với địch quân. Họ chấp nhận những điều vô lý khi đối phương đưa ra, nhằm làm suy yếu và vô hiệu hóa sức chiến đấu của người lính Việt Nam Cộng Hòa.

Trong khi đối phương ngày đêm tăng viện vũ khí và lương thực vào Miền Nam, chuẩn bị cho những trận đánh lớn, thì người lính Miền Nam chiến đấu từng viên đạn giới hạn mỗi ngày, từng trái đạn trọng pháo cầm chừng mỗi khi đụng trận, những phi vụ yểm trợ bằng giấy tờ, những vũ khí một đối một trong tưởng tượng. Thử hỏi trên đời này còn người bạn đồng minh nào đều cáng hơn?

Người viết bài này, cách nay hơn ba năm, trong một bài nhận định liên quan tới Chiến tranh Việt Nam, có đưa ra một giả thuyết, rằng người Mỹ hy sinh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa cho những mục

tiêu của họ. Nhưng hy sinh Tạm Thời hay hy sinh Vĩnh Viễn, chúng ta hãy chờ xem.

Nhưng tới nay, vừa đúng 25 năm cho một thế hệ thanh niên Việt Nam lưu vong trưởng thành, chúng ta không có quyền chờ đợi lâu hơn được nữa, trong khi chính quyền Mỹ hiện nay vẫn có những hành động chủ trương nuôi dưỡng chế độ Cộng Sản Việt Nam cho những toan tính mới của họ, trên nỗi thống khổ của 75 triệu người Việt Nam.

Vậy đã tới lúc chúng ta cần phải đưa những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ liên quan tới Chiến tranh Việt Nam trong hai thập niên 60-70 ra trước vành móng ngựa với hai tội:

Một là, phản bội đồng minh.

Hai là, có hành động đào ngũ khi đang giao chiến với địch quân.

Kính thưa tất cả quý vị,

Tự xét mình, do những kém cỏi và bị hạn chế bởi nhận thức, nên những điều tôi vừa trình bày là rất sơ lược và khái quát. Và lại, trong phạm vi một buổi thuyết trình có giới hạn thời gian, hay ngay cả cho một bài báo, thì tôi cũng không thể nói hay viết nhiều hơn được.

Thêm vào đó, như tựa đề bài nói chuyện “Thư Đề Nghị Vài Ý Kiến” như thế có nghĩa là vấn đề cần được tranh cãi, thảo luận, góp ý chứ không phải là tôi xác quyết như thế là hoàn toàn đúng.

Kính thưa tất cả quý vị,

Nước nhà, từ muôn thuở đã là, có lúc thịnh lúc suy. Có lúc được cai trị bởi triều đại này, có lúc được cai trị bởi triều đại khác. Chứ nước không bao

giờ mất. Trừ trường hợp Chiêm Thành là một hãn hữu, ngoại lệ, mà ngay bây giờ cũng chưa thể kết luận là đã tuyệt diệt.

Nhưng triều đại nào đi ngược lại lòng dân thì tất yếu phải sụp đổ. Lịch sử nhiều triều đại, nhiều quốc gia cũng đã chứng minh như thế.

Có một điều chắc chắn đúng đó là, sau ngày 30-4-1975, một nhóm người tàn dư Cộng Sản lãnh đạo đất nước, nhưng chắc chắn Chủ Nghĩa Cộng Sản vĩnh viễn không còn đất sống tại đất nước Việt Nam.

Tôi mong rằng từ nay, từ ngày 30-4-2000 trở đi, khi nhìn lại sự kiện 30-4 chúng ta có một cái nhìn lạc quan hơn, đề từ đó có những phương pháp, chiến thuật và chiến lược mới, cho những trận đánh lớn và mới, trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên năm 2000.

Trân trọng kính chào quý vị và mong quý vị tha thứ cho những gì tôi đã thiếu.

*Cuộc bút chiến văn chương giữa nhà văn Mặc Đỗ & nhà thơ Lê Mai Linh (Lê Văn Chính) về vấn đề "Mặc Cầm Ka-ki" trong văn học.*

## **MẶC CẦM KA-KI**

Mặc Đỗ

Tôi đã quá cái tuổi mỗi khi ra đường phải kè kè một tập giấy tờ chúng tôi "hợp lệ tình trạng quân dịch". Suốt đời tôi, cho tới nay tôi chưa hề một ngày nào ở trong quân ngũ. Nhưng tôi rất khoái những người lính. Khoái họ không phải qua công việc nhiệm vụ của họ. Ngược lại, tôi vốn rất ghét chiến tranh, ghét những chuyện chém giết, ghét những người chọn phiêu lưu bằng cách làm nghề bắn giết như kiểu những anh lê dương của quân đội Pháp.

Tôi khoái những người lính vì cái thân phận không thể tránh được của họ khi họ tới một tuổi nào, ở trong một hoàn cảnh đất nước nào, phải cầm súng để làm tròn một nhiệm vụ. Tôi nghĩ rằng trong đời người không có hy sinh nào đẹp hơn sự cần rãng của người trai trẻ phải tạm gác tương lai để nhận một nhiệm vụ nguy hiểm mà không có một đền đáp cụ thể nào. Hy sinh cho cha mẹ, anh em, cho vợ con, cho bạn, cho đồng loại đều là những hy sinh có đền đáp cụ thể.

Người lính hy sinh cho đất nước chỉ đáp lại một tiếng gọi hết sức trừu tượng, dù không muốn cũng vẫn phải hy sinh. Cái đẹp ở đó. Cho dù sự hy sinh không kết thúc bằng phút giây "đền nợ nước".

Không hiểu tôi khoái những người lính có phải vì thời tuổi nhỏ tập sách hình đầu tiên mà tôi thích là một bộ bốn năm cuốn lớn đóng tập những số liên tiếp của tuần san (hay bán nguyệt san) *Images de la Guerre* in toàn hình ảnh về cuộc Thế chiến thứ nhất. Những trang giấy láng in hégogravure mực màu sépia hay lục đậm. Hình ảnh thời sự trình bày mọi diễn biến của cuộc chiến. Tôi không thích - như số đông thiếu niên khác - hình ảnh những cuộc diễn binh huy hoàng với những thống chế Foch khắc khổ, thống chế Joffre bụng phệ, ngực đầy huy chương, cỡi ngựa đi đầu, hay đứng thẳng trong một thế chào cứng ngắt.

Tờ báo thời sự chiến tranh đó in rất nhiều hình ảnh sinh động về đời sống của những người lính thường ngoài mặt trận, ở bệnh viện dã chiến hay ở hậu phương những ngày phép. Mực độ chết người của Đệ nhất Thế chiến chưa đến nỗi kinh khủng lắm, nhưng bộ mặt của chiến tranh ánh lên gương mặt những người lính - nhất là hồi đánh nhau bằng địa đạo dưới mưa tuyết, trong sinh lầy của những chiến hào. Ý thức của tôi hồi đó đã tạm soi sáng đôi chút cho tôi về vô lý của chiến tranh. Tôi ngồi hàng giờ lâu trước những bức hình thảm hại và tôi thấy yêu những con người im lặng hy sinh đó.

Tới Thế chiến thứ hai, ý thức có lớn hơn, tôi vẫn thích những hình ảnh chiến tranh loại đó. Có điều khác là lần này không phải chỉ những hình ảnh do người ngoài chụp được, tôi còn đọc những chứng ngôn do chính những người lính viết ra hay do những ngòi bút nhà nghề diễn lại. Thân phận những người lính trong chiến tranh đã được lật lên lật xuống, phô bày khắp mọi mặt. Tôi càng thấy yêu

những người lính hơn nữa vì càng thấy thông cảm nhiều hơn.

Tâm trạng yêu lính đó còn thê thiết bao lần hơn khi những người lính là anh em, bạn hữu, con cháu, đồng bào của tôi. Nhưng tôi hết sức bất mãn, sau nhiều năm theo dõi, không tìm thấy được bao nhiêu những hình ảnh đẹp của người lính Việt Nam trong trận chiến đang tàn hại đất nước này.

Tôi phải nói ngay là không đủ khả năng và phương tiện để đọc hết, xem hết những gì đã được công bố và có một nhận định tuyệt đối. Nhưng tôi phải thành thật mà nói là tôi rất tò mò và rất chịu khó đọc. Tôi nhận xét thấy rằng đại đa số những tài liệu và những sáng tác phẩm đã qua mắt tôi đều nhắm nói lên cái phía công cộng, chính thức của cuộc chiến này, quên mất cái phía riêng tư của từng người lính, cái phía nói lên được cái đẹp của đời lính trước ngoại cảnh thờ ơ.

Những hình ảnh các tướng lãnh đi thị sát - cho dù thị sát những mặt trận ngay hay sau trận đánh - hay những mệnh phụ đầu tóc quá to, quần áo quá đẹp đi thăm thương binh, không nói lên được gì hết đối với đông đảo những người biết thông cảm với người lính, vì họ có thấy đâu cái phần đẹp, đáng yêu kia.

Mào đầu lê thê như vậy rồi, tôi muốn dành phân kết thúc để hỏi thật các bạn văn nghệ sĩ quân đội: Phải chăng các bạn mang mặc cảm, tôi tạm gọi là mặc cảm ka-ki? Tôi đã đọc, đã nghe, đã xem khá nhiều sáng tác phẩm của các bạn. Thật tình hình ảnh của người lính Việt Nam không ánh lên bao nhiêu trên những nghệ phẩm đó. Tôi còn có cảm tưởng là

khi sáng tác các bạn đã muốn quên mình là lính. Sáng tác về lính không phải chỉ để ca ngợi lính. Norman Mailer dường như không ca ngợi một câu nào nhưng đọc "The Naked and the Dead" ta vẫn thấy yêu thương những người marines lênh đênh trên sóng hay vùi mình trong sinh lầy các hải đảo Thái Bình Dương. Bao nhiêu năm chống giữ miền Nam này những người lính mũ xanh, mũ đỏ, mũ nâu chắc chắn đã tạo nên biết bao nhiêu tài liệu chỉ chờ được khai thác. Nói đâu xa, ngay các bạn - những người "xếp bút nghiên" - cũng là những người lính đáng yêu. Các bạn còn ngại hay các bạn để dành?

Mặc Đỗ

(Khởi Hành số 12 tháng 7 năm 1969)

**THƯƠNG XÁC VỚI NHÀ VĂN  
MẶC ĐỖ VỀ "MẶC CẨM KÀ KÌ"**

Chuân úy Lê Văn Chính

*Trong Khởi Hành số 12, chúng tôi có đăng tải một bài văn ngắn của nhà văn Mặc Đỗ: "Mặc Cẩm Kà Kì". Từ Phan Thiết, một bạn đọc của K.H, mà cũng là một người cầm bút chiến đấu, chuẩn úy Lê Văn Chính, còn có bút hiệu Suong Biên Thủy, lên tiếng trả lời. Dưới đây là bài trả lời đó.*

(trích Khởi Hành số 15 ngày 31-7-1969)

Trong tuần báo KHỞI HÀNH số 12, ở trang 9, nhà văn Mặc Đỗ có viết bài MẶC CẢM KA-KI. Trong đó, sau khi nói lên một vài lý do làm ông "khoái" lính, nhà văn hỏi là tại sao trong tập thể quân đội có khá nhiều văn nghệ sĩ, mà hình ảnh người lính VN không ánh lên bao nhiêu.

Nguyên văn: *"Thật tình hình ảnh của người lính VN không ánh lên bao nhiêu trên những nghệ phẩm đó".* Đoạn chót, nhà văn hỏi "chúng ta", *"Phải chăng các bạn mang mặc cảm tôi tạm gọi là Mặc Cảm Ka-Ki".*

Thư tác giả Siu Cô Nương, thỉnh mời tiên sinh đọc lại hơn một lần *Mặc Cảm Ka-Ki*, tiên sinh sẽ thấy rõ tính cách không ổn của những lập luận trong đó và thắc mắc của nhà văn về anh em văn nghệ sĩ quân đội cũng không lạ lùng ngạc nhiên cho lắm.

Thứ Nhất,

Nhà văn viết: *"Suốt đời tôi, cho đến nay chưa hề một ngày nào ở trong quân ngũ. Nhưng tôi rất khoái những người lính. Khoái họ không phải qua công việc nhiệm vụ của họ. Ngược lại tôi vốn rất ghét chiến tranh, ghét những chuyện chém giết, ghét những người chọn phiêu lưu bằng cách làm nghề bắn giết như kiểu những anh lê dương của quân đội Pháp".*

Thư tác giả SCN, vấn đề không phải là ghét chiến tranh hay thương chiến tranh, thích chém giết hay không thích chém giết, nhưng vấn đề được đặt ra là, trong hoàn cảnh và thân phận chúng tôi, những người chưa được hân hạnh trên 40 tuổi để khỏi cầm súng tính từ những năm sau 1960 có

quyền lựa chọn giữa yêu, ghét, thích hay không thích chiến tranh và chém giết hay không.

Bao lâu chúng tôi có quyền từ chối, bao lâu chúng tôi có quyền lựa chọn, khi đó, nói lên điều yêu, ghét mới đáng kể, mới thể hiện được bản chất con người của mỗi cá nhân.

Và nữa, như hai lần năm là mười, là tình cảnh chúng tôi chém, giết rất chi thật lực bây giờ khác xa với tình cảnh của những người lính lê dương ngày xưa.

Thứ Hai,

Nhà văn viết: *"TÔI KHOÁI NHỮNG NGƯỜI LÍNH VÌ CÁI THÂN PHẬN KHÔNG THỂ TRÁNH ĐƯỢC CỦA HỌ khi họ tới một tuổi nào, ở trong một hoàn cảnh, đất nước nào, phải cầm súng để làm tròn một nhiệm vụ"*.

Thưa tác giả SCN, cái lối "Khoái Lính" này của nhà văn sao mà "ÁC" thế. "CÁI THÂN PHẬN KHÔNG THỂ TRÁNH ĐƯỢC CỦA HỌ" có nghĩa là ĐỊNH MỆNH, CÁI SỐ. Và liệu tôi có thể nói "CÁI THÂN PHẬN KHÔNG THỂ TRÁNH ĐƯỢC" khỏi xe Mỹ cán chết.

Một đoạn khác, *"Tôi nghĩ rằng trong đời người không có hy sinh nào đẹp hơn sự cắn răng của người trai trẻ phải tạm gác tương lai để nhận nhiệm vụ nguy hiểm mà không có một đền đáp cụ thể nào"*.

Vâng, thưa nhà văn *"không có hy sinh nào đẹp hơn sự cắn răng của người trai trẻ"*. Điều này rất đúng, rất đẹp, rất cao cả, nếu nhà văn đang viết về giai đoạn kháng chiến của những người VN lên đường chống thực dân Pháp ngày xưa. Tôi nói kháng chiến buổi đầu.

Tôi không nói giai đoạn khi mà CS phản bội. Còn như hoàn cảnh tế nhị của chiến tranh VN bây giờ "sự hy sinh cao đẹp" này bị thương lắm ông ạ. Vì rằng, rất có thể chốc nữa đây, thừa nhà văn, chúng tôi sẽ nổ súng vào đầu người cha, người anh em của chúng tôi đấy ông ạ!

Thứ Ba,

Họ Đỗ viết: *"Hy sinh cho cha mẹ, anh em, cho vợ con, cho bạn, cho đồng loại đều là những hi sinh có đền đáp cụ thể. Người lính hy sinh cho đất nước chỉ đáp lại một tiếng gọi hết sức trùu tượng dù không muốn cũng vẫn phải hy sinh. Cái đẹp ở đó"*.

Thưa tác giả SCN,

Vậy thì hy sinh cho đất nước chẳng phải là hy sinh cho cha mẹ, anh em, vợ con hay sao? Và "đền đáp cụ thể" là 1 cái hòm, 1 lá quốc kỳ và 12 tháng lương, tôi thấy tất cả đó được thấy rõ, rất "cụ thể" lắm đấy chứ.

Còn như nhà văn viết *"dù không muốn cũng phải hy sinh. Cái đẹp ở đó"*. Tôi không thấy gì cái gọi là đẹp trong sự cưỡng bách, vì rằng, "không muốn vẫn phải hy sinh".

Thứ Tư,

Nguyên văn: *"Thân phận những người lính trong chiến tranh đã được lật lên lật xuống, phô bày khắp mọi nơi. Tôi càng thấy yêu những người lính hơn nữa vì càng thấy thông cảm nhiều hơn"*.

Tôi có quyền nghi ngờ tình yêu và sự thông cảm lính của tác giả khi mà *"suốt đời tôi, cho tới nay, tôi chưa hề có một ngày ở trong quân ngũ"*. Cuối cùng nhà văn hỏi: *"Phải chăng các bạn mang mặc*

*cảm tôi tạm gọi là mặc cảm kaki?".* Thực tình thì chúng tôi không biết thế nào gọi là MẶC CẢM KAKI. Chúng tôi cũng không biết ý của nhà văn cho rằng mặc cảm đó tốt hay xấu, tự ti hay tự tôn. Nói cách khác, MẶC CẢM này là anh hùng, lương thiện hay tội lỗi, xấu xa, vì chém giết, tham dự chiến tranh?

Và cũng thực tình thì, chúng tôi dừng dung.

Chúng tôi chẳng thấy chúng tôi là cái gì hết. Nếu phải được lựa chọn thì không nói làm gì, đảng này chúng tôi tham dự không lựa chọn. Chúng tôi đang trong một trò chơi bó buộc phải theo. Chúng tôi không hãnh diện và cũng không thấy xấu hổ.

Nhưng có một điều chúng tôi nghĩ, là không dự phần trong trò chơi chiến tranh kỳ cục này là hơi uổng, thiếu ở mình những kinh nghiệm sống thích thú.

Ông bảo chúng tôi sao không làm ảnh lên hình ảnh người lính VN. Thực tình ông muốn chúng tôi làm gì, trong tình cảnh chiến tranh tế nhị như VN và tình trạng kiểm duyệt hiện nay.

Tôi xin được lập lại đây một lần nữa, đoạn viết trong bài nhật ký "NÚI TÀ DỒN VÀ DẤU CHÂN Y UYÊN" đăng trong VĂN số 129, số đặc biệt THƯƠNG NHỚ Y UYÊN để trả lời thay cho những người anh em văn nghệ sĩ trong quân đội trước thắc mắc của ông:

*“Nhà văn VN (đặc biệt hơn những văn nghệ sĩ trong quân đội) trong chiến tranh VN, họ thiếu thốn quá nhiều thứ: hoàn cảnh để sống, phương tiện để viết, và nhất là họ thiếu sự rõ ràng (của chính nghĩa) để phụng thờ, để làm sáng tỏ.*

*Nhà văn VN sống trong sự mù mờ, dường như thiếu tin tưởng ở những lẽ phải để phụng dưỡng, nuôi nấng.*

*Từ một hoàn cảnh như thế, một tâm trạng như thế, nói ra những nhận định của mình, nhất là nói một cách bộc trực, sợ dễ dàng sai lạc và không chùng lại còn đắc tội với lịch sử".*

Vậy nên, đúng như ông nói đã thắc mắc: "*Các bạn còn ngại hay các bạn để dành*".

Vâng, cả hai đấy ông ạ.

Chúng tôi còn ngại và chúng tôi còn để dành.

Chuân úy Lê Văn Chính.

(*Khởi Hành* số 15 ngày 31-7-1969)

## **GÓP Ý VỚI NHÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC NGUYỄN HUNG QUỐC VỀ VĂN HỌC VIỆT NAM LƯU VONG**

Trên một số tạp chí tại hải ngoại gần đây, có đăng một bài viết liên quan tới nhà văn, tới chữ nghĩa, tới văn học của ông Nguyễn Hưng Quốc với tựa đề “Nhà Văn Như Một Kẻ Thống Dâm”.

Tôi vốn dốt, không hiểu nghĩa “Thống Dâm” là gì. May nhờ ở cuối bài, ông Nguyễn Hưng Quốc có định nghĩa hai chữ “Thống Dâm” như sau: “Kẻ tìm thấy khoái lạc khi nhìn trừng trừng vào những lần roi quất tới tấp trên da thịt của mình hay là tự tay cào, cấu những vết thương của chính mình cho tóe máu”.

À ra, nhà văn như một kẻ thống dâm là thế. Thi ra, đa số những người cầm bút hiện nay tại hải ngoại, đều thuộc hàng cha hay ông nội của nhà văn thống dâm, theo nghĩa của Nguyễn Hưng Quốc.

Xin ông Nguyễn Hưng Quốc và độc giả từ từ, bình tĩnh nghe Lê Mai Linh tôi phóng bút.

Rằng thì là, nhìn trừng trừng vào những lần roi quất tới tấp trên da thịt.

Rằng thì là, tự tay cào, cấu những vết thương của chính mình cho tóe máu.

Rằng thì là, những điều này phải hiểu theo nghĩa bóng.

Rằng thì là, ngay như những điều này có làm và hiểu theo nghĩa đen, chúng tôi cũng không “care”.

Ngay như, nếu quả tình chúng tôi lấy dao, kéo, búa, kềm, cắt, xẻ, bút, toạc (theo nghĩa đen) để có được những tác phẩm cho vừa ý với nhà phê bình

Nguyễn Hưng Quốc, đề cho “văn học Việt Nam trưởng thành” như mong muốn của Nguyễn Hưng Quốc, chúng tôi cũng làm.

Vì rằng, đa số những người cầm bút hiện nay đã sống sót sau chiến tranh.

Vì rằng, đa số những người cầm bút hiện nay đã sống sót sau trên dưới mười (10) năm, trong các trại tập trung khổ sai của Cộng Sản.

Vì thế, sự sống còn hôm nay của họ (trong đó có tôi) chính là sự thắng lớn trong canh bạc đời, mà họ là những tay chơi cực kỳ may mắn.

Tôi xin nói rõ hơn. Ai đã từng đánh bạc vị tất hiểu được sự hào phóng của người thắng bạc lớn.

Cái mạng sống này, cái hơi thở này, cái khối thịt di động này, cái bộ óc còn suy nghĩ này, chính là phần thắng trong canh bạc đời như tôi đã nói.

Do vậy, chúng tôi sẵn sàng chơi. Cào cào vết thương là đồ trẻ con.

Nhìn trừng trừng vào những lằn roi trên da thịt, là chuyện nhỏ. Chúng tôi mổ bụng, moi gan, bầm tim, bầm mật, là sự thường. Ngu gì không chơi. Chơi trên “đồng tiền thắng lớn” dại gì không chơi.

Thế nhưng, chắc chắn ông Nguyễn Hưng Quốc nói theo nghĩa bóng. Vậy tôi xin góp ý với ông trên tinh thần đó.

Rằng thì là, đa số những người cầm bút tại hải ngoại đều trên dưới 60 tuổi. Sau nhiều năm chiến tranh, sau nhiều năm tù khổ sai, trên thân thể họ cũng như tâm hồn họ, đều mang những vết thương hay bệnh tật. Vì tự ái và vì liêm sỉ của người cầm bút hay vì nhu cầu đời sống, họ vẫn đi làm (cày) chứ không nhận tiền già hay tiền bệnh tật.

Đứng trước cỗ máy hay đứng trước chồng chén đĩa phải rửa, họ vẫn suy nghĩ “đêm nay sẽ viết tiếp cái gì hay viết mới cái gì”.

Đêm về, ngồi trước trang giấy hay máy tính, computer, họ miệt mài thức cho xong bài viết hay tác phẩm, dù biết rằng việc lao động này không mang tới lợi nhuận tiền bạc mà chỉ hao mòn sức khỏe và tuổi đời.

Viết trong tình huống này là một sự tự đày ải mình, tự hành hạ mình, tự đâm, tự chém, tự hủy diệt mình. Nhưng họ khoái chí lắm, khi làm như vậy. Họ coi việc đó như một trò... “thủ dâm”.

Chúng ta hãy đọc đoạn văn sau đây của nhà văn Trần Hoài Thư, sĩ quan thám báo, 57 tuổi:

*“Trong ba năm xuất bản bốn tác phẩm. Tôi là người trong cuộc. Cả những ngón tay phải của tôi bị đứt gân. Cả đùi tôi vẫn còn mảnh lựu đạn cắt ngang. Hãy nhìn tôi đi, hãy đánh giá tôi đi, tôi có phải là quân ăn thịt người, hãm hiếp bà già con nít, bắt ba cô gái chìm xuống sông, nhe hàm răng trắng ợn như trong Nỗi Buồn Chiến Tranh của Bảo Ninh hay không?”.*

Những ngón tay bị đứt gân, cả đùi còn mảnh đạn, đầu vú bị đạn cắt, 57 tuổi, 7 giờ sáng đi làm, tối về viết, ba năm bốn tác phẩm. Như thế chưa đủ khủng khiếp hay sao mà Nguyễn Hưng Quốc còn đòi hỏi phải Cào Cẩu Vết Thương Cho Tóc Máu.

Đoạn văn tôi vừa viết, xin quý vị xem đó như là món ăn khai vị, mở màn, cho một bữa tiệc lớn. Tạm gọi là bữa tiệc văn chương.

Sau đây là những món chủ lực, bê tông cốt sắt, cá gỏi com dương châu...

Mở đầu bài viết, ông Nguyễn Hưng Quốc phán: “Cuối năm 1988, nghe tin nhà thơ Trần Dạ Từ và nhà văn Nhã Ca được phép rời Việt Nam sang định cư tại Thụy Điển, tôi mừng khắp khởi, lòng thầm hy vọng là, với tài năng sẵn có, cộng với những kinh nghiệm sống hôi hổi, ngôn ngữ sau nhiều năm tháng bị đầy đọa dưới chế độ Cộng Sản, họ sẽ viết nên những tác phẩm văn học đầy đặn, có thể làm cho nền văn học hải ngoại khởi sắc hẳn lên.

Tôi càng hy vọng khi nghe nói trong mười mấy năm nằm trong trại cải tạo, Trần Dạ Từ làm thơ rất nhiều. Tôi chờ. Rồi cuối cùng, tôi cũng đọc được một số. Tôi hơi thất vọng. Không phải vì ít cũng không phải vì dở. Có điều, theo tôi, chúng hơi mỏng so với những bất hạnh mà họ phải chịu đựng.

Sau đó, nghe tin hai nhà thơ Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên lần lượt sang Mỹ, tôi lại hy vọng và nôn nao chờ đợi. Không còn nghi ngờ gì nữa, cả hai đều là những nhà thơ thuộc loại tài hoa nhất của miền Nam thuở trước. Sau năm 1975, từ Việt Nam họ lén lút gởi ra nước ngoài một số bài thơ lấp lánh lửa. Tôi tự nhủ thầm, bây giờ ra hải ngoại, được hoàn toàn tự do, họ tha hồ công bố những tác phẩm họ nung nấu trong lò cải tạo, hẳn lúc ấy chúng ta sẽ được chứng kiến một trận mưa lửa tuyệt vời bằng chữ nghĩa. Và rồi, cũng như đối với Trần Dạ Từ và Nhã Ca, tôi lại thất vọng.

Niềm hy vọng lại lóe lên một lần nữa, sau khi tôi nghe tin nhà văn Phan Nhật Nam qua Mỹ. Qua các tập bút ký Phan Nhật Nam xuất bản trước năm 75, tôi phục sự thẳng thắn và sắc sảo của ông trong những nhận định về các vấn đề xã hội và chính trị,

tôi cũng thích cái giọng văn sôi sục nhiệt tình, hơi hơi nhuốm mùi lính tráng của ông.

Tôi hy vọng sẽ được đọc những trang nhật ký ít nhất cũng hùng hực ngang tầm với những *Mùa Hè Lửa Đỏ*, *Dọc Đường số 1* trước đây. Tôi lại thất vọng”. Khác với Nguyễn Hưng Quốc, cái may mắn của tôi là tôi đã dự cảm được điều này 30 năm về trước. Và cái không may của tôi, là tôi đã thất vọng trước Nguyễn Hưng Quốc cũng 30 năm. Và người tôi thất vọng bấy giờ là trường hợp nhà văn Dương Nghiễm Mậu.

Bấy giờ, tôi gọi trường hợp nhà văn Dương Nghiễm Mậu là trường hợp Lửa Rơm Trong Văn Học. Và bây giờ là trường hợp Lửa Rơm Nguyễn Huy Thiệp ở trong nước.

Vào thập niên 1960-1969, những ai theo dõi sinh hoạt văn học nghệ thuật miền Nam trên các tạp chí *Hiện Đại*, *Sáng Tạo*, *Thế Kỷ 20*, *Vấn Đề*, *Những Vấn Đề của Chúng Ta*, *Văn Học*, *Văn*, *Bách Khoa* và nhất là *Văn Nghệ* (Lý Hoàng Phong) đều thấy rằng, nhà văn Dương Nghiễm Mậu là một hiện tượng nổi bật, sáng chói nhất về phẩm cũng như về lượng. Sáng tác xuất hiện đều đặn, văn chương lưu loát và ý tưởng độc đáo.

Theo Dương Nghiễm Mậu, Từ Hải vẫn còn sống. Quá đã! Những tác phẩm nổi tiếng bấy giờ của Dương Nghiễm Mậu nhiều lắm, tôi chỉ nhớ *Gia Tài Của Mẹ*, *Đầy Tuổi Tôi*.

Nhưng bắt đầu từ năm 1970, chúng ta không còn thấy ông cho ra đời tác phẩm nào nữa và im lặng cho tới năm 1975. Sau năm 1975, không còn gì để nói. Năm năm nay tại hải ngoại, bạn bè của ông cũng nhiều, nhưng có lẽ, cùng với thời gian và lịch

sử, họ cũng chôn sống ông luôn, chẳng thấy ai nhắc tới tên ông hay tác phẩm của ông, một thời đã đóng góp to lớn vào văn học Việt Nam hậu Genève (1954).

Từ trường hợp Dương Nghiễm Mậu hay một người khác, Sao Trên Rừng (Nguyễn Đức Sơn) tôi đi tới nghi vấn:

Phải chăng tại vì nhà văn của chúng ta thiếu căn bản học thức và vốn sống. Vì thiếu căn bản học thức và vốn sống, nên bao nhiêu những gì mình có (vốn nghèo nàn), đem dần trải qua ngàn ấy tác phẩm. Rồi thế là xong. Rồi thế là hết.

Hay nói một cách khác, cầu thủ hay võ sĩ (nhà văn) của mình không được dai sức, thiếu phong, chơi không lâu, mau xiù, mau xẹp, mau ngã ngựa.

Bây giờ trong nước là trường hợp Nguyễn Huy Thiệp. Sau gần 10 truyện ngắn cực kỳ xuất sắc, nay cũng không hứa hẹn gì thêm nữa.

Thế nhưng, nay sau 30 năm, sau vận nạn Nguyễn Hưng Quốc đặt ra, thất vọng, tôi có một Cái Nhìn Khác, Cái Suy Nghĩ Khác, về những nhà văn của chúng ta, về những nhà văn trên thế giới.

Theo tôi, căn bản học thức và vốn sống, không phải là điều quyết định cho giá trị một tác phẩm.

Xét về căn bản, học thức và vốn sống, hẳn nhiên Ernest Hemingway phải hơn Mai Thảo, Lâm Chương. Nhưng *Người Đàn Bà Trong Vành Đai Trắng* (Mai Thảo), *Đoạn Đường Hốt Tắt Liệt* (Lâm Chương) đâu có thua gì *Giã Từ Vũ Khí* hay *Chuông Gọi Hồn Ai* của Hemingway.

Không do vì thừa hay thiếu căn bản học thức, không do vì thiếu hay thừa vốn sống mà tác phẩm người này nhất định thua tác phẩm người khác.

Vấn đề điều động ngôn ngữ, dàn trải tư tưởng, lại là một năng khiếu riêng, không nhất thiết tùy thuộc vào học thức hay vốn sống.

Do vậy, cái hiện tượng Lửa Rơm Trong Văn Học không phải bắt nguồn từ căn bản học thức hay vốn sống như một thời Lê Mai Lĩnh tôi nghĩ tới.

Nhưng mà, hiện tượng đó là một định mệnh nghiệt ngã hay là một bất hạnh vinh quang mà Thượng đế dành cho người cầm bút nào cũng hy vọng chờ đợi, khẩn nguyện Thượng đế đoái hoài.

Tôi xin nói rõ hơn.

Thượng đế tỏ ra rất hào sảng cho con người năng khiếu sáng tạo (mỗi người Việt Nam là một thi sĩ), nhưng Ngài rất keo kiệt, bủn xỉn, hẹp hòi, chắt chiu, tính toán, chi ly trong việc ban tặng tác phẩm giá trị cho một người cầm bút - quà tặng của Thượng đế.

Đời của một người từ lúc sinh ra cho đến lúc chết, có lúc lên xuống như ngọn thủy triều, nhưng đời của một người cầm bút thì như một người bộ hành lên một đỉnh dốc cao thật cao nào đó và đi xuống. Không có người cầm bút nào được hai lần nhận giải Nobel Văn chương.

Chúng ta không thể phủ nhận văn tài của Tô Thùy Yên, Võ Phiến, Mai Thảo hay Thanh Tâm Tuyền, Phan Nhật Nam, nhưng cứ mãi mãi chờ đợi nơi họ những tác phẩm mới, có giá trị hơn những tác phẩm cũ, để tới khi họ không còn đáp ứng được sự chờ đợi đó, rồi thì là, tuyên bố một cách vô trách nhiệm, phủ nhận sự đóng góp của những người khác kiểu như ông Nguyễn Hưng Quốc, rằng thì là «chúng ta đã hy vọng và chờ đợi ở họ (ý nói Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Phan Nhật Nam ở đoạn trên) quá nhiều điều, đó

cũng có nghĩa là chúng ta đã quá thất vọng trước những thành tựu mong manh của nền văn học hải ngoại».

Văn học Việt Nam lưu vong không chỉ trông chờ vào 5 tác giả nói trên, nhất là, khi mà cái thời Thượng đế trao quà tặng cho họ đã xong rồi, mà là văn học lưu vong còn một đội ngũ hùng hậu khác so với hai triệu người bỏ nước ra đi.

Hay nói một cách khác, số lượng những người cầm bút tại hải ngoại, dù ít ỏi, nhưng họ đã làm, đã gánh trách nhiệm cho cả nước Việt Nam, khi mà ở trong nước những người Cộng Sản độc quyền làm văn học Cộng Sản, áp đặt văn học XHCN lên đời sống tinh thần của người dân.

Vâng, những người cầm bút hải ngoại đang làm vai trò bảo tồn và phát huy văn hóa Việt Nam.

Chỉ chờ đợi, tin tưởng và rồi thất vọng trong số 5 tác giả nói trên, vậy thì những tác giả và tác phẩm sau đây, không làm ông Nguyễn Hưng Quốc hải lòng và cảm động trước sức sáng tạo của họ hay sao: Võ Đại Tôn (*Tám Máu Đen*); Hà Thúc Sinh (*Đại Học Máu*); Trần Hoài Thư (*Ra Biển Gọi Thâm, Ban Mê Thuật, Ngày Đầu Ngày Cuối*); Trần Doãn Nho (*Căn Phòng Thao Thức*); Thái Tú Hạp (*Hạt Bụi Nào Bay qua*); Nghiêu Minh (*Dấu Xưa*); Trần Trung Đạo (*Thao Thức...*); Hà Kỳ Nam (*Vùng Đá Ngậm*); Trần Quán Niệm (*Nụ Chối Non*); Kinh Dương Vương (*Mặt Nạ Cười*); Hồ Minh Dũng (*Hoa Vạn Hạt, Câu Nam Ai Thất Lạc*); Quan Duong (*Ruột Đau Chín Khúc*); Trần Ngân Tiêu (*Thơ Đẳng*); Trương Sỹ Lương (*Một Đời Dang Dở*); Hà Huyền Chi (*Thơ Kẽm Gai, Một Túi Bình Sinh, Một Túi Thơ*); Viên Linh (*Thủy Mộ Quan*); Phan Hội

Yên (*Hạ Sĩ Khinh Binh*); Cung Trầm Tưởng (*Lời Viết Hai Tay*), Nguyễn Bá Đình (*Mùa Đông Quạnh Vắng*); Thủy Trang (*Thơ Thủy Trang*); Nguyễn Xuân Thiệp (*Thơ Tôi Cùng Với Gió Mùa*); Song Nhị (*Tiếng Hòn Chiến Mã*, tập thơ tù, 1996, tái bản 2002, *Tiếng Hót Loài Chim Di*, thơ 2004, *Về Lối Đi Xưa*, thơ 1999, *Nửa Thế Kỷ Việt Nam/ bút ký - tự truyện*, ấn hành tháng 1/2010, tái bản 8/2010); Lưu Dân Thi Thoại, viết chung Diên Nghị 2003, *Lời Rao Giảng của Thơ*, 2014); Thanh Thương Hoàng với 5 tập truyện: *Người Mỹ Cô Đơn*, *Tiến Sĩ Lê Mai*, *Những Nỗi Đau Đời*, *Ông Tướng Tỵ Nạn*; Vi Khuê (*Giọt Lệ*, thơ 1971, *Cát Vàng*, thơ 1985, *Tặng Phẩm Tình Yêu*, thơ 1991, *Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi*, thơ 1994, *Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ*, truyện 1986, *Những Ngày Ở Virginia*, truyện, 1991, *Vẫn Chờ Xe Thổ Mộ*, truyện 1993, *Thơ Trong Mưa Và Hoa*, tập thơ song ngữ Việt-Anh, 2001); Diên Nghị (*Cõi Thơ Tìm Gặp*, 2005); Lưu Dân Thi Thoại- Duy Năng (*Giữa Dòng Nghịch Lũ*, truyện, 1991, *Dặm Nghìn*, thơ, 1998); Huệ Thu (*Thơ Huệ Thu*, 1987), *Sương Chiều Thu Động*, 1991, *Mở Ngõ Phù Vân*, 1995, *Lục Bát Huệ Thu*, 1997, *Đầu Non Mây Trắng*, 1998, *Từ Tuyệt Huệ Thu*, 1998. Tuệ Nga với trên 10 thi phẩm (*Suối Trâm Tư*, 1982, *Mây Hương*, thơ Đạo 1987, *Chiều Phố Mây*, 1991, *Hoa Sương*, 1994, *Hoa Đài Dâng Hương*, thơ Đạo 1995, *Nửa Viên Trăng*, 1997, *Lan Hoa Thi Tập*, *Tuệ Nga Phương Hồ*, 1998, *Suối Hoa*, 1999, *Từ Giòng Sông Trăng*, 2005, *Về Bên Suối Tịnh*, 2007, *Dòng Cổ Nguyệt*, 2014; Cao Mỹ Nhân với các thi phẩm: *Sau Cuộc Chiến*, 2003, *Đưa Người Tình Đi Tu*, 2001, *Thơ Mỹ*, 2001, *Chốn Bụi Hồng*, văn 1994), *Quán Thơ Tháng*,

*Áo Màu Xanh Lãng Đãng Vào Thu, Ngày Còn Lại*, 2009); Phan Thị Ngôn Ngữ với 5 thi phẩm (*Vọng Khúc*, 2003, *Tạ Tình Khúc*, 2005, *Dùng Dằng*, 2010, *Lỗi Một Vần Gieo*, 2010); Phong Thu, với tập truyện song ngữ Việt Anh *Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi - The Rain Still Falls In Sai Gon*, do nhà xb XLibris Corporation ấn hành, *Gấu Bông Giúp Bạn*, 1990, *Cô Bé Bên Giàn Hoa Giấy Đỏ*, truyện ngắn, 2003, *Đóa Phù Dung*, truyện, 2005); Áu Tim (với *Một Quãng Xuân Thì*, tập truyện, Vinasoft 2007, và trên 5 tuyển tập với nhiều tác giả nữ khác); Võ Ý (với *Lý Lịch Dọc Ngang Của Thảo*, 2003, *Tìm Về Tổ Ấm*, 2013); Cao Nguyên (*Thao Thức*, 2014) và các nhà văn Đỗ Tiến Đức, Tràm Cà Mau, Ngô Viết Trọng, mỗi tác giả trên dưới 10 tập truyện được đông đảo độc giả đón nhận nhiệt tình.

Ngoài ra còn nhiều nhà thơ tù nhân chính trị có nhiều thi phẩm đề đòi như Đỗ Bình, Hồ Trường An, Nguyễn Phúc Sông Hương, Trần Thúc Vũ, Cung Diễm, Ngô Đức Diễm, và những tập nhân định, biên khảo của Phạm Nam Sách, Nguyễn Văn Chúc, những nhà văn, nhà thơ miệt mài sáng tạo như Phạm Ngũ Yên, Đại Dương, Phạm Trần, Cung Vũ Nguyễn Hữu Nghĩa, Phùng Văn Nguyên, Hồ Mạnh Sơn, Đỗ Văn Phúc, Võ Đình Tuyết, Huỳnh Văn Phú, Lâm Chương, Phạm Nhã Dự, Dự Mỹ, Phan Xuân Sinh, Phạm Thành Tính, Lê Thành Quang, Ngô Tịnh Yên (*Lục bát Ngô Tịnh Yên, Lãng Mạn Năm 2000*), Vương Lệ Hằng...

Và hàng ngàn nhà văn, nhà thơ cùng tác phẩm của họ trên thư mục các nhà xuất bản Văn Nghệ, Làng Văn, Thế Kỷ 21. Riêng NXB Cội Nguồn đã có trên 55 tác phẩm được ấn hành, trong đó nhiều

tác phẩm đã được lưu trữ tại Thư viện Quốc hội và các đại học ở Hoa Kỳ...

Là một nhà phê bình được dư luận đánh giá tốt, có bao giờ ông Nguyễn Hưng Quốc hay biết về những tác giả và tác phẩm trên đây không?

Tại sao Nguyễn Hưng Quốc không nhìn thấy những Con Suối Mới, Những Dòng Nước Mới, từ những Vách Đá Tơm Ra, đủ nhìn thấy, dự báo, những đại dương văn học.

Tại sao Nguyễn Hưng Quốc chỉ nhìn vào những con sông đã khô, những ao hồ đã cạn, để nói điều bi quan, gieo mầm hủy diệt, giữa một nền văn học lưu vong, vốn đang bị đánh phá từ nhiều phía, đang gặp những khó khăn chồng chất.

Dù thế, người cầm bút chân chính vẫn gánh cây bút như ngày xưa Chúa vác cây thánh giá, lên đường. Tiến. Nhất định chúng ta phải thắng.

Lại một sai lầm khác của Nguyễn Hưng Quốc, ông ta viết: *“Sự thật, sự thất bại của họ (ý nói Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Phan Nhật Nam) nghĩ cho cùng, cũng là sự thất bại chung của cả nền văn học hải ngoại từ sau 1975. Chúng ta đã chứng kiến những biến cố trọng đại và đã trải qua những tai họa thuộc loại khủng khiếp nhất trong lịch sử, bị đày đi kinh tế mới, bị đày vào trại cải tạo, bị tước đoạt mọi thứ tự do, nhân phẩm bị chà đạp. Cuối cùng phải tìm đường vượt biên, để có khi bị hãm hiếp, bị kỳ thị, hoặc may mắn thì cũng trở thành những tên lưu vong lạc lõng, lơ lảo vất vưởng ở xứ người. Thế nhưng văn chương của chúng ta, thì cứ như là trò chơi của trẻ nhỏ. Cũng phơn phớt chút phấn son. Cũng uốn éo như máy cô ca sĩ tập sự. Cũng lên bổng, xuống trầm sặc*

*mùi cải lương. Chúng ta đau đớn thật, mà lại viết như là buồn vờ. Bi kịch lớn như núi, rơi xuống trang giấy, biến thành một mảnh bọt xà phòng, nhỏ xíu, mỏng manh, tan trong trí nhớ còn nhanh hơn cả mùi mực”.*

Từ sự chờ đợi, tin tưởng, rồi thất vọng của Nguyễn Hưng Quốc vào 5 tác giả nói trên, ông Nguyễn Hưng Quốc gom lại, rồi mật sát luôn tập thể những người cầm bút.

*Chiến Tranh và Hòa Bình* của Tolstoi không mang hết nỗi đau của dân Nga thời bấy giờ. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du không mang hết nỗi đau của nhân dân thời Hậu Lê, thì không một người cầm bút nào hiện nay, có thể mang hết nỗi bất hạnh của dân tộc hậu 30-4-75.

Mỗi người cầm bút, tùy theo hoàn cảnh và vị trí mỗi lúc, mỗi nơi, để thể hiện cái nhìn của mình, nói lên nỗi đau của phần mình, trong cái đau chung của dân tộc. Rồi đây, khi viết lịch sử, nhà viết sử không căn cứ vào ông A hay ông B, mà căn cứ vào toàn bộ nền văn học do nhiều tác giả đóng góp.

Văn học hải ngoại 23 năm qua là đồ bỏ, là con số không to tướng hay sao? Văn chương nào là “trò chơi trẻ nhỏ”, tác phẩm nào là “phơn phớt phấn son”, tác phẩm nào là “lên bổng xuống trầm sặc mùi cải lương”, cây viết nào “uốn éo như mấy cô ca sĩ tập sự”? Một nhà phê bình có trách nhiệm, một ngòi bút đứng đắn, có thể nào có lối kết luận vô trách nhiệm và phạm thượng như thế hay không?

Một đoạn khác ông Nguyễn Hưng Quốc viết: *“Chúng ta đã tồn tại nhờ tâm lý hư vô hóa bất hạnh và thói quen thánh tẩy thật nhanh mọi dấu vết bất hạnh ra khỏi ký ức. Văn học Việt Nam, ngược lại,*

*may ra chỉ có thể trưởng thành nhờ những kẻ thống dâm (masochist), những kẻ tìm thấy khoái lạc khi nhìn trừng trừng vào những lần roi, quát tới tấp trên da thịt của mình hay là tự tay cào cấu những vết thương của chính mình cho tóe máu”.*

Từ trước tới nay, tương quan giữa xã hội và người anh hùng, tôi chia xã hội ra làm 4 loại người:

Thứ nhất, có người sinh ra để trở thành anh hùng.

Thứ hai, có người sinh ra để tôn vinh, ngưỡng mộ những người anh hùng.

Thứ ba, có người sinh ra để xem anh hùng như một món hàng, một đồ vật để mua bán, đổi chác, thậm chí là chôm chia, cầm nhảm người anh hùng.

Thứ tư, loại người chỉ biết tiền, không bao giờ cần biết có anh hùng hay không có anh hùng và họ cũng không biết rằng, chính họ đang sống nhờ vào thành công của những người anh hùng.

Qua đoạn văn trên của Nguyễn Hưng Quốc, thì tương quan giữa xã hội và người cầm bút là Chúng Ta và Chúng Nó (hay còn gọi là tụi nó, bọn nó). Đó là “Chúng Ta Tồn Tại...” và “Văn Học Việt Nam, ngược lại, may ra chỉ có thể “Trưởng Thành nhờ những kẻ thống dâm (Chúng Nó)...”

Thưa nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc, muốn có Một Nền Văn Học Trưởng Thành Là Bỏ Phận Và Trách Nhiệm Của Toàn Xã Hội. Những Kẻ Trừng Trừng Vào Lăn Roi... Những Kẻ Cào Cấu Vết Thương Cho Tóe Máu cũng chẳng làm được gì nếu chỉ một mình Tụi Nó Trừng Trừng Và Cào Cào. Trừng trừng và cào cào cho ra tác phẩm, rồi thì Ai In, rồi thì Ai Mua, rồi thì Ai Đọc, rồi thì Ai Phê Bình. Gặp được năm mươi nhà phê bình cỡ như

Nguyễn Hưng Quốc, thì lại xui xẻo cho tụi nó. Nhìn gà hóa cuốc. Không cận thị cũng biến thành cận thị.

Qua bài viết “Nhà Văn Như Một Kẻ Thống Dân” của ông Nguyễn Hưng Quốc, tôi thấy có không dưới 10 điều tôi cần góp ý, nhưng tôi không thể làm hết trong phạm vi một bài báo, trừ khi viết thành một cuốn sách gọi là Quốc Văn Giáo Khoa Thư.

Trong bài viết của tôi chỉ góp vài ý cần thiết, nổi bật tính chất thiếu trung thực, nhìn sai vấn đề của nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc, để cho mọi người nhìn rõ hơn Giá Trị Văn Học Hải Ngoại và thành quả rất đáng kể của những người cầm bút, đặc biệt là những người cầm bút trong giới cựu tù nhân.

Họ viết, như một cực hình tự chọn, như một sự tự đày đọa thân xác, nhưng vẫn thấy hạnh phúc trong cái thú đau thương.

Họ viết, như một bổn phận và trách nhiệm của một người chiến sĩ mà ngòi bút là vũ khí.

Họ viết cho một Tương Lai Văn Học Việt Nam.

Họ viết, như một chứng nhân lịch sử.

Họ không cần thiết người khác tôn vinh, đề cao.

Nhưng họ cũng không chấp nhận cho ai xuyên tạc, kéo thấp xuống sự lao động miệt mài của họ qua ngòi bút, trang giấy làm thành những tác phẩm văn học, đúng nghĩa, không tự ti hay tự tôn.

Nếu như ông Nguyễn Hưng Quốc hay độc giả nào đó cho rằng những góp ý của tôi trong bài viết này không đúng theo tinh thần bài viết của nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc, xin chỉ dạy cho tôi biết.

Muôn vàn đa tạ.

# **CON NGỰA GỖ ẮN QUANG VÀ THÀNH TROIE NAM VIỆT NAM**

(cuộc bút chiến giữa nhà báo Uyên Thao và  
nhà báo Lê văn Chính)

Chuyện là, trên tuần báo ĐỜI của nhà văn Chu Tử, có đăng một bài viết của nhà báo Uyên Thao, có tựa đề CON NGỰA GỖ VÀ THÀNH TROIE NAM VIỆT NAM.

Nội dung chính bài báo, ông cho rằng Phật giáo ẮN QUANG đã đưa VC vào SAIGON năm MẬU THÂN, 1968.

Đọc bài đó, tôi nực gà, máu bút chiến sôi lên, năm ngón tay của bàn tay phải, muốn xuống đường.

Tôi chơi một bài phản biện.

Ông Chu Tử cho đăng.

Tỷ số bấy giờ là 1 - 1, nói theo ngôn ngữ bóng đá. Sau đó, Uyên Thao phản đòn, tỷ số là 2 - 1, phần thắng về phía U. T.

Trong bài này U. T. cho rằng, nguồn tin này do một người bạn thân tình của ông cho, nay người bạn này đã chết.

Lập luận này vô lý quá, nên tôi chơi một cú chính diện, đập mắt, như huyền thoại.

Tôi đưa ra một nhận định mà từ trước chưa ai nói tới, chưa tờ báo nào lên tiếng. Đó là thế, TAY BA nạn nhân của nhau, giữa Ắn Quang - người Mỹ và chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.

- Lúc thì, ẮQ, là nạn nhân của Mỹ và Thiệu.
- Lúc thì, Mỹ là nạn nhân của ẮQ và Thiệu.
- Lúc thì, Thiệu là nạn nhân của Mỹ và ẮQ.

Chu Tử thôi còi viết vị, không cho đăng bài của tôi. Tôi tức như bị bò đá. Tỷ số vẫn là 2-1, phần thắng về U.T.

Tôi chơi lại trọng tài, một bài 3 trang, tố ông Chu Tử “tham nhũng” dư luận. Vì lúc này đang có phong trào chống tham nhũng của linh mục Trần Hữu Thanh.

Lần này tôi muốn đến khiếu nại trọng tài, nhân một lần về phép Sài Gòn từ Đà Lạt. Vì sau khi tôi thất cử trong lần tranh chức dân biểu, Đại tá Ngô Tấn Nghĩa thuyết phục tôi lên Đà Lạt.

Ông Chu Tử xin lỗi tôi, lý do là vấn đề Ân Quang lúc này tế nhị, chúng tôi không muốn kéo dài cuộc bút chiến, và lại chính quyền cũng không muốn báo chí nói nhiều về ÁQ.

Hôm nay thư ký vắng, ngày mai anh đến nhận tiền nhuận bút, cà phê, thuốc lá - Chu Tử nói với tôi như thế. Hôm sau tôi trở lại với mẹ sắp nhỏ, Chu Tử rút trong túi áo bà ba trao tôi một xấp bạc tờ 500.

Ra khỏi tòa soạn, đường Cổng Quỳnh, tôi đếm đúng 5.000, tôi hiên ngang, anh đứng, trao cho cô sinh viên văn khoa, hoa khôi khóa 1 biên tập viên, mà những lần trước, tiền nhuận bút tôi ém, làm quỹ đen.

Chuyện bút chiến giữa chúng tôi và Uyên Thao là như rứa. Đó là năm 1970, lúc tôi là sĩ quan chính huấn, đại đội chiến tranh chính trị của Tiểu khu Bình Thuận, Phan Thiết.

# **DONALD TRUMP VÀ LÊ MAI LĨNH**

(câu chuyện của 8 năm về trước, 2017)

## **Tản Mạn Về Bài Diễn Văn Của Một Người Bạn Vừa Được Bầu Làm Tổng Thống Lê Mai Lĩnh**

### **I. Nhập Đề.**

Tất cả những gì bạn tôi nghĩ,

Tôi cũng đã nghĩ.

Tất cả những gì bạn tôi nói,

Tôi cũng định nói.

Tất cả những gì bạn tôi định làm

Tôi cũng định làm.

Thành ra, bạn tôi làm Tổng Thống

Cũng như tôi làm Tổng Thống.

Hắn những độc giả của tôi,

Bạn bè của tôi,

Những người ghét tôi hay thương tôi,

Phải đồng ý một điều:

Tôi và bạn tôi có những tính cách như nhau.

Nếu không nói là một cặp đôi lý tưởng .

Này nhé,

- Bạn tôi là một nhà văn, tôi cũng là một nhà văn,

- Bạn tôi bestseller, tôi thì cho không biểu không, chẳng là không bestseller đó sao?

- Bạn tôi và tôi đều có nhân dạng, vẻ đẹp của một nhà nghệ sĩ.

- Bạn tôi hùng biện, tôi cũng biện hùng.

- Bạn tôi lãng mạn, yêu đàn bà, tôi cũng yêu đàn bà, lãng mạn.

- Bạn tôi ba vợ, tôi thì hai, nhưng sắp tới sẽ có ba như bạn tôi.

- Bạn tôi là mẫu người dám nói dám làm, tôi cũng vậy.

Và, trên tất cả,

Bạn tôi và tôi, những người không nói dối.

Nhưng chỉ nói dối khi cần thiết, vì quyền lợi Quốc gia, dân tộc, chứ không vì quyền lợi bản thân.

Bạn tôi và tôi, đều là những người thật thà, ngay thẳng.

Chính vì vậy,

Đám lãnh đạo CS Ba Đình đừng hy vọng con đường đu dây giữa Mỹ và Trung Cộng.

Bạn tôi đã từng tuyên bố thẳng, ghét bọn lưu manh lãnh đạo CS Việt Nam.

Vậy tôi xin phép lập lại một lần nữa:

Bạn tôi làm tổng thống hay tôi làm tổng thống cũng same same.

## II. Thân Bài.

Vào đầu, ngay từ đầu bài diễn văn, bạn tôi đánh phủ đầu. Ngay bây giờ, nơi này, hôm nay ngày 20-1-2017 tại Thủ đô Hoa Thịnh Đốn, trung tâm quyền lực nước Mỹ, cũng là trung tâm quyền lực Thế giới, bạn tôi đánh chớp nhoáng, tranh thủ thời gian, những đường guom đẹp mắt, những mũi tên cứu dân cứu nước.

Bạn tôi, người tình nguyện nhập vai hiệp sĩ thời đại, là người khổng lồ, vực dậy một tình trạng trì

trệ, nhiều nhường, thâm căn cố đế của những vương triều cấu kết, bảo vệ nhau, giới tài phiệt, nhà giàu, tách ra một ốc đảo xa hoa, phù phiếm, không mấy may đoái hoài tới khổ đau của nhân dân.

Bạn tôi, cõi lòng phiêu bồng, khát khao sự thật, căm ghét dối trá.

Bạn tôi, trong canh bạc đời, đã chơi xả láng, đem chính sinh mệnh mình và sinh mệnh chính trị, chơi tới tàn canh gió lộng.

Bạn tôi, vì LỄ PHẢI và SỰ THẬT, vì HẠNH PHÚC MUÔN DÂN, THÁI BÌNH TRĂM HỌ, vung đường gươm, rút súng không nể nang.

Và, liệu có cần nể nang với những con người đi ngược lại quyền lợi nhân dân.

Và, liệu có cần nể nang với những cá nhân vị kỷ, bè phái, gia đình, dòng họ, DẤM ĐÁP LÊN TINH THẦN NƯỚC MỸ, XEM NHẸ TƯỞNG LẠI TỔ QUỐC, CHO VÀ VÌ NHỮNG TẬP THỂ, TẬP ĐOÀN, QUAY LƯNG LẠI SỐ PHẬN ĐỒNG HƯƠNG, ĐỒNG BÀO MÌNH.

Bạn tôi biết rằng, phải nói ngay, phải to tiếng ngay, phải trở tài hùng biện ngay, cho kịp thời gian.

Bạn tôi, thừa khả năng tiên liệu, chậm một phút, là tiếng nói của bạn tôi rơi vào khoảng không, đường gươm của bạn tôi chém vào gió, cát bụi, mịt mù.

Bạn tôi biết, lời nói không kịp thời, đúng lúc sẽ vô ích, vô vọng, trở thành VÔ NGÔN. PHÍ PHẠM LỜI NÓI.

Bạn tôi biết, trước mặt mình là những NGUYÊN ÔNG CHỦ CỦA TÒA BẠCH ỐC, CỦA VƯƠNG

QUỐC HOA THỊNH ĐÓN, đã một thời HẾT RA LỬA MỬA RA KHÓI.

Đó là CARTER, là CLINTON, là BUSH, là OBAMA,

NHỮNG NGƯỜI ĐẾN THỦ ĐÔ VỚI BAO HY VỌNG VÀ ĐÃ ĐỂ LẠI BAO THẤT VỌNG, LÚC RA ĐI.

Bạn tôi biết.

Bạn tôi thừa biết.

Vì hàng đêm, bạn tôi nghe cư dân thủ đô, VƯƠNG QUỐC LỬA DỐI, RÊN RỈ TRONG UẤT HẬN, NGẬM NGÙI TRONG BẮT LỰC, LỆ NHÒA TRONG ĐÊM ĐEN, vì nghèo đói, thiếu thốn, trong chu vi xa hơn vài miles lấy NHÀ TRẮNG LÀM TÂM ĐIỂM.

Bạn tôi dành quyền và bạn tôi có quyền nói tiếng nói của nhân dân, bày tỏ nỗi đau của nhân dân, phát ngôn viên cho những tiếng lòng buốt nhói.

Bạn tôi chững chạc đàng hoàng, tung cánh tay, nắm đấm vào không khí, nhưng cũng là lúc bạn tôi tung nắm đấm vào mặt những ai đó. đang hiện diện hôm nay.

Bạn tôi nói trong niềm tin, là tiếng nói của bạn tôi có người nghe, nhiều người nghe.

Bạn tôi nói trong niềm tin, là sau lưng bạn tôi có những trái tim đồng cảm, những triệu người hậu thuẫn hướng về phía mặt trời mọc.

Và, bạn tôi cất tiếng nói, những điều, như tôi muốn nói:

"Trong thời gian quá lâu, một nhóm nhỏ ở thủ đô của đất nước chúng ta đã thu về những lợi lộc từ chính quyền, trong khi người dân phải trả giá.

Washington nở rộ, nhưng người dân không được chia phần trong sự phồn vinh đó.

Các chính trị gia trở nên giàu có, nhưng chúng ta đã mất nhiều việc làm".

Phải là những con người, như bạn tôi, như Trump, mới có những thao thức, trăn trở đó.

Hãy nghe bạn tôi, Donald Trump, chơi hết số phận mình: Tôi sẽ đấu tranh cho quý vị tới hơi thở cuối cùng, và tôi sẽ không bao giờ làm quý vị thất vọng.

### III. Kết Luận

Viết đoạn cuối kết luận bài diễn văn, tôi muốn dùng nó cho phần kết luận của bài tản mạn này, về diễn văn của một người bạn được bầu làm tổng thống Hoa Kỳ:

“Cùng nhau, chúng ta sẽ làm cho nước Mỹ hùng mạnh trở lại.

Chúng ta sẽ làm cho nước Mỹ giàu có trở lại.

Chúng ta sẽ làm cho nước Mỹ tự hào trở lại.

Chúng ta sẽ làm cho nước Mỹ an toàn trở lại.

Và đúng vậy, cùng nhau, chúng ta sẽ làm cho nước Mỹ vĩ đại trở lại.

Xin chúa ban phước lành cho quý vị, cho nước Mỹ".

Và

Lạy chúa tôi,

Xin ngài ban sự sáng suốt và may mắn cho bạn con,  
Donald Trump

Amen.

Lê Mai Lĩnh

(một ngày trước Tết Việt Nam, 2017.

+ Thừa quý Thượng đế, độc giả là Thượng đế,  
Bài viết trên, tôi viết ngay sau ngày tuyên thệ nhậm  
chức tổng thống của bạn tôi, Donald Trump, 8 năm  
trước, 20-1-2017.

Lâu nay tôi vẫn nghĩ bài viết sẽ chết, tác giả là tôi,  
cũng sẽ chết. Sẽ không còn ai nhớ, tưởng tới bài  
viết hay, này.

Nhưng vừa qua, viên đạn xuyên vành tai của bạn  
tôi, làm hào khí Donald Trump phục sinh chói lọi,  
làm bài viết 8 năm trước của tôi ăn theo, cũng ké ké  
chút hào quang của Trump.

Bài viết nhiều người thích lắm.

## MỘT CHÚT SÀI GÒN GIỮA LÒNG PARIS

Nếu những ai đã ở Sài Gòn và đến Paris hay ngược lại, những ai đã ở Paris và đến Sài Gòn, nhưng lòng vẫn nhớ thương về chốn cũ, nhớ từng con đường, nhớ từng vỉa hè, nhớ từng khu phố, góc lộ, gốc cây, hàng hiên mái ngói... đều có thể nói rằng: Một chút Sài Gòn giữa lòng Paris hay Một chút Paris giữa lòng Sài Gòn.

Chúng ta không ngạc nhiên về điều này. Vì xin nhớ rằng, 300 năm về trước, khi xây dựng thành phố Sài Gòn, những ông tây bà đầm thực dân bấy giờ đã muốn Sài Gòn là hình ảnh của Paris.

Điều này khởi đi từ hai lý do tâm lý.

Một, về phía người Pháp, họ muốn Sài Gòn là hình ảnh của Paris, muốn đời thuộc về họ, là của họ.

Hai, về phía người Việt, người Việt phải hiểu rằng Sài Gòn là Paris là muốn đời lệ thuộc nước Pháp.

Từ những nguyên nhân bắt nguồn do lịch sử như thế, nên kiến trúc hai thành phố giống nhau.

Những ngày đi giữa Paris tôi tưởng mình đang đi giữa ngày Sài Gòn. Những đêm lang thang phố xá Paris tôi tưởng mình đang đi trong Chợ Lớn hay khu Trần Hưng Đạo, khu chợ cũ, khu tự do của Sài Gòn về đêm.

Ngã tư, ngã năm, ngã sáu, ngã bảy Paris, y chang ngã tư, ngã năm, ngã sáu, ngã bảy Sài Gòn.

Thậm chí, y chang như thế của người đi bộ Sài Gòn hay Paris như nhau. Thậm chí y chang như thế của dòng xe cộ chạy không hàng lối, không vạch vôi ngăn cách Sài Gòn hay Paris như nhau.

Thậm chí, y chang như nhau của Paris hay Sài Gòn là những đồng rác cao nghêu dưới mỗi gốc cây không ai màng bận tâm lo nghĩ. Cũng y chang như thế là Sài Gòn hay Paris những vũng nước vàng khè khai khai bốc mùi hôi cạnh gốc cây hay trong những con hẻm vắng. Những vũng nước, khai khai, vàng vàng, hôi hám như thế cũng dễ tìm thấy trong khu đậu xe tại phi trường Charles De Gaulle giữa hai chiếc xe đậu cạnh nhau.

Trên lầu cao của khách sạn những đêm khó ngủ, nhìn xuống con đường trước mặt, tôi còn nhìn thấy hình ảnh Sài Gòn là lúc vài cô gái, vài gã bụi đời, vài người trong dáng hành khất, lầm lũi đi dọc theo vỉa hè thành phố lúc 2 hay 3 giờ sáng. Tôi không biết họ đi đâu, về đâu, làm gì? Nhưng đêm nào của Paris cũng có những phần đời như những phần đời của Sài Gòn mấy mươi năm về trước. Đi tự tin, dù là phận gái. Đi thân nhiên, dù là bụi đời. Đi không chút do dự, dù là hành khất. Hình ảnh và tâm trạng của họ rất chung giữa Paris - Sài Gòn.

Ở Mỹ không bao giờ có cảnh tượng như thế. Quân cướp và cảnh sát không thể để họ yên. Không dí dao thì cũng bị chặn xét giấy tờ. Không bị cướp thì cũng bị mời lên xe. Nước Mỹ là rõ ràng. Không chấp nhận mờ mờ ảo ảo cho người đi đêm.

Những ngày ở Paris, tôi nhớ Sài Gòn... Nhớ Sài Gòn của những ngày tan học, theo ai ra trường bám gót dõng theo của thời dậy thì mụn còn trên mặt. Giờ giữa Paris, tuổi đời chồng chất, gần ngày huyệt lộ, tôi còn theo ai, ai cho tôi theo. Đành trở về sống trong mộng mơ về một Sài Gòn giữa thời trai lúc đang là Paris thời khú đế già nua, mắt mờ tai điếc, miệng móm răng long, tóc bạc da mồi, vất ra hàng hiên cũng chỉ làm phế liệu, chẳng còn me tây nào muốn nhặt. Nhặt về làm chi? Làm chi mà nhặt về?

Về làm chi mà nhạt? Mà làm chi mà nhạt về? Nhặt về, chi mà làm..?

Những ngày ở Paris, tôi nhớ Sài Gòn. Nhớ Sài Gòn của những ngày về phép từ trận địa, ghé Kim Sơn làm ly cà phê đá hàng hiên, nhìn thiên hạ đi qua trong vẻ đứng đưng thân quen, xa lạ mà gần gũi. Thời là thế. Thế là thời. Hãy đứng đưng không buồn không vui. Một thời dù thế. Dù thế một thời.

Nhưng sao tôi vẫn nhớ Sài Gòn quay quắt dưới bầu trời Paris, dù đêm hay ngày. Có cô nào, bà nào, dù đẹp hay xấu, trắng hay đen, già hay trẻ của Paris, cho tôi ôm đêm nay, chỉ ôm thôi, cho tôi nghĩ mình đang ôm Sài Gòn, Việt Nam mê say đắm đuối. Một Sài Gòn Việt Nam một thời xưa tôi làm người ngạo nghệ, cao đầu bước tới, hiên ngang giữa đồng bào tôi cơm no áo ấm, em cháu tôi được cấp sách đến trường không bao giờ bận tâm về cái ăn cái mặc. Chứ tôi không nói tới một Sài Gòn hôm nay dân tôi chết đói, em cháu tôi đầu đường xó chợ kiếm sống bằng cơm thừa canh cặn trong những hàng quán sang trọng dành riêng phục vụ cho những “ông đầy tớ” nhân dân bụng phê, túi tiền dày cộm với những đồng đô la cướp từ xương máu mồ hôi của đồng bào tôi.

Giữa Paris đêm nay tôi muốn thở hơi thở Sài Gòn/ Việt Nam. Một Sài Gòn không bị bắt bớ tù đầy vô duyên cớ. Một Sài Gòn không bị cướp ngày cướp đêm công khai lộ liễu như dưới thời đại mệnh danh XHCN của Đảng mọi rợ mang tên Đảng Cộng Sản Việt Nam. Giữa Paris đêm nay, tôi muốn cất cao tiếng hát tự do như một thời tôi đã hát tự do trong lòng Sài Gòn Việt Nam thuở trước.

Giữa Paris đêm nay tôi muốn dang tay múa bút như một thời của Sài Gòn Việt Nam tôi đã múa bút dang tay. Bút tự do làm nên những tác phẩm đê đờ. Bút nô lệ chỉ là những quái thai chết yểu. Bằng chứng hơn 60 năm mệnh danh văn học Hiện thực Xã hội Chủ nghĩa tại miền Bắc, tới nay có tác phẩm nào cho những người Cộng Sản tự hào hay không? Điều đau đớn và nhục nhã nhất cho những người lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam, những tác phẩm nổi tiếng lại là những tác phẩm nguyên rửa tội ác của Cộng Sản đúng nhất và hay nhất, điển hình như TRUYỆN KÊ NĂM 2000 của nhà văn Bùi Ngọc Tấn và ĐÊM GIỮA BAN NGÀY của nhà văn Vũ Thu Hiền. Nhưng có lẽ tôi sai khi bảo họ đau đớn và nhục nhã. Vì rằng bọn họ là những người không có trái tim. Không có trái tim của CON NGƯỜI. Bọn họ là những con vật người có trái tim của loài thú ăn thịt đồng loại. Rất rõ ràng, những người Cộng Sản Việt Nam đang ăn thịt đồng loại là nhân dân của họ. Lịch sử không thể viết khác đi về bọn lãnh đạo Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam 25 năm qua. Họ là những con thú ăn thịt đồng loại. Không nói thế. Phải nói, họ là những con thú chỉ biết ăn thịt người. Vì rằng, những nạn nhân của chúng không chấp nhận cho chúng đồng loại.

Giữa Paris tôi đâu muốn hành hạ tôi bằng những ví von, so sánh đau đớn là thế. Giữa Paris tôi cũng muốn cười. Giữa Paris tôi cũng muốn vui. Giữa Paris tôi cũng muốn enjoy quá đi chứ. Nhưng tôi không thể cười (tôi chỉ cười một nửa), nhưng tôi không thể vui (tôi chỉ vui một nửa), nhưng tôi không thể enjoy (thế nào là enjoy) giữa Paris. Vì lẽ, Paris quả là hình ảnh của Sài Gòn. Mà Sài Gòn là Việt Nam. Mà một Việt Nam đang dẫu sôi lửa bỏng

buộc mình phải đứng ngồi không yên. Làm sao mà cười, làm sao mà vui, làm sao mà enjoy cho được?!

Hai mươi lăm năm làm kẻ ngoại cuộc, không được dự phần làm chủ đất nước mình, thì đã trải qua 9 năm tù ngoài và bảy năm lưu vong biệt xứ. Giữa Paris những ngày này, tôi được hít thở không khí Sài Gòn, dầu chỉ là tưởng tượng, cũng giúp mình đôi chút khỏa lấp nỗi nhớ, chờ mong. Cảm ơn Paris. Cảm ơn những vỉa hè Paris rất Sài Gòn. Cảm ơn những khu phố, mái ngói, những ngã năm, ngã sáu, ngã bảy của Paris rất Sài Gòn. Cảm ơn cả những đồng rác, những con chuột chết, những vũng nước khai khai của Paris cũng rất Sài Gòn. Cảm ơn những phen đời lâm lũ trong đêm của Paris cũng rất Sài Gòn. Dù thế, tuy nhiên tôi không thể cúi xuống hôn mảnh đất Paris rồi bảo rằng tôi đang hôn lên mảnh đất Sài Gòn/ Việt Nam. Vì theo tôi, điều này là quá đáng, nếu không nói là dối trá. Tôi ghét sự dối trá.

Điều tôi còn nhớ mãi tới hôm nay, là vào buổi chiều cuối cùng của hai ngày Đại hội công bố Hiến Chương, sau khi tôi lên phát biểu bài tham luận, lúc trở xuống hội trường, một vị trí thức trong số những người tham dự ngồi bên cạnh tôi hỏi: “Tiền đâu cho các anh hoạt động? Các anh tin là các anh có thành công hay không? Tôi biết rõ, qua thái độ và giọng nói, là vị trí thức này hỏi với sự thành thực, có lòng quan tâm, chứ không phải với thái độ mỉa mai. Vì thế tôi trả lời như sau:

- Thưa anh, về mức độ thành công, nhiều hay ít, chúng tôi chưa thể biết trước được... nhưng chúng tôi làm với một lòng tin là **CHÚNG TÔI LÀM ĐÚNG**. Và lại, trong bối cảnh tình hình thế giới, xu thế dân chủ toàn cầu đang trên đà nở rộ và những chế độ phản dân chủ lại trên đà cáo chung. Thêm

vào đó, những báo hiệu cho thấy, chế độ Cộng Sản Việt Nam không thể tồn tại trong một thời gian ngắn. Việc làm của chúng tôi như góp thêm một bàn tay xô sập căn nhà mục nát hay bức tường sắp xiêu vẹo. Thêm nữa là, chúng tôi làm theo lương tâm của một người công dân yêu nước và sự thôi thúc của tiếng gọi con tim của một người trí thức. Còn như vấn đề tài chánh, tôi không nghĩ là khó khăn. Khi mình làm Đúng, làm Tốt, với một bàn tay Sạch, quần chúng, nhân dân, quý Mạnh Thường Quân trên toàn Thế giới sẽ tiếp sức ủng hộ mình. Thưa anh, ngồi chờ có tiền và chờ đủ tiền. Không bao giờ có. Phải nghĩ rằng, nhất định thành công mới làm, sẽ không bao giờ có những cuộc Cách Mạng. Cách Mạng không bao giờ vô ích. Vì rằng, chính sự thất bại của Cách Mạng hôm nay cũng lại là MỘT BÀI HỌC VÔ GIÁ cho ngày mai, cho hậu Thế Hệ, cho những cuộc Cách Mạng trong tương lai.

Xin phép quý bạn đọc cho tôi được dùng đoạn trả lời trên đây làm phần kết luận cho bài viết này. Cảm ơn mọi người tôi đã gặp ở Paris. Cảm ơn Paris đã cho tôi sống và hít thở không khí Sài Gòn/ Việt Nam trong những ngày nhớ nước thương nòi ruột đau đời đoạn.

Xin cho tôi được chết giữa Sài Gòn/ Việt Nam không còn Cộng Sản.

(Paris 26-11-2000,  
Hartford 7-1-2001)

**TRẦN TRUNG ĐẠO,**  
**NHÀ THƠ CỦA 2 MÊ HUƠNG**  
(Tùy - tâm bút)

Anh Trần Trung Đạo thân mến,

Cách nay vừa tròn 25 năm, khi đó đơn vị tôi đóng đồn tại Phan Thiết, nhân một kỳ nghỉ phép thường niên sau những ngày trận mạc, tôi về Sài Gòn, để thăm anh em, bạn bè trong giới văn nghệ và nhân tiện nhận tiền nhuận bút ở các tòa soạn.

Nơi tôi ghé đầu tiên là tòa soạn tuần báo *Khởi Hành* của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội. Ngay khi tôi vừa bước vào, trước mặt Viên Linh là 10 nhà văn nữ đang nằm trên mặt bàn.

Anh Viên Linh hỏi tôi là bạn muốn ôm bà nào, ôm giùm tôi một bà. Viên Linh nói rõ hơn: “*Tôi đang định làm một số báo Đặc Biệt Về 10 Nhà Văn Nữ, bạn viết giùm tôi một bà. Té ra là vậy*”.

Trước mặt tôi là Túy Hồng. Tập truyện ngắn *Thở Dài* của bà nằm gần tôi nhất. Thế là tôi ôm Túy Hồng. Thế là nửa đêm đầu hôm tôi làm việc bằng mắt với *Thở Dài* và nửa đêm về sáng, tôi làm việc với chiếc máy đánh chữ. Với nó, THỞ DÀI, đứa con tinh thần đầu tiên của Túy Hồng.

Nhân đây, tôi cũng xin nói với anh về Đứa Con Đầu Tiên. Nó quan trọng vô cùng, nó ảnh hưởng vô cùng suốt cuộc đời cầm bút của người chọn văn chương làm trò chơi. Nó là tâm huyết, là cái thực nhất. Bản ngã anh, nhân cách anh, văn phong anh, tương lai định hình đi lên từ đó...

Nhưng nó cũng đi xuống, bết mạc cuộc đời, từ đó. Sao không nghĩ như thế.

Tất cả là tại anh, do anh, chính anh, chứ không phải tại ai khác, quyết định.

Có thể đó là sự dễ dãi, tự mãn của chính anh.

Hoặc giả, anh chịu khuất phục trước các thế lực ma quái, bệnh hoạn hay bị mua chuộc bằng tiền hay đàn bà (ôi đàn bà !). Khó khăn vô cùng, nhưng cũng vẻ vang vô cùng, là cái nghề cầm bút dững cảm và lương thiện, có lý tưởng.

Anh Trần Trung Đạo, tôi tin ở anh, khi có trong tay tập thơ đầu tiên (đứa con tinh thần đầu tiên) của anh: *Đổi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười*.

Từ ngày ôm Túy Hồng, mãi tới 25 năm sau, tôi mới được ôm anh. Túy Hồng tôi viết, theo đơn đặt hàng của Viên Linh, tôi viết cho anh theo sự thôi thúc của trái tim tôi. Một trái tim đồng cảm với trái tim anh.

Liệu rồi 25 năm sau nữa, có người nào khác để cho tôi ôm không nhỉ? Hay khi đó tôi đã ôm giun đế, giòi bọ, thằn lằn, rắn rít, mối mọt, cỏ cây, và hòa tan trong đất cát, bụi bặm.

Hư vô. Hư vô.

Amen.

Thôi thì, đúng hẹn lại lên, vừa tròn 25 năm, giờ tôi ôm Trần Trung Đạo vậy.

## MỘT

Những ngày đầu tiên đặt chân lên đất Mỹ, công việc thứ hai tôi làm (sau công việc thứ nhất là liên lạc với Hội USCC để lo hoàn tất những thủ tục giấy tờ cần thiết cho một khoảng đời tị nạn, cũng như nắm được trong tay cái Medicaid và Foodstamp là yên chí) là tìm mua, xin, mượn, chôm, chia những tờ báo, tạp chí tiếng Việt xuất bản tại hải ngoại.

Tôi muốn tìm hiểu xem sinh hoạt, không khí của nó ra sao. Mặt mũi, tay chân nó ra làm sao. Đen, trắng, đỏ, vàng ra làm sao. Sáng sủa, lem luốc ra làm sao.

Và tôi đã thất vọng.

Gần 20 năm mất nước, lưu vong, nỗi đau ngút trời, thế mà bộ mặt báo chí chưa phải là bộ mặt chính của Văn học, nhưng nó là bộ mặt nổi nhất, để qua đó người ta thăm định một nền Văn học.

Và tôi đã thất vọng.

Cuộc đấu tranh giải phóng từ bên ngoài thúc đẩy, mà nhân dân trong nước mong đợi, không lóe lên một niềm tin nào.

Quê hương đã nghìn trùng xa cách và trở nên mờ nhạt trong trí nhớ nhiều người. May thay, có một người, qua thơ của hắn ta, nhiều bài của hắn ta, làm tôi lấy lại được niềm tin.

Thì ra, có thể là ta chưa gặp được nhiều, có thể là do mắt ta quá gò, chứ vẫn còn đó, quanh ta, những con người, những tấm lòng, nặng tình với quê hương, dân tộc, đồng bào.

Tôi muốn nói tới nhà thơ Trần Trung Đạo.

## HAI

Sau khi đọc những bài thơ tâm huyết của Trần Trung Đạo rải rác trên các thứ báo mà tôi có được, tôi nảy ra một ý định, là sẽ viết một bài cảm tưởng về thơ của Trần Trung Đạo, với tựa đề: Quê Hương Trong Thơ Trần Trung Đạo.

Nhưng sau đó, khoảng 6 tháng từ ngày đến đây, tôi được gặp Đạo. Tôi được chiêm ngưỡng nhan sắc của chàng, nhan sắc của một thi sĩ (nghe chàng đọc thơ, nghe chàng hát, nhìn chàng đánh đàn, nhìn những bọt bia tan dần trên môi của chàng cùng với đôi mắt chàng xa vắng, dỗi vào hư không, tôi thăm

nghĩ trong bụng, đúng là một đũa tài hoa) nên tôi đổi tựa bài viết là Quê Hương Trong Trái Tim, chứ không phải trong thơ Trần Trung Đạo. Vâng, Quê Hương Trong Trái Tim Trần Trung Đạo.

## BA

Người gọi điện thoại cho tôi lúc một giờ sáng (vì biết tôi đi làm về lúc 12 giờ 30) là Trần Trung Đạo. Tôi hỏi lại là có phải nhà thơ Trần Trung Đạo hay không.

Anh ta nói dạ phải.

Tôi nói, xin chào nhà thơ của quê hương. Và tôi hỏi tiếp, vậy bây giờ ông ở đâu. Từ đó tôi biết chàng ở sát nách tiểu bang với tôi, khoảng cách hai giờ xe chạy, là Massachussettes.

Tôi nói, Đạo ơi, tôi gọi anh là một con chó nhé. Đạo nói, anh muốn gọi con gì cũng được. Tôi nói Sê-Kốp nói đó, chứ không phải là tôi. Sê-Kốp, nhà văn bậc thầy của Nga về truyện ngắn.

Sê-Kốp nói thế này: *“Mỗi nhà văn (nhà thơ) là một con chó. Muốn được nổi tiếng, hẳn phải tự tạo cho mình một tiếng sủa riêng. Tiếng sủa của nó phải khác lạ hơn, nổi bật hơn giữa một rừng âm thanh là tiếng chó sủa”*.

Con chó Đạo, tôi nói nằm trong ý nghĩ mà tôi đã “cuỗm” cái ý của Sê-Kốp.

## BỐN

Những chữ vô nghĩa, những câu vô nghĩa dẫn tới những bài thơ phù phiếm. Những bài thơ phù phiếm, liệu cuộc đời có cần thiết những bài thơ phù phiếm. Câu trả lời chắc hẳn là không.

Vì rằng, có nó hay không có nó, những bài thơ phù phiếm, thì cuộc đời vẫn vậy.

Hoa vẫn nở, chim vẫn hót, người người vẫn yêu nhau.

Vậy thì, có nên để những bài thơ như thế tồn tại, có mặt, bên cạnh đời sống chúng ta hay không? Câu trả lời chắc chắn cũng là không.

Vậy chúng ta hãy hủy diệt nó, hãy ám sát nó, hãy bóp cổ nó. Hãy đưa nó lên máy chém, ghế điện. Hãy cho nó vào phòng hơi ngạt. Hãy gì nữa nhỉ? Mà dù, hãy gì gì đi nữa, thì chúng ta cũng phải đấu tranh, không cho nó có quyền tồn tại, bên cạnh đời sống chúng ta.

Những bài thơ phù phiếm, làm bần mắt mọi người, hôi thối cuộc đời, làm rên ràng sự sống.

Chúng làm cản trở bước đi bước đi lên của những bài thơ tuyệt diệu, tuyệt vời, tuyệt tác, tuyệt đỉnh.

Tuyệt, tuyệt và tuyệt.

Những bài thơ phù phiếm. Hãy oán ghét nó. Hãy lạnh lùng với nó.

Hãy cúp, cúp, cúp.

Hãy cúp hết nước uống, nước rửa, nước giặt...

Hãy tới luôn bác tài, cúp cả xế con, xế cha, xế ông nội, tàu bò, tàu lặn, máy bay, phi thuyền.

Ngay cả khí trời, khí đất, cũng không cho.

Thế mà, nó cũng chưa chết hả, hỡi lũ phù phiếm.

Thì hãy chặt tay, chặt chân. Không cho nó bò, không cho nó chạy, không cho nó đi, không cho nó đứng, không cho nó động đậy. Không cho nó. Không cho nó. Không cho nó.

Riêng thơ Trần Trung Đạo thì hãy cho nó sống.

Không phải là tha cho nó như thái độ ban ơn, kẻ cả. Mà bôn phận chúng ta là phải làm cho gã sống.

Thơ của gã, làm cho tiếng chim hót hay hơn, làm cho hoa nở rực rỡ và thơm hương ngây ngất hơn.

Bởi vì gã, đích thực là một thi sĩ.

Thi sĩ là một nhà tiên tri.

Có người nói như thế.

Nhưng rất nhiều người khác lại nói: thi sĩ là một phát ngôn viên cho trái tim mọi người. Tôi là một trong rất nhiều người ở phần sau.

Gã là người thay mặt mọi người nói lên nỗi đau: Mất Quê Hương.

Nhưng gã cũng thay mặt mọi người báo hiệu niềm tin ngày trở lại. Mùa xuân nào ta về.

## NĂM

Người làm thơ, ngay cả có lúc họ tự nhận mình là thi sĩ, tôi đã đọc một số thơ của họ, nhiều lúc tôi thấy khó chịu (hay tại tôi ngu) là ở chỗ, đọc câu hai, quên câu đầu, đọc ba câu, quên hai câu. Đọc xong cả bài, không hiểu họ muốn nói cái gì. Trớt quớt.

Tôi thấy Đạo thoát được “tai nạn” này trong thơ anh. Tôi nghĩ kỹ, chợt có ý tưởng, là mỗi bài thơ của Trần Trung Đạo là một truyện ngắn rút gọn, cả tập thơ của Đạo là một trường thiên tiểu thuyết rút gọn.

Bạn đọc không tin tôi, hay cho rằng tôi nói hơi quá, xin hãy tìm đọc thơ của Đạo, anh sẽ thấy trong đó đầy đủ mọi bi kịch, thảm kịch Việt Nam trong một giai đoạn cùng cực đau thương, mà đến như cột đèn nếu biết đi, nó cũng chạy trốn.

Qua thơ của Đạo, anh sẽ thấy, một chàng trai chưa qua tuổi 40, mà đã có 20 năm mất quê hương.

Anh sẽ thấy, một chàng thanh niên đang thời sung mãn nhất, giữa một xã hội vật chất chi phối toàn bộ đời sống, và sách báo, tranh ảnh khỏa thân và phim sex tùm lum tà la, thế mà chàng vẫn ngày đêm trần trở, xót xa, băn khoăn, thao thức về nỗi

nhớ quê nhà và niềm đau dân tộc qua từng hơi thở của thi ca.

Do vậy, nếu tôi nói, thơ Trần Trung Đạo là trái tim, buồng phổi, là máu là xương, là thịt, là mồ hôi, nước mắt, hơi thở của chàng, thì cũng không có gì là quá đáng.

## SÁU

Tôi nghĩ, biết đâu có người sẽ cho rằng tôi đang bóc thơ của Trần Trung Đạo lên tận mây xanh, trong lúc thơ của Đạo chỉ mới là đà mặt đất.

Không.

Thơ của Đạo là thơ của mặt đất, của những con người và số phận có thật ở ngay chính trên mặt đất. Thơ Trần Trung Đạo gần gũi với chúng ta là vì thế.

## BẢY

Viết về thơ Trần Trung Đạo, tại sao tôi không trích dẫn câu thơ nào, bài thơ nào của Đạo ra đây. Điều này tôi cố làm như vậy, một việc làm không giống ai.

Bởi lẽ, trích ra, biết mấy cho vừa. Trích nhiều hay toàn bộ, thì điều này nên dành cho tương lai, 10 hay 20 năm sau, khi nước nhà được Tự Do, Dân Chủ, không còn Cộng Sản, khi viết về dòng Văn học Việt Nam Lưu vong Hải ngoại, thế nào mà chẳng có cô hay cậu sinh viên nào đó chọn thơ Trần Trung Đạo làm luận văn ra trường.

Một người yêu thơ Trần Trung Đạo là đại úy Võ Văn Hanh, qua Mỹ, diện H.O đã kết luận về thơ của Đạo như sau, tôi xin mượn nó để kết thúc bài viết này: *“Thơ Trần Trung Đạo là thơ chung cho mọi người trước nỗi bất hạnh của quê hương, trước sự*

*cai trị bạo tàn của Cộng Sản. Trước cảnh lâm nguy của đất nước và dân tộc, lúc nào cũng có hai hạng người. Người có tâm hồn yêu nước, thì ngày đêm nung nấu lửa căm hờn chờ ngày phục quốc. Còn người vô tình với nước thì làm ngơ, sống ích kỷ, chỉ lo cho lợi lộc bản thân.*

*Thơ Trần Trung Đạo, nếu người yêu nước đọc thì nước mắt ướt bầu, lửa căm hờn cháy lên dữ dội. Còn những kẻ thờ ơ thì cúi đầu hổ thẹn.*

*Nhà thơ Trần Trung Đạo là nhà thơ của dân tộc trong giai đoạn lịch sử này”.*

Lê Mai Lĩnh

(trích *Tuyển Tập Lê Mai Lĩnh*, 2015)

# **DIỄN VĂN TỪ CHỐI GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG**

Thi sĩ, nhà văn, nhà báo  
Lê Mai Lĩnh

Kính thưa loài người trên toàn Thế giới, không phân biệt gái, trai, già, trẻ, quốc tịch, tôn giáo hay màu da. Không phân biệt cao, thấp, nặng, nhẹ, còn chồng, còn vợ hay góa vợ góa chồng.

Nhưng với những tên độc tài Công Sản, dù đã chết hay còn sống, thì hãy biến ngay tức khắc, không được lảng tai nghe những lời ngọt ngào, tôi sẽ nói, tôi sẽ phát.

Kính thưa NGÀI chủ tịch hội đồng giám khảo và quý phu nhân xinh đẹp, duyên dáng và ngọt ngào như mía lau. Kính thưa quý vị trong hội đồng giám khảo và quý phu nhân cũng vậy, xinh đẹp, duyên dáng và ngọt ngào như chuối cau.

Kính thưa tất cả quý vị còn lại trong hội trường uy nghi, diễm lệ, hơn hẳn ngôi nhà thi sĩ đang cư trú tại thành phố Pittsburgh của nước Mỹ còn gọi là Hoa Kỳ.

Vâng, tôi là LÊ MAI LĨNH, một thi sĩ, nhà văn thứ thiệt với 66 năm cầm bút và đúng 23 tác phẩm đã "ném" vào cuộc đời cùng với đúng 30 năm lưu vong, từ sau ngày CỘNG SẢN BẮC VIỆT cưỡng chiếm miền NAM vào ngày 30-4-1975.

Tôi xin thành thật, hiên ngang, hùng dũng, cao đầu, để thông báo cũng quý vị rằng:

**TÔI ĐẾN ĐÂY ĐỂ XÁC NHẬN RẰNG, TÔI  
TỪ CHỐI NHẬN GIẢI THƯỞNG NOBEL VĂN**

CHƯƠNG, chứ không phải ĐỀ NHẬN GIẢI  
THƯỜNG VĂN CHƯƠNG NOBEL.

Kính thưa toàn thể quý vị,  
Sau đây là HAI LÝ DO để tôi TỪ CHỐI NHẬN  
GIẢI.

Lý do thứ nhất:

- QUÝ VỊ QUÁ MUỘN MÀNG KHI QUYẾT  
ĐỊNH TRAO GIẢI CHO MỘT NHÀ VĂN VIỆT  
NAM.

Lý do thứ hai:

- TÔI KHÔNG XỨNG ĐÁNG LÀ MỘT NGƯỜI  
CẦM BÚT VIỆT NAM ĐỂ NHẬN GIẢI.

Kính thưa toàn thể quý vị,

Tôi xin được phép nói rõ, nói dài, nhưng không  
nói dzai, những điều tôi muốn nói.

Thời kỳ phát triển và lớn mạnh là đỉnh cao của  
văn học miền Nam VIỆT NAM, là vào giữa thập  
niên 1950, và kéo dài tới ngày 30-4-1975, là lúc  
chúng tôi gặp nỗi bất hạnh của lịch sử, phải tạm  
thời rút lui.

Trong khoảng thời gian đó, nhờ chế độ chính trị  
TỰ DO, DÂN CHỦ, nhờ XÃ HỘI THỊNH  
VƯỢNG, AN BÌNH, nên nền văn học miền NAM  
đã PHÁT TRIỂN VỚI NHỮNG ĐỈNH CAO MỚI,  
LẠ và SUNG MẪN.

Chính vào thời gian đó, VĂN CHƯƠNG miền  
NAM VIỆT NAM đã xuất hiện NHỮNG NHÀ  
VĂN, NHÀ THƠ LỚN, với NHỮNG TÁC PHẨM  
MANG TẦM THỜI ĐẠI, NGANG BẰNG VỚI  
THẾ GIỚI.

Những VÕ PHIÊN, MAI THẢO. THANH TÂM TUYỀN, DOÃN QUỐC SỸ, VŨ KHẮC KHOAN, NGHIÊM XUÂN HỒNG, TÔ THUY YÊN, DƯƠNG NGHIÊM MẬU, QUÁCH THOẠI, NGUYÊN SA... là NHỮNG NHÀ VĂN VIỆT NAM KHÔNG THUA GÌ NHỮNG NHÀ VĂN THẾ GIỚI, MÀ QUÝ NGÀI ĐÃ TRAO GIẢI.

Những ĐÊM GIÃ TỪ HÀ NỘI, THÁNG GIÊNG CỎ NON, CĂN NHÀ VÙNG NƯỚC MẶN, BẢN CHÚC THƯ TRÊN NGỌN ĐỈNH TRỜI, NGƯỜI ĐÀN BÀ TRONG VÀNH ĐAI TRẮNG... (Mai Thảo).

Những NGƯỜI VIỄN KHÁCH THỨ MƯỜI (Nghiêm Xuân Hồng), THÀNH CÁT TỪ HẸN (Vũ Khắc Khoan), CÁT LẦY, TÔI KHÔNG CÒN CÔ ĐỘC... (Thanh Tâm Tuyền), GIA TÀI CỦA MẸ, ĐẦY TUỔI TÔI (Dương Nghiễm Mậu), Thơ QUÁCH THOẠI, Thơ NGUYÊN SA, Thơ TÔ THUY YÊN...

Những tác giả đó, những tác phẩm đó của thời kỳ văn học rực rỡ đó của miền NAM VIỆT NAM, sao các ngài KHÔNG NGHE THẤY, KHÔNG NHÌN THẤY, KHÔNG NGŨI ĐƯỢC, KHÔNG CHẠM VÀO ĐƯỢC?

Tôi biết và tôi đang nguyên rủa quý vị.

Hẳn là quý vị XEM THƯỜNG VĂN CHƯƠNG NHƯỢC TIÊU nói chung và VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM nói riêng?

Rằng thì là, quý vị xem văn chương chúng tôi là HÈN MỌN, là thứ bỏ đi, LÀ THƯ ĐỨNG BÊN LỀ VĂN CHƯƠNG THẾ GIỚI?

LÊ MAI LĨNH tôi xin thông báo cũng quý vị và xác quyết một điều là:

Có thể và chắc chắn là về QUÂN SỰ, Y KHOA, KINH TẾ, chúng tôi thua các nước tiên tiến, các nước có sự phát triển hơn, nhưng trong lãnh vực VĂN CHƯƠNG, CHƯA BIẾT MÈO NÀO CẢN MỈU NÀO.

Việt Nam chúng tôi, văn chương KHÔNG THUA gì thế giới. Có một điều hấn quý vị KHÔNG THỂ CHỐI CẢI, đó là:

Có nhiều năm, vì áp lực chính trị, kinh tế hay tôn giáo, quý vị đã TRAO NHỮNG GIẢI THƯỜNG NĂM NGOÀI TIÊU CHUẨN VĂN CHƯƠNG.

Chính vì điều đó, nên có những tác giả, tác phẩm, được trao giải, CHỈ MỘT THỜI GIAN NGẮN SAU, ĐỘC GIẢ KHÔNG CÒN NHỚ TỚI, ĐÃ ĐI VÀO QUÊN LẶNG.

Thử hỏi, trong ngàn ấy năm trao giải đến nay, có được BAO NHIÊU TÁC GIẢ, TÁC PHẨM TÔN TẠI?

Điều đó đủ nói lên sự HẠN HẸP, SAI LẦM, từ sự QUYẾT ĐỊNH CỦA QUÝ NGÀI.

Mãi tới giờ này quý vị mới trao giải NOBEL VĂN CHƯƠNG cho thị sĩ/nhà văn LỄ MAI LĨNH, đại diện cho văn giới VIỆT NAM, các ngài đã phạm hai sai lầm:

MUỘN MÀNG về thời gian và CHỌN KHÔNG ĐÚNG NGƯỜI.

Lý do thứ hai tôi từ chối:

Xét rằng, trước tôi, vào thế kỷ văn chương VIỆT NAM rục rĩ, đỉnh cao chói lọi với những VÕ PHIẾN, MAI THẢO, THANH TÂM TUYỀN, VŨ KHẮC KHOAN, NGHIÊM XUÂN HỒNG, DƯƠNG NGHIÊM MẬU, DOÃN QUỐC SỸ, TÔ

THÙY YÊN... là những THI SĨ/ NHÀ VĂN xứng đáng hơn tôi.

Nay cũng vậy, sau lưu vong 40 năm, văn chương VIỆT NAM cũng còn tồn tại những cây viết, so với tôi, họ vẫn là đàn anh, bậc thầy, nên tôi xin dành giải thưởng này cho những tác giả đó, tùy các ngài thẩm định, ngoài tôi.

Một đề nghị, nếu có thể, xin quý ngài hãy TRUY TẶNG GIẢI THƯỞNG CHO NHỮNG NHÀ VĂN VIỆT NAM ĐÃ CHẾT, XÉT THẤY LÀ XỨNG ĐÁNG.

Nếu cho tôi cái quyền được đề nghị, tôi xin đề nghị 3 người: VÕ PHIẾN, MAI THẢO, THANH TÂM TUYỀN.

Kính thưa toàn thể quý vị,

Đêm đã khuya, nhiều người đã ngủ gà ngủ vịt.

Tôi xin ngừng nói.

Kính chúc toàn thể quý ngài và quý phu nhân một đêm MÁT TRỜI ÔNG ĐỊA.

Ngày mai tôi sẽ rời nơi đây.

Nếu vì những điều nói thẳng, nói thật của tôi mà quý ngài thu hồi vé máy bay, tôi sẽ bơi qua 4 biển và đi bộ qua 5 châu, đề về với các chiến hữu và đồng bào tôi, để tiếp tục cuộc chiến đấu GIẢI TRỪ CHẾ ĐỘ CÔNG SẢN VIỆT NAM.

Trân trọng kính chào toàn thể loài người trên thế giới. Trân trọng kính chào quý vị và quý phu nhân, ngọt ngào như chuối cau, mía lau.

Lê Mai Lĩnh

**LÊ MAI LĨNH, NGƯỜI CHƠI BÚT  
CHƠI CHƠI**

Nguyễn Hữu Thời  
(nhà thơ, văn, họa sĩ, dịch giả)

Là hậu sinh, tôi không biết Sương Biên Thùy là ai. Trước năm 1975, tôi cũng chưa từng đọc thơ ông, dù cái tên thì rất quen thuộc.

Mấy năm gần đây, nhờ Facebook, thì tôi biết Lê Mai Lĩnh là một thi sĩ chơi chơi.

Tôi còn biết thêm là Sương Biên Thùy cũng chơi chơi như Lê Mai Lĩnh. Hai người là một. Nhất thể. Trước cũng như sau.

Gọi ông là con người chơi chơi như Elexis Zorba cũng được; nhưng ông còn “ngon” hơn thế: ông là thi sĩ chơi chơi. Cái vụ thi sĩ này thì ông thành công.

Thơ ông được nhiều người đọc và ưa thích. Nhưng... chưa hết; ông còn “ngon lành” hơn thế. Ông còn muốn làm chính trị nữa! Cái vụ chơi chơi này thì ông... thất bại! Nên ông tự nhận mình là “thi sĩ khùng”! (?)

Lê Mai Lĩnh chơi chơi cỡ nào? Xin thưa: cỡ “mút mùa Lê Thùy”, “sát háng Mỹ Châu” như cách anh em lính tráng Việt Nam Cộng Hòa hồi xưa vẫn nói.

Hồi xưa đó, Lê Mai Lĩnh cũng là lính, lính chơi chơi. Sĩ quan QLVNCH, xuất thân từ lò Thủ Đức, khóa 1/68, trung úy CTCT chó đầu phải dờ. Ông là siêu huynh trưởng của tôi, một đàn em xa lắc ở phía sau.

Bây giờ, Lê Mai Lĩnh vẫn còn chơi. Vẫn chơi chơi. “Chơi chơi, chơi tới cùng, giăng mừng ngủ tới sáng”. Chơi thế mới đã.

Nhưng... từ tập thơ đầu tay in năm 1963 có tựa *Nỗi Buồn Nhược Tiểu*, ký tên Sương Biên Thùy, cho đến tập thơ gần đây nhất là *Chân Dung Người Linh Thi Sĩ Miền Nam* dưới tên Lê Mai Lĩnh (NXB Nhân Ảnh, 2023), số sách đã xuất bản của ông đã lên đến 20 cuốn bao gồm thơ, văn, tiểu luận... nhưng Lê Mai Lĩnh vẫn chưa thấy đã.

Ông còn đang chơi tiếp. Sẽ là một tác phẩm “có một không hai” có tựa là *Một Ngàn Trang Sách, Một Trăm Nhà Văn Nhà Thơ*.

CUỘC PHẬU THUẬT VĂN CHƯƠNG. Một tác phẩm “vô tiền khoáng hậu”. Nhiều người nhận định, không phải tôi nịnh ông.

Đọc thơ Lê Mai Lĩnh thì không biết bao giờ mới hết. Tôi lại không có trong tay cuốn nào. Thôi thì hãy nói chút ít về cái sự chơi của Lê Mai Lĩnh.

Ra trường Thủ Đức chưa bao lâu, năm 1969, chuẩn úy Lê Văn Chính (tức Sương Biên Thùy) đã có cuộc bút chiến trên báo *Khởi Hành*, với nhà văn Mặc Đỗ về “*Mặc cảm Ka-ki*”. Rồi, ông lại “gây sự” cả với nhà văn, nhà báo gạo cội Uyên Thao của báo *Sóng Thần*.

Theo tôi biết, ngoại trừ một ít nhà văn nhà thơ “phản chiến” có thể có hay không cái gọi là “mặc cảm Ka-ki” như Mặc Đỗ đã nêu, riêng Sương Biên Thùy thì không.

Ông sống thẳng thắn, trung thực, luôn nói lên điều mình muốn, mình nghĩ. Nói thật, không giả dối.

Còn chuyện Ka-ki, không những không mặc cảm mà ông còn tự hào về bộ quân phục đó nữa.

Đất nước qua phân, gia đình ông chia rẽ: cha ông “thoát ly” theo Cộng Sản, còn anh em ông là những

lính chiến hào hùng của Việt Nam Cộng Hòa, như ông không ngần ngại công khai:

*... Mẹ tôi tần tảo một mình nuôi 4 người con  
từ ngày chồng tham gia kháng chiến  
Nhờ thế chúng tôi lớn khôn.*

*Ba người anh của tôi,  
Một người đi lính Biệt Động Quân,  
Một người đi Thủy Quân Lục Chiến,  
Một người đi Biệt Kích Dù.*

*Còn tôi, ngành Chiến Tranh Chính Trị...*

*(Bản cáo trạng hay Thư gửi tên tù nhân của  
lịch sử)*

Trong lúc chiến tranh đang ác liệt với những tang thương, đổ vỡ diễn ra hàng ngày, ông thấy làm lính là chưa đủ. Ông muốn làm chuyện lớn hơn: làm chính trị.

Năm 1971, thiếu úy Lê Văn Chính tự ứng cử (đơn danh) vào Hạ Nghị Viện (gọi là dân biểu) ở đơn vị Bình Thuận là nơi ông phục vụ. Ông thất cử, dù theo dư luận lúc đó thì bài nói chuyện vận động tranh cử của ông, được phát trực tiếp trên Đài truyền hình Sài Gòn, là bài nói chuyện hay nhất.

Biết làm sao đây? Chính trị thì lắt léo và thủ đoạn, những cái mà ứng cử viên quân nhân Lê Văn Chính không có. Dù sao, đây là một việc làm rất chịu chơi.

Ông trở về làm lính và làm thơ, như ông đã làm từ năm 15 tuổi. Thơ Lê Mai Lĩnh bao trùm mọi chủ đề, thể loại. Có vẻ ông thích thơ tự do, tự do như mọi thứ tự do trên đời này. Thơ ông là con người ông: phóng túng, ngang tàng, quyết liệt một cách hồn nhiên.

Dù là thơ tình, thơ lính, thơ tù, thơ tranh đấu... Bài thơ nào của ông cũng tuôn trào như những dòng nước đổ xuống từ một ngọn thác. Bài thơ nào cũng

rất dài. Với giọng điệu trực ngôn, ông luôn nêu bật ý thơ và dường như với ông điều đó mới quan trọng.

Điều muốn nói chứ không phải cách nói. Ông không quan tâm đến kỹ thuật, gieo vần. Chuyện nhỏ!

Mỗi bài thơ của Lê Mai Lĩnh là một dòng chảy cảm xúc, hòa chung với nhiều ý tưởng ngộ nghĩnh, sắc sảo... mà không thiếu thi vị.

Hãy đọc đoạn này:

*... Cảm ơn em,*

*Người đàn bà ngủ muộn,*

*Nhờ em, anh chẳng còn muốn gỡ mũ, tụng kinh,*

*Gỡ mũ thì mỏi tay,*

*Tụng kinh thì mỏi miệng.*

*Anh sẽ vì em,*

*Miệng tay dùng vào việc khác.*

*Cảm ơn em,*

*Người đàn bà ngủ muộn*

*Nhờ em, anh đứng, quỳ, nằm, bò đúng đội hình  
hành quân,*

*Như thời tân binh,*

*Trong quân trường Thủ Đức.*

*Cũng tại em, do em và vì em,*

*Anh hít đất không thua gì thời bị huynh trưởng  
phạt,*

*Khi ra nhà thăm nuôi mà không đi những bước  
khoan thai...*

*(Người đàn bà ngủ muộn)*

Thân thể anh, nếu không đem ra để bò lét trên bãi chiến thuật hay bãi chiến trường, đôi bàn tay anh, nếu không phải ôm cây súng, cái miệng anh, nếu không dùng để hò hét xung phong... mà để dành cho em, với em... thì tuyệt làm sao! Lính nào mà không thích như vậy.

Trước hình ảnh gợi cảm của người đàn bà ngủ muộn:

*... Chẳng giấu gì em, này là bình minh thứ ba  
Anh lặng thâm ngòi nhìn em ngủ nướng,  
Dấu khói thuốc vàng tay, anh đốt hoài không dứt.*

*Hẳn nhiên không thiếu ly cà phê em thường pha cho anh.*

*Trong lặng thâm, khói thuốc, cà phê  
Anh dán mắt vào em, từ mùi ngón chân lên đến từng sợi tóc.*

*Anh nhìn hai trái ngực em nhip nhàng cùng hơi thở vào, ra.*

*Anh nhìn đôi chân em, trái phải, đôi lúc đối thế nằm như một hững hờ, biếng nhác,*

*Anh nhìn và tưởng tượng,  
thảo nguyên em xanh màu lá non,  
Anh nhìn và tưởng tượng,  
mép, bờ con suối em long lánh những giọt phù sa...*

Lê Mai Lĩnh mô tả sự rạo rức của mình:

*... Em, người đàn bà ngủ muộn, vô tâm, thánh thiện,*

*Anh, gã đàn ông người tình ngòi nhìn với những âm mưu đen.*

*Em, người đàn bà ngủ muộn với cõi lòng hồn nhiên trong trắng,*

*Anh, gã đàn ông người tình ngòi nhìn với những ý nghĩ rối bời, mờ đục.*

*Em, người đàn bà ngủ muộn, thản nhiên không ngại trang, giấu che,*

*Anh, gã đàn ông người tình ngòi nhìn, nặng trĩu đôi tay...*

Rồi, Lê Mai Lĩnh, nhờ lòng can đảm, đã “tự thắng”, để mà:

*... Hãy cứ ngủ muộn như thế, nghe em*

*Anh, gã đàn ông người tình ngồi nhìn em ngủ,  
Hãy cứ ngồi nhìn như thế, nghe ta.  
Hai chúng ta là hai đũa thực thà, lương thiện,  
chút chút cù lần,  
Nên lệnh Huru Chiến luôn được tuân thủ...  
Muôn năm em,  
Vạn tuế anh.  
Amen.*

Bài thơ *Người Đàn Bà Ngủ Muộn* kết thúc bằng 2 tiếng Amen gọn ơ. Thật chân thật và thú vị!

Tàn cuộc, Lê Mai Lĩnh, như mọi sĩ quan khác, phải vào trại tập trung. Hơn 8 năm dằng dặc trải qua nhiều nhà tù từ Nam ra Bắc, Lê Mai Lĩnh đã viết nhiều bài thơ nẩy lửa:

*... Ta tù nhân hè, khi nước nhà thống nhất,  
Khi độc lập hè, dân đói quanh năm,  
Ôi đảng quang vinh hè, chỉ hay mồm mép,  
Mấy mươi năm hè, nước chỗ yên nằm...  
... Khi lớn lên nhận tay đời khẩu súng,  
Để sửa sai người anh em khoác áo chiêu bài,  
Nào độc lập, tự do, hạnh phúc,  
Ôi những trò bịp bợm, quái thai.*

*Nào ngờ đâu trong cơn mặc cả,  
Của lũ người mua bán chiến tranh,  
Chúng trao ta vào tay đối nghịch,  
Ôm hận tù đầy, tội phạm chiến tranh.*

*Ta được người mệnh danh giải phóng,  
Đưa xuống tàu từ giã miền Nam,  
Ra tới đây, núi rừng Việt Bắc,  
Tù khổ sai, không được than van...  
(Giao Thừa Năm 37 tuổi)*

Bài thơ này đã được tôi dịch sang tiếng Anh, in trong tập *Thơ Những Người Thua Cuộc - Poems of The Losers*, NXB Sống, Cali, 2019)

Trong tù, ngoài một số rất ít, rất ít... làm antenna cho CS, đa số anh em đều nín nhịn cho qua; nhưng vẫn có vài người cất lên tiếng nói, trong đó có Lê Mai Lĩnh. Tiếng nói ấy thể hiện trong những vần thơ bất khuất:

*... Thân ta chúng nhốt trong lồng sắt,  
Ta thả hồn bay khắp bốn phương,  
Chân, đầu trong cùm gông đau thắt,  
Tìm tự do ta khắp nẻo đường...  
(Vỡ về giấc ngủ)*

Lê Mai Lĩnh lợi dụng chút tự do mà ông tìm được, để... sờ râu chơi:

*... Trong tù, sờ râu là một cái thú,  
Như thú nhận thư nhà, thú xem ảnh vợ con...  
Trong tù, sờ râu và anh thấy hết,  
Thấy nước tang thương, thấy nhà tan tác,  
Thấy khổ ải, oan khiên, thấy trùng trùng uất hận,  
Và thấy mình bất lực, gậm nhấm nỗi buồn,  
đau man mác  
Trong tù, sờ râu và anh nghe biết,  
Nghe nỗi oán than của trăm họ, tiếng rên xiết  
của muôn dân,  
Và nghe thấy mình buốt nhói, đòi đoạn tình hồi.  
Trong tù, sờ râu là một cái thú,  
Cảm ơn râu, cảm ơn râu, cảm ơn râu,  
Râu đã giúp ta qua cơn thống khổ.  
Cảm ơn râu, cảm ơn râu, cảm ơn râu,  
Cảm ơn,  
Râu.*

*(Trong Tù)*

Bài thơ này cũng đã được tôi dịch sang tiếng Anh, trong tập *Thơ Những Người Thua Cuộc - Poems of The Losers*, NXB Sóng, Cali, 2019)

Và nhớ đến đàn con, với lời nhắn gửi đầy yêu thương, cùng lúc thể hiện một ý chí sắt đá:

*... Hãy cho ngoan, dù ăn sắn, ăn khoai,  
Dù ăn rau, ăn cỏ, cũng nên nhìn thẳng,  
Dẫu quanh năm không có miếng thịt nào,  
Cũng phải cố giữ gìn cho thẳng...*

*(Lời bày tỏ cùng các con)*

Đối với các em nhỏ miền Bắc trạc tuổi con ông mà ông gặp trên đường tù di chuyển, ông cũng có những lần “nói chuyện”, thế này:

*... Đây em nhỏ cầm đá ném vào đầu ta,  
Trên đoạn đường gần ga Hà Nội.  
Nếu không nhanh, ta đã u đầu,  
Chắc em buồn, lòng không thơi thới...  
... Đây em bé chu miệng chửi rửa mẹ cha ta,  
Trên đoạn đường gần ga Yên Bái,  
Chắc cô vui vì ta đã nghe,  
Chắc cô buồn vì ta đã cười...*

*(Giao Thừa Năm 37 Tuổi)*

Đi đến một trại tù mới thì vẫn là tiếp tục những cảnh cũ, mà khắc nghiệt hơn:

*...Lung hai chén sắn, phần một bữa,  
Nước muối thôi, liệu đủ cầm hơi,  
Thêm gió chướng, mưa rừng dòn dập,  
Thêm hăm he, đấm đá đủ lời...*

Trong lúc đó, ở bên ngoài, nhà tù lớn, dân chúng cũng đã ăn độn 100% để chia sẻ nỗi cơ cực cùng các ông lính “thua trận”.

Bên trong những nhà tù nhỏ, đã có những người lính hiên ngang, trước cái chết vẫn ngẩng cao đầu.

Lê Mai Lĩnh đã chứng tỏ ông có sự can đảm đó, qua một việc làm rất rất ly kỳ, rất chịu chơi:

Ông viết thư gửi Lê Duẩn, Tổng Bí Thư CSVN, yêu cầu thay đổi “Đường Lối Lãnh Đạo”. Ông còn viết một thư khác gửi Ban Quản giáo, đề nghị cải thiện chế độ ăn uống cho anh em.

Hai lá thư có đến tay người nhận hay không thì không rõ; có điều không có gì thay đổi.

Ông và đồng đội tiếp tục ở tù, có thể là đến... “mút mùa Lệ Thủy”!

Lê Mai Lĩn đã dùng khí phách của mình để nói thay cho những đồng đội của ông, trong hoàn cảnh ngặt nghèo nhất.

Cùng lúc, ông vẫn giữ một tinh thần lạc quan, một niềm tin, để vượt qua nghịch cảnh, và nuôi hy vọng:

*...Chúng không giết được ta sau ngày 30 tháng 4,*

*Chúng không giết được ta trong bóng tối, đôi rét và sự lãng quên,*

*Nơi núi rừng âm u Việt Bắc.*

*Ta đã ra ánh sáng, ta đã về đất sống.*

*Nhất định chúng ta phải thắng.*

*Nhất định chúng ta phải thắng...*

*(Chuyến tàu cuối năm)*

Được phóng thích sau hơn 8 năm tù đầy, ông cùng gia đình rời bỏ quê hương, lên đường đi tỵ nạn.

Phải ra đi, ông cảm thấy như mình có lỗi:

*... Dẫu thế nào tôi cũng phải đi,*

*Đành đoạn ra đi.*

*Thà chọn cho mình một kiếp lưu đầy,*

*Hơn bị lưu đầy trên chính quê hương.*

*Hãy thông cảm và tha thứ cho tôi,*

*Nguyễn Hoàng ơi, Quảng Trị ơi, Việt Nam ơi,*

*(Tạ Lối Với Quê Hương)*

Đó là tiếng kêu thảm thiết của một con chim lạc  
bầy, một đứa con phải rời bỏ quê mẹ để đi xa!  
Để tự an ủi mình, Lê Mai Lĩnh khẳng định:  
*Xin đừng gọi tôi là tên đào ngũ.  
Dù ở nơi nào trên mặt đất này,  
Tôi vẫn không quên, tôi,  
một NHÀ THƠ CHIẾN SĨ,  
Mãi mãi chiến đấu cho QUÊ HƯƠNG và TỰ  
DO...*

*(Tạ Lỗi Với Quê Hương)*

Quê hương đó của ông, mà ông phải đứt ruột bỏ  
lại, là Việt Nam, là Quảng Trị, “đứa em út xa xôi”  
ở tận địa đầu đất nước, vùng đất khổ của chiến tranh  
Việt Nam.

Hãy nghe ông mô tả thành phố tội nghiệp đó:

*... Thành phố nhỏ như một bàn tay,  
Mà năm ngón là những đại lộ.  
Và phố xá, đường làng, ngõ quê, xóm vắng,  
Là những đường chỉ tay đan kết vào nhau,  
Nhớ như in từng địa chỉ ngôi nhà,  
Từng khung cửa sổ, ngọn đèn học thi.  
Nhớ từng khuôn mặt, từng dáng đi,  
Từng mái tóc vờn bay trong gió,  
Từng tà áo thướt tha đầu ngõ,  
Vành nón lá nghiêng nghiêng...  
*(Tạ lỗi với quê hương)**

Như thế đó. Nếu là cảm xúc đối với quê hương,  
gia đình... giọng thơ của ông mềm mại hẳn.

Nếu là tình yêu dành cho người vợ tào khang,  
giọng thơ ông còn... tình cảm hơn nữa. Rất đối dụ  
dàng:

*Anh không thể không nói lời cảm ơn em,  
Vì anh luôn nhớ kẻ trồng cây ăn trái,*

*Anh không thể không nói lời cảm ơn em,  
Vì chính em, đã giúp anh hiểu thế nào là sự  
sống.*

*Em đến thăm anh một chiều mưa,  
Không quên hôn xuống nỗi cô đơn anh một thời  
lận đận*

*Nếu còn nước mắt chắc anh đã khóc,  
Nhưng than ôi! Nước mắt đã không còn.*

*Khi em về trời vẫn còn mưa,*

*Hay trời khóc dùm anh, cảm ơn em, nụ hôn  
dịu ngọt.*

*Nụ hôn em hay lượng trời ban xuống,  
Mà trong anh cuộc phục sinh rất đổi  
ngoan cường.*

*Em đi rồi, anh ngồi lại một mình,*

*Ngồi lại. Một mình, anh thấy đời lạ hoắc,*

*Em đi rồi, anh ngồi lại một mình,*

*Ngồi lại. Một mình, anh thấy đời đổi khác.*

*Anh không thể không nói lời cảm ơn em,*

*Người tình muộn cuối đời anh phải sống.*

*Anh phải nói lời cảm ơn em,*

*Người tình đầu yêu cuối đời, anh phải chết.*

*(Một chiều mưa)*

Đó! Lê Mai Lĩnh đâu có... “khùng khùng”,  
“tung tung”. Trái tim ấy phải đầy ắp yêu thương gia  
đình, vợ con, bạn bè, làng xóm, quê hương, đất  
nước... thì mới có những bài thơ tha thiết như vậy.

Lê Mai Lĩnh thích bông đùa.

Ông là con người chịu chơi, sống, yêu và chơi...  
văn nghệ hết mình, luôn luôn với một tinh thần lạc  
quan và óc khôi hài sẵn có đã giúp ông vượt qua  
khổ nạn.

Ông là vậy mà!

Còn nói về tài năng thì đã hần.

Ông còn khẳng khái: *“Con người có thể thua cuộc ở một giai đoạn nào đó, vì những đối trá, bạo tàn, nhưng cuối cùng con người luôn luôn là kẻ chiến thắng”*.

Trước tôi, đã có năm ba chục người: nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình, độc giả... viết về thơ văn và con người Lê Mai Lĩnh.

Tôi là người viết về ông muộn nhất, nhưng tôi tin mình không phải là người cuối cùng.

Chắc chắn, hãy còn rất nhiều chuyện đáng nói, đáng chia sẻ thêm về tác phẩm và tác giả rất đặc biệt này.

Nguyễn Hữu Thời  
(Sài Gòn, Việt Nam)

## LÊ MAI LĨNH, CON NGƯỜI VÀ VĂN CHƯƠNG

Như Không, nhà văn, nhà thơ, họa sĩ

*“Tất cả chúng ta đều là kẻ chiến bại trước sự đói nghèo của nhân dân. Trước quê hương khổ đau, chúng ta đều có tội, dẫu khoác cho nhau màu áo nào.*

*Trái tim, máu và nước mắt tôi đây ngày trở lại, sau 3.102 ngày khổ sai trong mười trại tù của CSVN từ Nam ra Bắc, xin trao tặng quê hương và bạn bè”.*

Đây là những lời in trên bìa tác phẩm “*Tuyển Tập Thơ văn - tiểu luận Lê Mai Lĩnh*”. Tôi tin anh và cảm động trước những dòng tâm huyết của anh.

May mắn được là một người bạn vong niên của anh, tôi theo dõi tất cả những bài anh viết dù bất kể dạng nào.

Ồ Lê, có một chút khùng khùng của Bùi Giáng (chính anh cũng tự nhận mình là Khùng Thi Sĩ), một chút ngông ngông của Nguyễn Bắc Sơn, một chút tếu táo kiêu ... Lão Ngoan Đồng Châu Bá Thông và rất khí phách, khi nói về các vấn đề chính trị và dân tộc.

Dù văn hay thơ, văn phong của anh luôn tung tăng, có nét riêng rất... Lê Mai Lĩnh.

Anh là type người theo mẫu mực “Bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất” ngay cả khi anh đang tù tội.

Trong cuộc sống cũng vậy, năm 21 tuổi, anh thiếu úy quân Chiến tranh Chính trị Lê Mai Lĩnh ra

ứng cử dân biểu, mà chẳng có một đơn vị hoặc một tập thể nào hậu thuẫn cho anh và dĩ nhiên anh thất cử.

Hai mươi một tuổi, cái độ tuổi mà mỗi hơi thở ra toàn là những bong bóng đủ màu và cuộc đời tuyệt đối là một màu hồng.

Cái ngông của độ tuổi này đang ở trên đỉnh cao của một tuổi trẻ tin chắc rằng mình có thể thay đổi cả thế giới.

Cái mộng bước vào chính trị để “làm chính sự” năm 21 tuổi ngay trung tâm của những “Hội nghị Diên Hồng”, nơi giải quyết những vấn đề lớn của đất nước, thì rõ ràng họ Lê đang ở trên mây.

Rõ ràng cái sự “ngông” của anh đã đến chỗ thượng thừa. Nhưng, một cách tổng thể, qua chính cái ngông đó, lại vẫn thấy được tấm lòng và trách nhiệm của anh với đất nước.

Lê Mai Lĩnh là vậy. Anh hành xử theo điều anh cho là đúng, từ lúc còn trẻ cho đến già, đều như thế. Viết về anh Trần Hoài Thư, anh khen nức nở vì trong thời gian đó anh Trần Hoài Thư là trung đội trưởng một đơn vị Thám kích, còn Lê Mai Lĩnh là sĩ quan Chiến tranh Chính trị.

Khi Trần Hoài Thư hành quân vào đất chết thì anh thiếu úy CTCT Lê Mai Lĩnh tự thú rằng, hằng đêm anh nằm nhà “ôm đất vợ” ngủ.

Trong những bài viết về anh em văn nghệ của anh, có một bài tựa đề là “*Trần Hoài Thư - tên cao bồi hai súng*”. Anh ca tụng bạn anh, nhà thơ Trần Hoài Thư, nhưng anh tự nguyện rửa anh là đồ hèn, đồ chết nhất, đồ... Lê Mai Lĩnh.

Anh thẳng như ruột ngựa, nếu cần nói thì chẳng kiêng nể ai, nhưng chẳng ai giận anh cả, bụng anh sao anh nói vậy, chẳng hề có ý xấu với bất cứ người nào.

Với bạn bè anh cư xử chí tình, coi chuyện của bạn như chuyện của mình và hết lòng với bạn khi hoạn nạn.

Văn của anh tếu táo nhưng sâu sắc, không lẫn với ai được, tạm gọi là... “trường phái Lê Mai Lĩnh”.

Xin trích dẫn một đoạn trong bài viết “*Trần Hoài Thư, tên cao bồi hai súng*”:

*“Hắn đã lên đường, đã xuống bút, đã ra tay rút súng và chơi hai súng cùng một lúc. Đó là những năm cuối của thập niên 60s. Đó là những năm mà Mai Thảo, Nguyên Sa, Thanh Tâm Tuyền, Võ Phiến, Vũ Khắc Khoan, Doãn Quốc Sỹ, đang ngự trị chói lọi trên đỉnh cao văn học, là những bậc thầy, là những đàn anh, mà đám tuổi trẻ cầm bút chúng tôi phải kính trọng và vị nể.*

*Họ khen một tiếng, chúng tôi mừng. Họ chọn đăng một bài trên Sáng Tạo, Hiện Đại, Nghệ Thuật, Thế Kỷ Hai Mươi, Bách Khoa... là chúng tôi thích thú lắm. Thế mà, với hắn, cái anh chàng Trần Hoài Thư này thì khác. Hắn được đàn anh, được các bậc thầy tôn vinh, trọng vọng và nể nang ra mặt. Vì hắn đang báo hiệu một sự khủng khiếp...”*

Văn của anh dễ dàng, viết như sống và sống như viết. Anh viết bài ca tụng tài năng văn chương của Trần Hoài Thư bạn anh một cách thẳng thắn, trung thực và chí tình, không hề có chút ganh tị nào như rất thường thấy với nhiều người trong giới văn chương ganh tị với nhau.

Viết về nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn bạn anh, anh viết như sau:

*“Nhưng có thật bạn tôi, thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn, làm thơ hay không? Để trả lời câu hỏi này, tôi xin mạo muội để thưa rằng: Nguyễn Bắc Sơn không làm thơ. Hắn chỉ là một gã thư ký riêng rất đặc biệt của một nàng thơ đẹp, múp và mướt, trường túc, núi đồi nhấp nhô. Quá đã!”.*

Nhưng anh “quá đã” về cái chuyện gì? Về múp mướt, núi đồi nhấp nhô chăng? Có và không.

Cái đẹp thân hình mà Thượng Đế ban cho phụ nữ, thì một gã khùng cũng ca ngợi, hưởng chi cái gã khùng hơn một bậc nữa là Lê Mai Lĩnh.

Nhưng không phải chỉ có thế. Lê nói cái múp rụp, cái mướt rướt ở đây còn là những câu thơ thần sầu của Nguyễn Bắc Sơn:

*Vì đàn bà người nào cũng như người nấy  
Nên ta bảo mình thôi hãy quên em,  
Nhưng đàn bà, đâu phải người nào cũng như  
người nấy  
Nên suốt đời, ta nhớ nhớ quên quên.*

*(Mai sau dù có bao giờ - thơ Nguyễn Bắc Sơn)*

Thời chiến tranh và những tổn thất do chiến tranh mang đến cho người dân, cho những bạn bè thân của Lê Mai Lĩnh, đem lại cho anh những bàng hoàng, những nỗi đau và những nhận định rất mới về con người và thời cuộc.

Bạn anh, nhà văn Y Uyên mới 26 tuổi đã tử trận trong một lần bị phục kích vào năm 1969. Lê chỉ huy một toán quân nhỏ đưa xác bạn về và anh phát hiện một sự thật tàn nhẫn:

*“Y Uyên sau khi chết rồi còn bị bắn bồi máy phát súng ở mắt, ở tai và còn bị đâm bồi máy nhát*

*dao ở hai cánh tay và hai bên hông. Tôi không có mặt khi tắm liệm chàng, nhưng Học nói lại những nhận định như thế khi quan sát trên xác chết những lỗ đạn, những dấu dao trên mình chàng.*

*Có những dấu đạn người ta biết được là từ đâu, như thế nào, và người ta cũng biết được những dấu đạn nào là vô ích, là của hận thù. Trên thân xác của Uy, khi chở về Quân Y Viện, có những dấu đạn thừa, những dấu dao vô lối.*

*Những dấu đạn, dấu dao, không thể cắt nghĩa được. Nếu không phải là chúng có từ những thù hận ghê gớm, những chất ngát căm hờn, thì không thể làm sao tìm ra lý do giải thích sự hiện diện của chúng trên thân hình một người đã chết...”.*

(Núi Tà Đôn và dấu chân Y Uyên)

... Lê Bén Duyên với văn chương khi anh còn rất trẻ, khoảng 14,15 tuổi. Rất nhiều người biết đến các tác phẩm văn học của anh qua tên Sương Biên Thùy. Lê Mai Lĩnh là bút hiệu sau này khi anh qua Mỹ theo dạng H.O. sau gần 10 năm tù tội. Trong thời gian ở tù, anh gửi thư đến những người có thẩm quyền cao nhất của chế độ, yêu cầu họ trả tự do cho những người như anh và phải cải thiện chế độ ăn uống trong tù.

Dĩ nhiên, yêu cầu đó không bao giờ được đáp ứng. Lê có một trí nhớ rất tốt, rất nhiều bài thơ anh viết trong tù anh phải nhớ vì hoàn toàn chẳng có giấy bút gì cả.

Thơ anh viết như nói, không hề có chút trau chuốt nào, không rườm rà tả cảnh, lại càng không có kiểu “chọn chữ đẹp để sắp vần”.

Có lần anh điện về, lúc hai anh em chúng tôi nói chuyện về văn chương, anh bảo rằng quả thật anh có phần thất vọng khi hầu hết những bài thơ anh đọc gần đây nếu không thuộc loại tả cảnh thì cũng thuộc loại “chọn chữ sắp vần”, đọc lên thì nghe rất ghê gớm nhưng chẳng có ý nghĩa gì, cũng không chuyển tải được gì cả.

Những bài thơ anh viết trong tù là những bài thơ đau đớn của kẻ chiến bại mất tự do trong một cái nhà tù nhỏ trải qua gần 10 năm đói khổ triền miên so với cái nhà tù mênh mông bên ngoài:

*Sấn sớm, sấn trưa, sấn chiều, sấn cái thiện  
Sấn trao đổi áo quần, sấn trộm cắp giấu diêm  
Sấn nhờ thuốc thẳng, sấn lượm lật hàng hiên  
Sấn thừa mứa chó chê, tù đói cơm nhạt nhạt...  
Sấn gì cũng không chê không bỏ,  
Ta cứ ăn vào, đây bao tử được là hay,  
Đời tù no đếm được từng ngày,  
Ôi hạnh phúc qua đêm, bụng không còn cào là tốt.*

(Sấn)

Cái đói triền miên, cái đói dai dẳng, cái đói ám ảnh trong từng giấc ngủ vật vờ:

*Đã ba năm rồi ăn Tết trong tù,  
Vợ con ta ơi, bốn phương lưu lạc,  
Thôi đành xin lỗi vợ con,  
Đón giao thừa hề, ta ôm chiếc bánh  
Nhân thịt, ngón tay hề, ôi chiếc bánh chung...  
Đã lâu lắm, ta thèm miếng thịt,  
Nay Tết đến rồi, nhà nước mới cho,  
Ôi miếng thịt này, sao ngon đáo để,  
Chẳng biết trâu hay ngựa hay bò.*

(Giao Thừa năm 37 tuổi)

Những người tù còn phải trả giá nhiều. Cỡ cấp bệ nhất, cấp úy như anh cũng gần 10 năm. Những sĩ quan cao cấp cỡ cấp Tướng thì ít nhất cũng 17 năm trở lên.

*Nào éch nhái, ễnh ương,  
Nào cào cào, châu chuột,  
Nào đế nhũ, đế com,  
Nướng lửa rom ăn tuốt...  
Bạn ta ăn móng chó,  
Cơ quan thái ba ngày,  
Nướng lửa rom vội vã,  
Ăn được, kẻ cũng hay...*

*(Một ngày như mọi ngày)*

Cái địa ngục trần gian ấy có phần hãi hùng hơn cả không gian tù tội trong tác phẩm *Một ngày trong đời của Ivan Denisovich* của Alekxandre Solzenitsyn.

Con người đầy đọa con người do khác biệt về chính kiến, về tín ngưỡng, là bi kịch ngàn đời của nhân loại. Nhưng thực ra, thì có chính kiến gì? Chỉ là những tham vọng, những màu sắc ngục trang để thâm tóm quyền lực và sau đó là quyền lợi.

Ngày ra tù trên chuyến tàu xuôi Nam, lòng anh biết bao cảm khái:

*Chào em bé ném đá ta ngày mới tới,  
Và cô bé chu miệng chửi rửa mẹ cha ta ngày  
mới ra,  
Giờ thì các em đã biết ta  
Không phải là quân ăn thịt người,  
Nên đã có em mang sản đến cho ta...*

Rồi anh cảm động khi đến ga Đà Nẵng, một cậu bé gầy gò lem luốc bán thuốc lá, khi biết các anh tù

cải tạo vừa được thả về, đã ném một bao thuốc lên tặng các anh:

*Này các em ở sân ga Đà Nẵng,  
Vốn liếng bao lăm, lời lẽ thế nào,  
Mà em ném cho ta bao thuốc tặng,  
Lỡ Công an thấy được làm sao?  
(Chuyến Tàu Cuối Năm)*

Trở về đời sống dân sự, Lê làm đủ nghề để kiếm sống, những cái “nghề” trớ trêu mà anh chưa từng học một ngày nào.

Nghề cuối cùng là bán quán nhậu, nhưng khách chưa say thì chủ quán đã say. Bạn bè đến tìm anh cùng chia sẻ ly rượu để nói chuyện về thời cuộc cũng có, những người có cùng tâm sự như anh, nghe danh tiếng của anh tìm đến cũng không thiếu. Nếu họ không có tiền hoặc thiếu tiền cũng không sao, nhưng số anh em “huynh đệ chi binh”, số dân ka ki ngày xưa cũng đói rách như anh sẵn sàng giúp nhau khi hoạn nạn.

Và cuối cùng Lê rời VN cùng gia đình theo dạng H.O.

Các tác phẩm của Lê Mai Lĩnh đa dạng và rất nhiều. Chỉ riêng cuốn *Tuyển Tập Thơ Văn Tiểu Luận* của anh đã dày 625 trang. Cuốn “*Chân Dung Người Linh Thi Sĩ Miền Nam*” của Lê cũng dày 268 trang.

Trong một bài viết ngắn không thể nào khái quát được các tác phẩm anh đã viết, những ngày anh đã sống và đã trải qua, những câu chuyện văn chương với những bè bạn và những thân hữu của anh từ trước 75 cho đến nay.

Hãy nghe nhà văn Nguyễn Bá Dĩnh nói về anh:

*“Nếu bạn muốn đi tìm những vần thơ bây giờ ở hải ngoại đúng vần, đúng niêm luật thì tốt nhất là bạn đừng đọc Lê Mai Linh. Thơ Lê Mai Linh như con người của anh, không tôn trọng bất cứ luật lệ nào, kể cả vần điệu - mà nhiều người cho rằng là yếu tính của thơ - nhưng thơ LML xứng đáng được gọi là thơ.*

*Anh xứng đáng được tôn vinh là thi sĩ. Bởi vì, LML luôn luôn mang đến cho chúng ta, cùng với chữ nghĩa, nhiều thông điệp, cũng như tấm lòng bi hùng chân khiết của anh. Và cuối cùng, trong mọi thứ trên đời này, tấm lòng chân khiết không phải là thứ quý hiếm nhất hay sao?”*

Với tôi, tôi tin chắc rằng, anh cũng là một hiện tượng văn học lớn, một nhân chứng sống, trong những bể dâu của lịch sử, như khá nhiều các tên tuổi lớn khác trong văn học VN cận đại như Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Mạnh Côn, Vũ Khắc Khoan, Dương Nghiễm Mậu, Phạm Ngọc Lư và nhiều vị khác.

Xin bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với anh, cảm ơn về quà tặng của anh. Xin chúc anh mạnh khỏe và hạnh phúc.

Vì anh xứng đáng được như thế, từ những ngày tù tội cho đến nay.

Như Không  
(6-2023)

**PHÁC THẢO TIỂU SỬ**  
**NHÀ THƠ / NHÀ VĂN / NHÀ BÁO**  
**LÊ MAI LĨNH**

- Lê Mai Lĩnh tên thật là LÊ VĂN CHÍNH, sinh năm 1942 (khai sinh 1944). Sinh quán: làng Quảng Điền, xã Triệu Đại, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.
- Khởi nghiệp Văn chương từ năm 15 tuổi (1957) với bút hiệu SƯƠNG BIÊN THÙY.
- \* Từ sau ngày lưu vong sang Hoa Kỳ (1-1994) lấy bút hiệu LÊ MAI LĨNH.
- Trước năm 1975, đã cộng tác với các tạp chí: *Nghệ Thuật, Khởi Hành, Văn Học, Quân Chúng, Đời, Văn, Gió Mới, Ngàn Khơi, Tiền Phong...*Viết bình luận chính trị cho các nhật báo: *Hòa Bình, Độc Lập, Da Vàng, Sóng Thần, Gió Nam, Quyết Tiến, Quật Khởi, Tranh Đấu...*
- Xuất thân khóa 1/68 Trường Sĩ quan Bộ binh Thủ Đức. Thụ ký Tòa soạn nguyệt san Trường Bộ binh Thủ Đức.
- Năm 1962, nhận GIẢI NHẤT VĂN CHƯƠNG PHẬT GIÁO do Tỉnh hội Phật giáo Quảng Trị tổ chức vào dịp Phật Đản mùa hè 1962.
- Năm 1969, bút chiến với nhà văn Mặc Đỗ trên tuần báo *Khởi Hành* về vấn đề “Mặc Cảm Kaki Trong Văn Học”.
- Năm 1971, bút chiến với nhà văn Uyên Thao trên tuần báo *Đời* của nhà văn Chu Tử về vấn đề “*Con Ngựa Gõ Ấn Quang và Thành Troie Nam Việt Nam*”.
- Năm 1971, tranh cử Dân biểu Hạ Nghị Viện tại đơn vị Phan Thiết, Bình Thuận.
- Năm 1972, nhân danh một thi sĩ Việt Nam đề nghị MỘT GIẢI PHÁP HÒA BÌNH CHO CHIẾN

TRANH VIỆT NAM bên cạnh những giải pháp của Nixon, Lê Đức Thọ. Giải pháp này đã được đăng tải trên nhiều mặt báo bấy giờ và phổ biến tại Lưỡng viện Quốc hội.

- Sau ngày 30-4-1975, bản thân xem như mình “đi tu” mà đời gọi là Lao động khổ sai trong 3.102 ngày, qua 10 trại tù (mà bản thân xem như chùa) từ Nam ra Bắc.

Trong nhà tu (tạm gọi như thế), tại trại K4/ Tân Lập/ Vĩnh Phú, vào đêm 20-7-1979 (đêm ghi nhớ Hiệp định Genève 1954 chia cắt Tổ quốc), ông “thầy tu” Lê Văn Chính đã treo cổ tự tử sau khi viết hai lá thư: một gửi ông Lê Duẩn, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam yêu cầu thay đổi đường lối lãnh đạo, một gửi Ban Giám thị trại đòi hỏi cải thiện chế độ lao tù.

Được tha khỏi trại (mà bản thân gọi là đã đắc đạo), “xuống núi” từ ngày 30-11-1983.

Để mưu sinh giữa nhà tù lớn từ Nam Quan đến mũi Cà Mau, bản thân đã chơi những trò chơi như sau: phụ thợ hồ, vịn thợ mộc, vá và bơm xe đạp (và mọi thứ xe linh kính khác), phụ bếp, bếp trưởng, chùi cầu tiêu, bỏ mồi cà phê, thuốc lá, bia lên con (tục gọi là bia sinh tố), rượu Gò Vấp, rượu Ông già bật ngửa, gạo, nếp, các thứ đậu (xanh đen đỏ), buôn bán ve chai, buôn hương bán phấn (nhang đèn và phấn bảng học trò), nuôi heo, nuôi gà, nuôi chó, nuôi mèo, nuôi dê, trồng nho, làm chủ quán nhậu.

- Sau ngày phái đoàn Mỹ phỏng vấn xong, đốt quán nhậu, sống bằng nghề vay nợ (trình độ vay nợ sau đại học), làm thơ, viết văn, và uống rượu... cho tới giờ lên máy bay (12 giờ đêm 10-4-1994). Đang lúc tay kéo cái bị lác, áo quần vung vãi... Công an cửa khẩu lại hỏi xin tiền.

Lúc đó mới tỉnh ra và nghĩ mình là cha bộ đội.

- Sang Hoa Kỳ hôm sau cũng là ngày 10-4-1994 theo diện tỵ nạn chính trị H.O.

Hai tuần sau khi qua Mỹ bắt đầu sự nghiệp viết chừa, viết miếu cho các tạp chí *Văn Học* và *Tranh Đấu* ở Pháp, Đức, Na Uy, Gia Nã Đại và Hoa Kỳ là *Khởi Hành*, *Hồn Việt*, *Sài Gòn Times* (California), *Góp Gió*, *Chính Nghĩa* (Washington State), *Việt Báo* (Colorado), *Thế Giới Mới*, *US Việt* (Texas), *Phương Đông*, *Thăng Long*, *Asian Times*, *Dân Chủ Mới* (Massachusetts), *Thời Mới* (Philadelphia), *Cỏ Thơm* (Virginia), *Quốc Gia*, *Đi Tới* (Canada), *Quê Mẹ* (Pháp), *Cánh én* (Đức), *Đất Đứng* (Na Uy), *Dân Việt*, tiếng nói của người Việt tỵ nạn Cộng sản tại bang Connecticut.

- Từ năm 1995, Chủ nhiệm, Chủ bút nguyệt san *Lửa Việt*.

Năm 1997, tại Hoa Kỳ, Lê Mai Lĩnh chơi thêm một bút chiến khác với nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc về: *Triển vọng văn học Việt Nam lưu vong*.

- Ngày 23-4-2000, nhận lời mời của Ban chấp hành Cộng đồng Người Việt Quốc gia vùng Montréal, Canada đã đến nói chuyện trước gần 1.000 đồng hương nhân ngày giỗ tổ Hùng Vương với nội dung bài thuyết trình: “**ĐÃ TỚI LÚC CÀN PHẢI ĐƯA NHỮNG NHÀ LÃNH ĐẠO HOA KỲ LIÊN QUAN TỚI CHIẾN TRANH VIỆT NAM TRONG HAI THẬP NIÊN 60-70 RA TRƯỚC VÀNH MÓNG NGỰA**”.

- Tháng 11 năm 2000, nhân lời mời của Tiến sĩ Nguyễn Bá Long, chủ tịch Liên minh Các lực lượng Dân chủ Việt Nam, sang Pháp ký vào Hiến chương 2000 nhằm mục đích vận động cho Dân chủ và Tự Do tại Việt Nam, nhân danh một văn nghệ sĩ Việt Nam lưu vong.

## TÁC PHẨM

1. *Nỗi Buồn Nhược Tiểu* - NXB Hoa Sen, Nha Trang, 1963
2. *Lời Phản Kháng Của Những Người Làm Thơ Châu Á* - NXB Thái Độ, Sài Gòn, 1967
3. *Góp Gió - tuyển tập thơ của 100 nhà thơ quân đội*, Cục Tâm lý chiến, Sài Gòn, Việt Nam
4. *Thơ Lê Mai Lĩnh* - NXB Sông Thu, California, Hoa Kỳ, 1997
5. *A Lasting Mirage - tuyển tập thơ các nhà thơ thế giới*, Thư viện Thi ca Hoa Kỳ, 1997
6. *B.40 - tuyển tập nhiều tác giả*, Làng Văn, Canada, 1997
7. *Hậu B.40 - tuyển tập nhiều tác giả*, Làng Văn, Canada, 1997
8. *Đứng Ngồi Không Yên*, phóng bút - Ý Trời xuất bản, Hoa Kỳ, 1999
9. *Vườn Thơ Hải Ngoại - tuyển tập thơ nhiều tác giả*, Tủ sách Phụ Nữ Thời Nay, Hoa Kỳ, 2001
10. *Lưu Dân Thi Thoại - bút luận 25 Năm Thơ Hải Ngoại*, Cội Nguồn, Hoa Kỳ, 2003
11. *Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại* - tuyển tập thơ nhiều tác giả, Hội Văn hóa Việt Pháp, Paris, 2003
12. *Những Đứa Con Hoang* - kịch độc thoại, Cội Nguồn, 2005
13. *Chân Dung Lê Mai Lĩnh, song ngữ - A Poet's Portrait*, Cội Nguồn, 2005
14. *Trăng Trên Dòng Thạch Hãn, thơ / truyện / tùy bút* - in chung với nhà thơ Vương Lê Hằng, Ý Trời xuất bản
15. *Tuyển tập Lê Mai Lĩnh, thơ, văn, tiểu luận, phê bình văn học, nhận định chính trị.*
16. *Thơ Tình Thế Kỷ* - in với Vương Lê Hằng, Ý Trời xuất bản

17. *Lương Quyên, cô láng giềng* - Ý Trời xuất bản, 2016
18. *Tuyển tập Văn Miền Nam Thời Chiến* - Thư Quán Bản Thảo xuất bản
19. *Tuyển tập Thơ thời chiến Miền Nam* - Thư Quán Bản Thảo xuất bản
20. *Chân Dung Người Lính, Thi Sĩ Miền Nam* - NXB Nhân Ảnh, 2023
21. *Cuộc Phẫu Thuật Văn Chương* - NXB Nhân Ảnh, 2023
22. *Thơ Của Những Người Thua Cuộc, The poems of the loses* - do nhà văn Nguyễn Hữu Thời tuyển chọn và dịch sang Anh ngữ.
23. *Nguyễn Thị Sâm, Những Dấu Chân Dọc Đường Kháng Chiến*, NXB Ý Trời, 2024.
24. *THƠ TÌNH LÊ MAI LĨNH*, NXB Ý Trời, 2024.
25. *Hãy Cho Tổ Quốc Mượn Đôi Chân Của Bạn*. NXB Ý Trời, 2024.

## MỤC LỤC

1. TUYÊN NGÔN THƠ.....	3
2. DANH NGÔN.....	4
3. Từ Swong Biên Thùy đến Lê Mai Lĩnh.....	5
4. Lê Mai Lĩnh, với tình yêu và hồn thơ.....	14
5. Một chút cảm nhận về thơ văn.....	26
6. Lê Mai Lĩnh, thi sĩ của trần gian.....	32
7. Chặng đường từ Swong Biên Thùy.....	39
8. Năm bài thơ cảm hứng từ phong trào.....	43
9. Đêm giao thừa nhớ về.....	57
10. Viết trước giờ treo cổ.....	61
11. Thư gửi Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản.....	64
12. Thư ngỏ gửi Đại tướng.....	78
13. Tô Lâm và tôi.....	80
14. Tướng Trần Độ.....	84
15. Những điều chưa nói hết.....	98
16. Đã tới lúc cần phải.....	114
17. Cuộc bút chiến văn chương.....	128
18. Góp ý với nhà phê bình.....	137
19. Con ngựa gỗ Ấn Quang.....	151
20. Donald Trump và Lê Mai Lĩnh.....	153
21. Một chút Sài Gòn.....	157
22. Trần Trung Đạo, nhà thơ.....	165
23. Diễn văn từ chối giải Nobel văn chương.....	173
24. Lê Mai Lĩnh, người cầm bút chịu chơi.....	178
25. Lê Mai Lĩnh, con người và văn chương.....	190
26. Phác thảo tiểu sử.....	199
27. Tác phẩm.....	202
28. Mục lục.....	204

